

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm						Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể				Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết	
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)							Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)			
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX,... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử	Thương lái									
1	Nga Sơn	Nga Thạch	Nga Thạch	Lúa (Thái Xuyên 111, BVT 404)						620	6.500		5/10	4.030	350			100,0 %			100,0 %				HTX DVNN Nga Thạch	Mai Văn Nam	0384 704 368	Quý 4/2021			Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam	
				Lợn thịt						160	60.000		11	9.600	1.550		100%(HN)		100,0 %					100,0 %								
				Thủy hải sản						600	55.000		6/12	33.000	4.560			100,0 %						100,0 %								
2	Nga Sơn	Nga Thụy	Nga Sơn	Thủy hải sản						513	50.000		6/12	25.650	2.925			100,0 %			100,0 %				HTX DVNN Nga Thụy	Vũ Văn Chương		Quý 4/2021			Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam	
				Lợn thịt						400	60.000		11	24.000	3.200		100%(HN)		100,0 %													
3	Nga Sơn	Nga Thạch	Nga Thạch	Dưa vàng		x			2020	200	40.000		5/12	8.000	1.110		50% (Ninh Bình, Nghệ An,...)	50,0 %					100,0 %		Công ty CP Nông nghiệp Vạn Hoa	Nguyễn Văn Nam	0912 215 325	Quý 4/2021				
4	Nga Sơn	TT Nga Sơn	Nga Sơn	Đông trùng hạ thảo tươi/khô		x			2021	300.000 hộp/năm	200.000đ/hộp	x		60.000	7.200		50 %	50,0 %			50,0 %	50,0 %			Cơ sở đông trùng hạ thảo Đăng Khoa	Mai Thị trang		Quý 4/2021				
5	Nga Sơn	Nga Thanh	Nga Sơn	Chiếu cời		x			2021	100000 lá chiếu	450.000đ/dây	x		22.500	2.250	50% (Châu Âu, Nhật Bản,...)	30 %	20,0 %							UBND xã Nga Thanh	Phạm Hùng Mạnh		Quý 4/2021				
6	Nga Sơn	Ba Đình	Ba Đình	Lúa (Thái Xuyên, TBR 225)						1.914	7.000		5/10	13.398	2.679			100,0 %			100,0 %		100,0 %		HTX nông nghiệp Ba Đình	Nguyễn Hữu Sỹ	0949 018 467	Quý 1/2022				
				Gà thả						57	100.000	x		5.700	855			100,0 %			100,0 %		100,0 %									
7	Nga Sơn	Nga Phương	Nga Phương	Lúa (Thái Xuyên)						1.200	7.000		5/10	8.400	1.680			100,0 %			100,0 %		100,0 %		HTX Nông nghiệp Nga Phương	Ngô Đăng Khoa	0913 988 636	Quý 1/2022				
				Khoai tây						255	7.500		12	1.912	573		100% Hà Nội		100,0 %												Học viện Nông nghiệp Việt Nam	
				Lợn thịt						560	60.000		11	33.600	5.040		100% Hà Nội		100,0 %												Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam	
				Cà nước ngọt (trần, chếp,...)						167	65.000		10	10.855	1.650			100,0 %					100,0 %									
8	Nga Sơn	Nga Văn	Nga Thạch	Thuốc lao						150	100.000		5	15.000	2.500			100,0 %					100,0 %		HTX Nông nghiệp Nga Văn	Đoàn Văn Ngưỡng	0911 256 444	Quý 1/2022				
				Rau mướp vụ đông						720	15.000		11/12	10.800	2.160			100,0 %			100,0 %											
				Gà thả công nghiệp						36	60.000		4/7/10	2.160	350			100,0 %			100,0 %		100,0 %									
9	Nga Sơn	Nga Thiện	Ba Đình	Lúa (Thái Xuyên 111, BVT 404)						1.800	6.500		5/10	11.700	1.755			100,0 %			100,0 %				HTX Nông nghiệp Nga Thiện	Mai Thị Văn	0978 214 402	Quý 1/2022				
				Rau mướp vụ đông						1.224	15.000		11/12	18.360	4.590			100,0 %			100,0 %											
				Gà cầm						40	65.000		4/7/10	2.600	390			100,0 %					100,0 %									
10	Nga Sơn	Nga Hải	Hồ Vượng	Lúa (Thái Xuyên 111, BVT 404)						2.415	7.000		5/10	16.905	1.700			100,0 %			100,0 %				HTX Nông nghiệp Nga Hải	Vũ Đình Hoàng	0948 049 027	Quý 1/2022				
				Rau mướp vụ đông						1.200	15.000		11/12	18.000	3.600			100,0 %					100,0 %									
				Gà cầm						56	65.000		4/7/10	3.640	546		100% (HN)		100,0 %				100,0 %								Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam	
11	Nga Sơn	Nga Trường	Nga Trường	Lúa (Thái Xuyên 111, BVT 404)						1.200	6.000		5/10	7.200	700			100,0 %					100,0 %		HTX Nông nghiệp Nga Trường	Bùi Văn Hồng	0904 519 153	Quý 1/2022				
				Khoai tây, củi bó xù						1.200	6.000		12	7.200	1.080		100% (Ninh Bình)		100,0 %												Công ty XNK Đồng Giao	
12	Nga Sơn	TT Nga Sơn	Nga Sơn	Đồ thủ công mỹ nghệ	SMECTA					300.000	100.000	x		28.000	8.000	100% (Nga, Ba Lan, Mỹ, Úc, Hà Lan, Nhân Bản, Hàn Quốc,...)						10,0 %	90,0 %		Công TY TNHH Xuất khẩu Việt Trang	Trần Thị Việt	0888 799 595	Quý 3/2023				
13	Nga Sơn	Nga Thái	Tân Tiến	Lúa (VT404, Bắc Thom, Quốc Tế 1, PC - 15)						1.950	7.000		10, 4	13.650	4.095			Nga Sơn 100%						100,0 %	HTX Nông nghiệp Nga Thái	Trần Văn Rý		Quý 2/2023				
				Củi						1.360	10.000	x		13.600	3.400		50% (Ninh Bình)	Nga Sơn 50%	100,0 %												Công ty Kim Sơn Ninh Bình, Công ty Ngân Khương	
14	Nga Sơn	Nga Thành	Hồ Vượng	Khoai tây						675	7.000		12	4.725	1.418		100% (HN)		100,0 %						HTX Dịch vụ Nông nghiệp Tân Thành	Vũ Văn Hoàng	0984449004	Quý 2/2023			An Việt, GVA	
15	Nga Sơn	Nga Vĩnh	Nga Vĩnh	Lúa (Phù Ủu, VT 404)						1.511	7.000		4, 9	10.577	3.173		15% (Ninh Bình)	Nga Sơn, TP Thanh Hoá 85%	20,0 %						HTX Nông nghiệp Nga Vĩnh	Nguyễn Đoàn Bay	0905935326	Quý 2/2023			Hồng Quang (NB), Bà Triệu (TH)	

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm						Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể			Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)				Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)				
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tính nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX, ... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử					Thương lái			
16	Nga Sơn	Nga Liên	Hồ Vương	Giương cói xanh, dứa cói, dứa lốt bản lùn...		x				9000 sản phẩm	150.000	x		1.350	337	80% (Châu Âu, Mỹ)		Nga Sơn, TP TH 20%	90,0 %			10,0 %		Công ty TNHH Sản xuất thương mại và xuất khẩu Cói Xanh	Nguyễn Thị Huyền	0392776313	Quý 2/2023		Hồn Ngọc Viễn Đông (HN), Tiên Phong (HN)	
17	Nga Sơn	TT Nga Sơn	Nga Sơn	Rượu Tù Thóc	An toàn VSTP					35000 lít	40.000	x		1.400	700	50% (Hà Nội, Sài Gòn, Bình Phước)	0,5 %				100,0 %		Công ty TNHH Vina Farm	Đỗ Thị Thảo	0918 298 836	Quý 3/2023				
18	Nga Sơn	Nga Thanh	Nga Sơn	Thú công mỹ nghệ từ cói		x				30000 sản phẩm	400.000	x		12.000	2.400	80% (Nhật Bản, Hồng Kông)	20% (HN, TPHCM, Đồng Nai)		80,0 %		20,0 %			Công ty TNHH Ngân Khương	Mai Thị Yên	0946780585	Quý 2/2023		Viet Trang (TH), Mỹ nghệ Tam Long (TPHCM)	
19	Nga Sơn	Nga Giáp	Hồ Vương	Lạc						684	25.000		6	17.100	4.275	100% (Ninh Bình)			100,0 %					HTX Nông nghiệp Nga Giáp	Hà Văn Hạnh	0969624838	Quý 2/2023		Cry Ninh Bình	
				Khoai tây						800	7.000		3	5.600	1.680	100% (HN)			100,0 %										Công ty An Việt	
20	Nga Sơn	Nga Giáp	Hồ Vương	Giò lợn nạc		x				207	115.000	x		23.805	2.450			Nga Sơn, TP Thanh Hoá, Hải Lộc 100%			100,0 %			Công ty TNHH Nâng nung xanh Tâm Thành	Phạm Duy Thành	0988268798	Quý 1/2022			
21	Nga Sơn	Nga Phương	Nga Thắng	Lúa (Thái Xuyên 111, BC15, Bắc Hương)						200	10.000		T5, T9	110 triệu đồng/ha/năm	35 triệu đồng/ha/năm		100,0 %				100,0 %			HTX NN Nga Linh	Mã Thị Đông	0374450656	Quý 2/2025			
				Lạc						80	28.000		T6,T12	120 triệu đồng/ha/năm	50 triệu đồng/ha/năm		100,0 %				100,0 %									
22	Nga Sơn	Nga Diễn	Nga An	Lúa (Bắc thơm, VT 404)						642	8.000		T5, T9	100 triệu đồng/ha/năm	35 triệu đồng/ha/năm		100,0 %				100,0 %			HTX Nông nghiệp Nga Diễn	Hoàng Văn Hải	0978449523	Quý 2/2025			
23	Nga Sơn	Nga Hiệp	Nga Sơn	Lúa (BC15, Thái Xuyên, Bắc Thơm)						400	10.000		T5, T9	110 triệu đồng/ha/năm	35 triệu đồng/ha/năm		100,0 %				100,0 %			HTX Nông nghiệp Nga Trung - Nga Sơn	Nguyễn Văn Vương	0399215247	Quý 2/2025			
24	Nga Sơn	Nga Liên	Hồ Vương	Cói						1.256	12.000		T4,T9,12	15.072	3.014		100,0 %				100,0 %			HTX Nông nghiệp Nga Liên - Nga Sơn	Trần Quang Trung	0949004085	Quý 2/2025			
25	Nga Sơn	Nga Hiệp	Nga Sơn	Lúa (BC15, Bắc Thịnh, Bắc Thơm)						100	10000		T5,T9	110 triệu đồng/ha/năm	35 triệu đồng/ha/năm		100,0 %				100,0 %			HTX DVNN Nga Bạch	Lê Thị Minh	0974049405	Quý 2/2025			
26	Nga Sơn	Nga Tiến	Tân Tiến	Cói						1.200	10.000		T6,T10	12.000	2.400	70% (Thái Bình)	30,0 %			100,0 %				HTX Nông nghiệp Nga Tiến	Mai Chấn Thắng	0364748988	Quý 2/2025			
27	Ngọc Lặc	Minh Sơn	Minh Sơn	Lúa (Khang Dân, BTR 99, Bắc Thịnh)						2.100	6.000		5;10	12.600	1.115		100,0 %				100,0 %			HTX Dịch vụ nông nghiệp và xây dựng Minh Sơn	Nguyễn Trung Dũng	0867 551 268	Quý 2/2022			
				Mía						5.000	1.100		10;11	5.500	450		100,0 %	100,0 %											Công ty mía đường Lam Sơn	
				Na kim hoàng hậu						45	80.000		7	3.600	450		100,0 %				100,0 %									
28	Ngọc Lặc	Đồng Thịnh	Thạch Lập	Lúa (Thái Xuyên 111, BTR 99, Bắc Thịnh)						1.259	6.000		5;10	7.302	750		100,0 %					100,0 %		HTX Dịch vụ nông nghiệp Đồng Thịnh	Quách Văn Tường	0359 379 148	Quý 1/2022			
				Ngô						547	7.000		10	3.829	574		100,0 %					100,0 %								
				Sắn						1.230	3.500		4;11	4.305	645		100,0 %					100,0 %								
29	Ngọc Lặc	Minh Sơn	Minh Sơn	Lúa (Thái Xuyên 111, BTR 99, Bắc Thịnh)						3.474	5.500		5;10	19.107	2.100	40% (Ninh Bình)	60,0 %			60,0 %	40,0 %			HTX Dịch vụ nông nghiệp Minh Sơn	Nguyễn Trung Dũng	0867 551 268	Quý 1/2022			
				Ngô ngọt						1.325	7.500		10	9.937	1.987		100,0 %					100,0 %								
				Mía						5.340	1.150		10;11	6.141	921		100,0 %	100,0 %											Công ty mía đường Lam Sơn	
				Già cốm						86	65.000		4;7;10	5.590	1.118	50% (Hà Nội, Nghệ An...)	50,0 %			10,0 %	90,0 %									
30	Ngọc Lặc	Ngọc Liên	Ngọc Liên	Lúa (Bắc Thịnh, PC 15)						2.520	6.000		5;10	15.120	1.510		100,0 %					100,0 %		HTX Dịch vụ nông nghiệp Ngọc Liên	Trịnh Bá Ngọc	0947 249 678	Quý 1/2022			
				Lạc						80	16.000		8	1.280	256		100,0 %				100,0 %									
				Rau màu các loại						121	10.000		10;11	1.210	302		100,0 %				100,0 %									

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm						Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể				Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)						Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)			
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX, ... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử	Thương lái								
				Sắn						2.700	3.000		4;11	8.100	850			100,0 %					100,0 %								
31	Ngọc Lặc	Quang Trung	Thạch Lập	Lúa (Khang Dân, BTR 99, Bắc Thịnh)						3.183	6.000		5;10	19.098	1.750			100,0 %					100,0 %	HTX Dịch vụ nông nghiệp Quang Trung	Lương Công Đỉnh	0373 579 397	Quý 1/2022				
				Ngô ngọt						575	7.000		10	4.025	603			100,0 %			100,0 %										
				Rau mùa vụ đông						8.000	8.500		10;11	68.000	7.560			100,0 %			30,0 %		70,0 %								
				Già cốm						114	60.000		4;7;10	6.864	1.029		50% (Hà Nội, Ninh Bình)	50,0 %			50,0 %		50,0 %								
32	Ngọc Lặc	Kiến Thọ	Kiến Thọ	Lúa (Khang Dân, Bắc Thịnh)						3.900	6.500		5;10	25.350	2.236			100,0 %					100,0 %	HTX Dịch vụ nông nghiệp Kiến Thọ	Lê Hữu Mùng	0914 757 092	Quý 1/2022				
				Mía đường						8.190	1.150		10;11	9.418	1.050			100,0 %	100,0 %											Công ty mía đường Lam Sơn	
				Sắn						10.465	3.000		4;11	31.395	2.863				100,0 %												Công ty Phúc Thịnh
				Ngô ngọt						315	6.500		10	2.047	250			100,0 %			100,0 %										
33	Ngọc Lặc	Minh Tiến	Minh Sơn	Lúa (Khang Dân, BTR 99, Bắc Thịnh)						2.100	6.000		5;10	12.600	1.050			100,0 %					100,0 %	HTX Dịch vụ nông nghiệp và xây dựng Minh Tiến	Bùi Đức Thống	0377 619 334	Quý 2/2022				
				Ngô ngọt						450	6.000		10	2.700	220			100,0 %			100,0 %										
				Già cốm						140	60.000		4;7;10	8.400	1.055		60% (Hà Nội, Ninh Bình, Bắc Ninh)	0,4 %			40,0 %		60,0 %								
34	Ngọc Lặc	Nguyệt Ân	Nguyệt Ân	Lúa (Khang Dân, BTR 99, Bắc Thịnh)						2.200	7.000		5;10	15.400	1.350			1,0 %					100,0 %	HTX Dịch vụ nông nghiệp Nguyệt Ân	Phạm Văn Hồng	0915 103 800	Quý 2/2022				
				Mía						2.800	1.100		10;11	3.080	350			100,0 %	100,0 %												Công ty mía đường Lam Sơn
				Sắn						10.500	1.800		4;11	18.900	1.550			100,0 %	100,0 %												Công ty Phúc Thịnh
				Keo						50.000	800	x		40.000	3.500			100,0 %					100,0 %								
35	Ngọc Lặc	Minh Sơn	Minh Sơn	Lúa (Khang Dân, BTR 99, Bắc Thịnh)						2.100	6.000		5;10	12.600	1.115			100,0 %					100,0 %	HTX Dịch vụ nông nghiệp và xây dựng Minh Sơn	Nguyễn Trung Dũng	0867 551 268	Quý 4/2021				
				Mía						5.000	1.100		10;11	5.500	450			100,0 %	100,0 %												Công ty mía đường Lam Sơn
				Na kim hoàng hậu						45	80.000		7	3.600	450			100,0 %			100,0 %										
36	Ngọc Lặc	Minh Tiến	Minh Sơn	Lúa (Khang Dân, BTR 99, Bắc Thịnh)						300	6.000		5;10	1.800	150			100,0 %			100,0 %			HTX Dịch vụ nông nghiệp Liên Minh	Phạm Tuấn Anh	0987 978 391	Quý 2/2022				
				Ngô chân nuôi						1.200	1.200		4;8;12	1.440	163			100,0 %	100,0 %												Công ty Vinamilk
				Mía						1.000	1.100		10;11	1.100	90			100,0 %	100,0 %												Công ty mía đường Lam Sơn
37	Ngọc Lặc	Thủy Sơn	Ngọc Lặc	Rau má						2	20.000	x		40	10			100,0 %			100,0 %			HTX Dịch vụ nông nghiệp và xây dựng Hưng Thịnh	Phạm Văn Mư	0946 921 535	Quý 3/2022				
				Già thịt						60	55.000		4;7;10	3.300	450			100,0 %					100,0 %								
				Đẻ						8	135.000	x		1.080	145			100,0 %			100,0 %										
38	Ngọc Lặc	Ngọc Liên	Ngọc Liên	Miến dong Hương Ngọc	An toàn VSTP				2021	7	100.000		11,12,1,2	700			30% (Hà Nội, Nghệ An, TP Hồ Chí Minh)	70,0 %	30,0 %				70,0 %	HTX DVNN TM và XD Thành Công	Lê Quang Lịch		Quý 3/2022				
39	Ngọc Lặc	Nguyệt Ân	Nguyệt Ân	Vải sầu không hạt	VietGAP					30	100.000		5, 6	3.000	1.400		70% (Hà Nội, Sài Gòn)	30,0 %					100,0 %	CTyTNHHNNCNC Hồ Gươm-Sông An	Nguyễn Văn Huệ	0373573121	Quý 1/2023				
				Thanh long	VietGAP					50	13.000		5, 7	650	250		60% (Hà Nội, Nghệ An)	40,0 %			100,0 %										

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm						Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể				Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)					Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)				
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX, ... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử	Thương lái								
40	Nông Công	Mình Khôi	Nông Công	Gạo tím	VietGAP	x			2021	38	40.000		5, 10	1.520	150		40% (Hà Nội)	60,0 %			60,0 %				HTX DVNN Mình Khôi	Ngô Cự Huân	0982148687	Quý 3/2023			
41	Nông Công	Vạn Hoà	Nông Công	Tỏi yến thảo		x				1000kg		x		2.500	1.000		100 %	20,0 %	80,0 %			20,0 %			Cty CP yến sào VN Nam Khánh Nest	Nguyễn Thanh Tùng	0911019444	Quý 4/2022			
42	Nông Công	Vạn Hoà	Nông Công	Lúa (Thái Xuyên 111, BVT 404)						4.320	6.000		5/10	25.920	2.330			100,0 %		100,0 %				HTX DVNN Vạn Hoà	Lê Đình Nguyên		Quý 4/2021				
				Rau vụ đông	VietGAP					3.500	10.000		10/11/12	35.000	3.250			100,0 %		100,0 %											
				Già cốm						100	50.000		4,8/12	5.000	650			100,0 %		100,0 %											
43	Nông Công	Hoàng Giang	Trung Chính	Lúa (Khương Dân, BTR 99, Bắc Thịnh)						923	6.500		5/10	5.999	610			100,0 %		100,0 %				HTX DVNN Hoàng Giang	Trần Thế Long	0372 216 217	Quý 4/2021				
				Rau vụ đông						1.500	10.000		10/11/12	15.000	1.690			100,0 %		100,0 %											
44	Nông Công	Thăng Long	Thăng Bình	Miến gạo		x			2020	370	20.000	x		7.400	1.480		50% (HN, Hưng Yên...)	50,0 %			100,0 %				HTX DV sản xuất miến gạo Thăng Long	Trương Hữu Hoà	0388 049 602	Quý 4/2021			
45	Nông Công	Thăng Long	Thăng Bình	Lúa (Khương Dân, BTR 99, Bắc Thịnh)						5.215	6.000		5/10	31.290	3.056			100,0 %				100,0 %			HTX DVNN Thăng Long	Nguyễn Duy Quang	0854 896 495	Quý 4/2021			
				Lạc						106	16.000		8	1.696	1.266			100,0 %		100,0 %											
				Rau vụ đông						4.200	10.000		10/11/12	42.000	3.500			100,0 %		100,0 %											
				Khoai tây						3.460	7.500		12	25.950	2.960		100% (HN)		100,0 %											Công ty An Việt	
46	Nông Công	Trương Sơn	Trương Văn	Gạo sạch Hương Quê		x			2020	300	22.000		5/10	6.600	750			100,0 %		100,0 %				HTX DVNN Trương Sơn	Nguyễn Trọng Thành		Quý 4/2021				
47	Nông Công	Trung Thành	Thắng Lợi	Lúa (Thái Xuyên 111, Bắc Thịnh, PC15)						1.750	6.000		5/10	10.500	950			100,0 %		100,0 %				HTX DVNN Trung Thành	Đỗ Quang Hương		Quý 4/2021				
				Rau vụ đông						550	10.000		10/11/12	5.500	725			100,0 %		100,0 %											
48	Nông Công	Phùng NN	Nông Công	Lúa Q5, nhì ưu, kháng dãn...		x				76			5,9				100 %	20,0 %				100,0 %		Phùng NN huyện Nông Công	Lương Minh Hùng		Quý 4/2021				
49	Nông Công	Vạn Thắng	Nông Công	Hương bài		x			2022	200000 bó	20.000	x		4.000	400		60% (Kon Tum, Bình Dương)	40,0 %			100,0 %	10,0 %		HTX Hương Bài Vạn Thắng	Nguyễn Văn Dân	0985073983	Quý 3/2023				
50	Nông Công	Vạn Thắng	Nông Công	Nếp hương (lúa tuốt)	Tiêu chuẩn công ty					177	6.400		5,9	1.133	375		100% (Ninh Bình)		100,0 %			100,0 %		HTX NN Vạn Thắng	Lê Trọng Tuấn	039891342	Quý 3/2023		Công ty Cúc Phương (Ninh Bình)		
				Rau màu	VietGAP					90	15000-35000	x		2.295	300		100 %	100,0 %	30% (Ngã Sơn)		70,0 %									Công ty chế biến khoai tây Ngã Sơn	
51	Nông Công	Thăng Long	Thăng Bình	Miến gạo		x			2021	220 tấn	25.000	x		5.500	1.200		70% (Hà Nội và các tỉnh Miền Trung)	30,0 %			10,0 %	20,0 %		HTX DV SX miến gạo Thăng Long	Trương Hữu Hoà	0388049602	Quý 3/2023				
52	Nông Công	Trung Thành	Thắng Lợi	Dứa đóng hộp			x		2021	32 tấn	20000đ/lon	x		40.000	3.000		Xuất thương mại qua công ty Hagimex Hà Nam	100 %		100,0 %				Công ty CP chế biến nông sản Trung Thành	Lê Trường Tùng	0963251336	Quý 3/2023				
				Dưa chuột bao tử đóng hộp			x		2022	15 tấn	35000đ/hà		5, 12	2.000	350		Xuất thương mại qua công ty Hagimex Hà Nam	100 %		100,0 %											
53	Nông Công	Tân Phúc	Trung Chính	Già sạch		x			2023	1000 chiếc	200.000	x		100	20		Xuất Thương mại qua công ty Quốc Đại Hà Nam	100 %		100,0 %				HTX Thủ công mỹ nghệ Tân Phúc	Nguyễn Thị Hương	0964537019	Quý 3/2023		Công ty Quốc Đại - Hà Nam		
				Đũa, dĩa còi, khay còi						10000 hàng các loại	15000-150000	x		5.000	400		100 %														
54	Nông Công	Thị trấn nông công	Nông Công	Cây bóng mát, cây cảnh, cây ăn quả						1000000 cây/năm		x		7.000	2.000		90% (Quảng Nam, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình)	10,0 %			80% đại lý; 20% Trường học, trụ sở cơ quan, BCH nông			HTX Thành Oanh	Lê Thị Oanh	0913050888	Quý 1/2024				
55	Nông Công	Xã Trường Giang	Trương Văn	Tôm thẻ chân trắng	Nuôi công nghệ cao(thu), bán thâm canh (7-8ha)					50	130.000	x		6.500	1.950			100,0 %				100,0 %		Trang trại NTTS Lê Thiễn Lâm	Lê Thiễn Lâm		Quý 1/2024				
				Cua	Nuôi kết hợp tại diện tích bán thâm canh					2	300.000	x		600	180			100,0 %				20,0 %									

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm						Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể				Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)						Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)			
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX,... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử	Thương lái								
56	Nông Công	Xã Trường Giang	Trường Văn	Tôm thẻ chân trắng	7ha Nuôi bán thâm canh; 16ha nuôi quảng canh cải tiến					15	120.000		4-5 và 7-8	1.800	450			100,0 %					40,0 %		60,0 %	Trang trại NTTS Nguyễn Hữu Hiến	Nguyễn Hữu Hiến	0982314789	Quý 1/2024		
				Cua	Kết hợp nuôi tôm					3	300.000		4-5 và 7-8	750	188																
57	Nông Công	Xã Trường Giang	Trường Văn	Tôm thẻ chân trắng	Nuôi thâm canh, bán thâm canh (4ha); 8,8ha nuôi quảng canh kết hợp thả cá, cua					5	120.000		4-5 và 7-8	600	180			100,0 %					100,0 %			Trang trại NTTS Trịnh Văn Hưng	Trịnh Văn Hưng	0984553988	Quý 1/2024		
				Cua, cá nước lợ	Kết hợp cùng nuôi tôm					2	300.000		4-5 và 7-8	450	135			100,0 %					100,0 %								
58	Nông Công	Xã Tương Văn	Tương Linh	Gạo sạch vùng triều Tương Văn	VietGAP	x			2023	140	20000-25000	x		3.150	700	60% (Hà Nội)	40,0 %			20,0 %	80%(fb, website, zalo)			HTX Dịch vụ nông nghiệp Tương Văn	Lâm Xuân Lai	0394838420	Quý 1/2024				
59	Nông Công	Xã Tế Lợi	Thắng Lợi	Rau ăn lá, củ	VietGAP					60	20000-25000	x		1.200	400	40%(Hà Nội)	60,0 %	20,0 %		20,0 %		60,0 %			HTX Nông sản Thăng Nông	Nguyễn Thanh Hào	0976827277	Quý 1/2024		Công ty Cổ phần thực phẩm Long Liêu	
60	Nông Công	Thị trấn Nông Công	Nông Công	Dưa chuột AKO	VietGAP	x			2022	4	20000-25000			80	30	20% (Hà Nội)	80,0 %			80,0 %					HTX Sản xuất rau củ quả, hoa, cây ăn quả an toàn công nghệ cao Chung Thủy	Trần Văn Tâm	0988257494	Quý 2/2024			
61	Như Xuân	Thanh Quân	Thanh Quân	Ngô chân muối						540	6.000		6;12	3.240	350		100,0 %	100,0 %							HTX DVNN Thanh Quân	Vĩ Văn Cói		Quý 4/2021		Cty Vinamilk	
				Rau vụ đông						1.250	10.000		10;11;12	12.500	1.150		100,0 %				100,0 %										
				Sắn						7.500	4.000		12	30.000	3.500		100,0 %	100,0 %												Cty Phúc Thịnh	
62	Như Xuân	Xuân Hoà	Xuân Bình	Cam						1.000	35.000		11;12	35.000	4.000		50% (HN, Hải Phòng,...)	50,0 %				100,0 %			HTX SXNN Thành Công	Chữ Thành Hải	0974 626 785	Quý 4/2021			
63	Như Xuân	Thanh Phong	Thanh Phong	Lúa (Khang Dân, BTR 99, Bắc Thành)						780	6.000		5;10	4.680	455		100,0 %				100,0 %			HTX DVNN Thanh Phong	Lê Văn Tuấn		Quý 4/2021				
				Ngô chân muối						6.000	6.000		6;12	36.000	3.200		100,0 %	100,0 %												Cty Vinamilk	
				Sắn						3.000	4.000		12	12.000	1.250		100,0 %	100,0 %												Cty Phúc Thịnh	
64	Như Xuân	Xuân Quý	Hoài Quý	Lúa lai (TBR225, Khang Dân, Thái Xuyên111,...)							6.000		5 và 9				100,0 %			100,0 %								Quý 2/2022			
65	Như Xuân	Cát Văn	Thượng Ninh	Cây mạy ca							280.000		7				100,0 %					100,0 %			HTX Mac Ca Thành Phát	Đỗ Trọng Học	0947359156	Quý 3/2023			
66	Như Xuân	Hoài Quý	Hoài Quý	Lúa lai (TBR225, Khang Dân, Thái Xuyên111,...)							6.000		5 và 9				100,0 %				100,0 %				HTX Bón Thổ xã Hoài Quý	Nguyễn Lê Ngọc Linh	0815229668	Quý 2/2022			
67	Như Xuân	Thanh Quân	Thanh Quân	Lúa (Thái Xuyên 111, BVT 404)						525	6.000		5;10	3.150	650		100,0 %				100,0 %	100,0 %			HTX Dịch vụ nông nghiệp Thanh Quân	Vĩ Thị Lễ	0969 412 530	Quý 3/2022			
				Ngô						270	7.000		5;12	1.890	350		100,0 %				100,0 %	100,0 %									
68	Như Xuân	Hòa Quý	Hoài Quý	Gà dôi Năm Dung	VietGAP	x			2021	45.000	90.000 - 120.000	x		5.400	600	30% (Hưng yên, Thái Bình, Hà Nội)	70,0 %	30,0 %				70,0 %		CSSX Gà dôi Năm Dung	Hoàng Ngọc Năm	0974566320	Quý 1/2022		Công ty CP Nông nghiệp sạch Như xuân		
69	Như Xuân	Yên Cát	Như Xuân	Hương bài Như Xuân		x			2021	6.750.000 que/năm	45.000 - 60.000 đ/hộp 100 que	x		1.300	300	50% (Hà Nội, Ninh Bình, Nam Định,...)	50,0 %	50,0 %				50,0 %		HTX DVNN Hương bài Như Xuân	Lê Thị Hằng		Quý 3/2022				
70	Như Xuân	Tân Bình	Như Xuân	Cá						30	31000-65000		3 - 10	1.440	288	100% Dẫn Châu, Nghệ An						100,0 %			HTX NTTS Tân Bình	Nguyễn Văn Bằng	0973461871	Quý 4/2023		Thương lái ở Dẫn Châu, Nghệ An	
				Óc						2	70.000		3 - 10	140	28	100% Dẫn Châu, Nghệ An						100,0 %								Thương lái ở Dẫn Châu, Nghệ An	

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm				Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể				Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết	
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế	Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)						Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)			
												Quanh năm	Tháng		Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX,... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử							Thương lái
				Mít ong						300t	300.000	x		90	18			100,0 %						100,0 %						Đồng Sơn, các xã huyện lân cận trên địa bàn tỉnh
71	Như Xuân	Xuân Hòa	Xuân Bình	Keo						1.000	1.180.000/ván	x		1.180	200			100,0 %	100,0 %						Công ty TNHH Cường Huyện	Lê Văn Cường	0376619789	Quý 4/2023	Công ty TNHH Thanh Thành Đạt	
72	Như Xuân	TT Yên Cát	Như Xuân	Thịt trâu gác bếp	ATTP	x			2021	1	1.150.000	x		1.242	373		Hà Nội, Hải Dương, Ninh Bình, Quảng Ninh, HCM	20,0 %			10,0 %	90% (website, zalo,fb)			Cơ sở kinh doanh Lưu Hải Hà	Lưu Hải Hà	0869616667	Quý 4/2023		
				Sâm cau						1	150.000	x		108	43		Hà Nội, Hải Dương, Ninh Bình, Quảng Ninh, HCM	20,0 %			10,0 %	90% (website, zalo,fb)								
73	Như Xuân	Cát Tân	Thương Ninh	Cá						0,50	40.000		T2-T4; T10-T12	20	10			100,0 %			100,0 %				Trang trại chăn nuôi tổng hợp Nguyễn Văn Linh	Nguyễn Văn Linh	0898049575	Quý 2/2025		
				Lợn thịt						4	70.000	x		280	80															
				gà cốm (gà, vịt)						3	60.000	x		180	70															
74	Như Xuân	Cát Văn	Thương Ninh	Macca		x			2023	2	280.000	x		560	150		30% (Khánh Hòa, Nha Trang, Nghệ An, Hà Nội)	70% (Tp Thanh Hóa các các huyện)				100,0 %			HTX Mac ca Thành Phát Như Xuân	Đỗ Trọng Học	0947359156	Quý 2/2025		
				Mít ong						800 chai	250.000	x		200	60															
75	Như Xuân	Cát Tân	Thương Ninh	Macca						3	90.000		T7,T9	270	100			100,0 %			100,0 %				Trang trại trồng trọt Lê Hữu Cường	Lê Hữu Cường	0977619343	Quý 2/2025		
76	Như Xuân	Cát Văn	Thương Ninh	Lợn thịt						20	70.000	x		1.260	252			100,0 %			100,0 %				Trang trại chăn nuôi Lê Hữu Thái	Lê Hữu Thái	0789426222	Quý 2/2025		
77	Như Xuân	Cát Tân	Thương Ninh	Mít ong						1.000	200.000		T4, T6,T12	200	100			100,0 %			100,0 %				HTX DV NLN & nuôi ong mật Cát Xuân	Lê Đình Hoàn	0915091721	Quý 2/2025		
78	Như Xuân	Cát Tân	Thương Ninh	Chè	VietGAP	x			2023	3	200.000	x		450	150		30% (Các tỉnh miền Nam)	70,0 %			100,0 %				HTX DV NLN và sản xuất chè hữu cơ Thanh Văn	Nguyễn Văn Vũ	0359895784	Quý 2/2025		
79	Như Thanh	Yên Lạc	Yên Thọ	Miến dong	ATVSTP	x			2021	20	90.000	x		1.300	260		60% (Hà Nội, Ninh Bình, Khánh Hòa, Lâm Đồng)	40,0 %				100,0 %			HTX DVNN Xã Yên Lạc	Phạm Công Bảo	0383 837 133	Quý 4/2021		
80	Như Thanh	Yên Thọ	Yên Thọ	Lúa (Bắc Thơm)						2.580	6.000		5;10	15.480	1.234			100,0 %				100,0 %			HTX DVNN Yên Thọ	Bùi Ngọc Tuấn	0972 021 418	Quý 4/2021		
				Sắn						600	4.000		12	2.400	250			100,0 %	100,0 %										Cty Phúc Thịnh	
81	Như Thanh	Hải Long	Như Thanh	Lúa (Khang Dân, BTR 99, Bắc Thịnh)						394	6.000		5;10	2.366	2.150			100,0 %			100,0 %				HTX DV Nông lâm nghiệp Hải Long	Nguyễn Danh Thanh		Quý 4/2021		
				Ngô chân muối						1.750	6.000		6;12	10.500	935			100,0 %	100,0 %											
				Thủy hải sản						1.160	50.000	x		58.000	4.500			100,0 %			100,0 %									
82	Như Thanh	Hải Long	Như Thanh	lúa Q5, Thái xuyên									5,9					100,0 %							UBND xã Hải Long	Vì Trung Thân		Quý 4/2021		
83	Như Thanh	Yên Thọ	Yên Thọ	Nấm mộc nhĩ, nấm linh chi, nấm bào ngư sấm,...	Hữu cơ	x			2020	300	15.000 - 700.000 tùy loại	x		2.000	500			100,0 %					100,0 %		HTX nông sản hữu cơ Trúc Phương	Lê Đình Trúc		Quý 2/2022		
84	Như Thanh	Xuân Thái	Xuân Thái	Nếp hạt cau						3	180 - 200.000		11	60	20			100 %(Như Thanh, Nồng Cống)	100,0 %						HTX Dịch vụ nông lâm nghiệp Xuân Thái	Quách Văn Nhật	0989 240 913	Quý 2/2023		
85	Như Thanh	Cán Khê	Xuân Du	Cây riềng						3.500	7.000	x		24.500	18.000		35% (Hải Dương, Hà Nội,...)	65% (Như Thanh, TP TH,...)	100,0 %						HTX Dịch vụ nông nghiệp Cán Khê	Lê Bá Ninh	0985 393 854	Quý 2/2023		
86	Như Thanh	Yên Lạc	Yên Thọ	Miến dong		x			2021	500	100	x		1.300	260		60% (Hà Nội, Ninh Bình, Khánh Hòa, Bình Dương, Lâm Đồng)	40,0 %	100,0 %						HTX DVNN Yên Lạc	Phạm Công Bảo	0383 837 133	Quý 2/2023		

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm					Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể				Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)						Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)		
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX, ... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử	Thương lái							
87	Như Thanh	Xuân Khang	Như Thanh	Lúa						1.503	7.000 - 8.000		5,9	80 triệu/ha/năm	30 triệu/ha/năm			100,0 %						HTX DV Tổng Hợp Xuân Khang	Vũ Văn Sơn	0988 328 789	Quý 2/2023			
				Keo						224.000	1.100	x		246.400	123.000			100,0 %												
				Gai						36	47.000	x		1.690	676			100,0 %										Nhà máy dệt An Phước		
				Sắn						2.700	2.000		12	5.400	1.620			100,0 %												
88	Hậu Lộc	Hoài Lộc	Hoa Lộc	Mắm tôm, tếp...		x			2019	80	20.000	x		1.600	200		50%(HN, TP.HCM...)	50,0 %			100,0 %			Công ty TNHH chế biến hải sản Hoà Hải	Đặng Văn Sơn	0373 745 388	Quý 2/2021			
89	Hậu Lộc	Tiến Lộc	Triệu Lộc	Lúa						4.512	6.500		5, 9	77 triệu/ha/năm	29triệu/ha/năm			100,0 %	50,0 %				50,0 %	HTX Nông Nghiệp Tiến Lộc	Vũ Ngọc Lâm		Quý 2/2021	Công ty Hoàng Sơn (Đại Lộc)		
				Ngô						24	6000 - 7000		12 - 1	720	432			100,0 %					100,0 %							
				Lạc đậu tương						2	13000 - 17000/kg tươi		12 - 1	26 - 34	13 - 17			100,0 %					100,0 %							
				Rau màu						10	8000 -12.000	x		80 - 120	60 triệu/ha/năm			100,0 %					100,0 %							
90	Hậu Lộc	Triệu Lộc	Triệu Lộc	Lúa						5.284	6.500		5, 9	77 triệu/ha/năm	29triệu/ha/năm			100,0 %					100,0 %	HTX DVNN Triệu Lộc			Quý 2/2021			
				Ngô						156	6.000		12 - 1	936	561,6			100,0 %					100,0 %							
				Lạc						22,68	15000/kg lạc tươi		12 - 1	340,2	204			100,0 %					100,0 %							
				Rau màu						8	8000 -12.000	x		85	50 triệu/ha/năm			100,0 %					100,0 %							
91	Hậu Lộc	Minh Lộc	Vạn Lộc	Dầu mè, dầu điều						500kg		x		300	50		50% (Hà Nội, TP.HCM, ...)	50,0 %	50,0 %				50,0 %	CTNNHHSX&CBTP Hòn Nẹ	Nguyễn Văn Thuật	0928616166	Quý 2/2022			
92	Hậu Lộc	Vân Lộc	Vạn Lộc	Lúa						3.741	8.000		5, 9	81 triệu/ha/năm	32 triệu/ha/năm			100% (Hậu Lộc)					100,0 %	HTX NN Vân Lộc	Nguyễn Văn Sơn		Quý 2/2022			
				Ngô						144	9.000		12 - 1	1.296	446															
				Lạc						18,8	10.000		12 - 1	187,5	77,5															
93	Hậu Lộc	Tiến Lộc	Triệu Lộc	Lúa						4.998	7.000		5, 9	30.835	9,25			100,0 %					100,0 %	HTX DVNN Tiến Lộc	Vũ Văn Đông		Quý 2/2022			
				Ngô						550	8.000		12 - 1	4.400	880			100,0 %					100,0 %							
94	Hậu Lộc	Hòa Lộc	Hoa Lộc	Lúa						1.440	8.000		5, 9	11.520	4.020			100,0 %					100,0 %	HTX NN Hòa Lộc	Nguyễn Văn Thành		Quý 4/2022			
				Lạc						122,2	10.000		12 - 1	1.222	272			100,0 %					100,0 %							
				Ngô						390	9.000		12 - 1	3.510	960			100,0 %					100,0 %							
95	Hậu Lộc	Phú Lộc	Hoa Lộc	Rau (cải bó xôi, đậu tương đỏ)	VietGAP	x				360	8.500		9- 5	3.060	612		90% Ninh Bình	10,0 %	90,0 %				10,0 %	HTX Nông nghiệp Phú Lộc	Hoàng Văn Toàn	0962 164 379	Quý 4/2023	Công ty CP Thực phẩm xuất khẩu Đông Giao - Ninh Bình; Công ty Long Phương Nam - TT Hậu Lộc; Công ty TNHH XNK Thành An - Ninh Bình;		
				Rau thủy canh	VietGAP					9	30000-35000	x		293	88		100% nội tỉnh	100,0 %			100,0 %									

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/ thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm				Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể			Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết	
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)					Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại			Đã điều tra (Thời điểm)
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX, ... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử	Thương lái						
96	Hải Lộc	Hoa Lộc	Hoa Lộc	Ôt XK	VietGAP						10	13000-16000		11 -5	145	50		100% Hải Dương		100,0 %					HTX Nông Nghiệp Hoa Lộc	Phạm Thị Duân	0328633782	Quý 4/2023	HTX Cáo Sơn - Huyện Cẩm Giàng - Tỉnh Hải Dương
97	Hải Lộc	Liên Lộc	Hoa Lộc	Lúa ST25	Đang làm quy trình VietGap						242	11000-14000		9- 6	138triệu/ha/năm	39triệu/ha/năm		100% Thành phố Thanh Hóa	100,0 %	100,0 %					HTX Nông Nghiệp Liên Lộc	Đỗ Hữu Trung	0917507561	Quý 4/2023	Công ty TNHH Nông Sản An Thành Phong
				Ngô	Đang làm quy trình VietGap						450	7.500	x		3.375	675		100% Ninh Bình		100,0 %									Công ty CP Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao - Ninh Bình
98	Hải Lộc	Mỹ Lộc	Hải Lộc	Lúa Thái Xuyên							308	11.000		5 - 9	89 triệu/ha/năm	32triệu/ha/năm		100% nội tỉnh	100,0 %				100,0 %	HTX Nông nghiệp Mỹ Lộc	Nguyễn Hồng Sơn	0968156273	Quý 4/2023		
99	TX.Nghị Sơn	Thanh Sơn	Phường Ngọc Sơn	Lúa (Thái Xuyên, Dải Thom.)							1.577	7.500		5;10	82 triệu/ha/năm	31 triệu/ha/năm			50,0 %				50,0 %	HTX DVNN Thanh Sơn	Lê Văn Long		Quý 2/2021		
				Lạc							780	16.000		8	12.480	1.039			50,0 %				50,0 %						
				Rau vụ đông							1.250	10.000		10;11;12	12.500	1.163			50,0 %			50,0 %							
100	TX.Nghị Sơn	Hải Bình	Phường Hải Bình	Nước mắm, mắm tôm, mắm tép, mắm chua vị thanh		x			2019	500.000 lít	10000-120000	x					30% (Hà Nội, Ninh Bình,...)	70,0 %						HTX CBTS Hải Bình	Nguyễn Thế Hoàng		Quý 2/2021		
101	TX.Nghị Sơn	Hải Ninh	Phường Ngọc Sơn	Lúa (Thái Xuyên 111, BVT 404)							558	7.000		5;10	78 triệu/ha/năm	29 triệu/ha/năm			100,0 %				100,0 %	HTX Dịch vụ nông nghiệp Hải Ninh	Lê Hồng Diêu	0366 091 435	Quý 1/2022		
				Lạc							96	16.000		8	1.536	230			100,0 %			100,0 %							
				Thủy hải sản							1.220	50.000	x		61.000	9.150			100,0 %				100,0 %						
102	TX.Nghị Sơn	Hải An	Phường Tân Dân	Lúa (Thái Xuyên 111, BTR 99, Bắc Thịnh)							1.633	6.000		5;10	9.801	990			100,0 %				100,0 %	HTX Dịch vụ nông nghiệp Hải An	Lê Khắc Ninh	0975 129 599	Quý 1/2022		
				Lạc							382	15.000		8	5.730	860			100,0 %				100,0 %						
103	TX.Nghị Sơn	P. Hòa Hải	Phường Ngọc Sơn	Hải sản							2.000		x		10.000	2.000	Trung Quốc (100%)		100,0 %					Công ty TNHH chế biến hải sản Hiệp Anh	Lê Thị Liễu	0979841676	Quý 1/2022		
104	TX.Nghị Sơn	Hải Châu	Phường Ngọc Sơn	Nước mắm cá cơm	TCVN 5107:2018						100.000	25 - 150000	x		36.000	600		10% (Hà Nội, Nghệ An,...)	90,0 %			10,0 %	100,0 %	Công ty CP Hải Châu	Trần Thị Việt		Quý 4/2023		
105	TX.Nghị Sơn	Hải Ninh	Phường Ngọc Sơn	Nước mắm cốt	An toàn VSTP						60000 lít	200.000	x		10.000	9.000		20% (Hà Nội, Hải Dương, Phú Thọ,...)	80,0 %				100,0 %	Công ty CP nước mắm Tinh Gia	Lê Thị Toàn	0963863638	Quý 4/2023		
106	TX.Nghị Sơn	Phường Hải Bình, T.X Nghi Sơn	Phường Hải Bình	Các loại hải sản							10.000	6000-8000		5 - 10	80.000	800			100,0 %	1,0 %			99,0 %	Công ty Cổ phần Trung Hải Anh	Lê Thị Trang	0949362409	Quý 2/2024	Công ty CPTMVT CBHS Long Hải; Công ty TNHH Hải Long	
107	TX.Nghị Sơn	Phường Nguyễn Bình, TX Nghi Sơn	Phường Đào Duy Từ	Lúa thượng phẩm(Thái Xuyên 111, Bắc Thành, Khang Dân)							935	8.000		5 - 12	7.480	2.244			100,0 %				100,0 %	Hợp tác xã nuôi tiêu dịch vụ nông nghiệp Nguyễn Bình	Phạm Xuân Hòa	0395461099	Quý 2/2024		
108	TX.Nghị Sơn	Xã Các Sơn, TX Nghi Sơn	Xã Các Sơn	Lúa thượng phẩm(Thái Xuyên 111, Thủy Hương, Nếp Hưng Yên, GH20)	Theo tiêu chuẩn của công ty liên kết tiêu thụ						8096-9568	8.000		5 - 9		22.963		5%(Hưng Yên)	100,0 %	10,0 %			100,0 %	HTX Dịch vụ nông nghiệp xã Các Sơn	Nguyễn Như Trường	0383837707	Quý 2/2024	Công ty cổ phần chế biến Nông Sản thực phẩm Hưng Yên	
109	TX.Nghị Sơn	Phường Hải Ninh, TX Nghi Sơn	Phường Ngọc Sơn	Lợn thịt	Tuần thủ theo quy trình của CP						120	64.000		6 -7 và 12 - 1	7.680	3.072		100,0 %		100,0 %				Trang trại Chăn nuôi Nguyễn Phú Bài	Nguyễn Phú Bài	0344842268	Quý 2/2024	Công ty CP Việt Nam liên kết thức ăn chăn nuôi, giống, thuốc thú y và đầu ra sản phẩm	
110	TX.Nghị Sơn	Hải Thanh, TX.Nghị Sơn	Phường Tinh Gia	Nước mắm cốt TH	HAPP		x		2022	11000000 lít/năm	180.000	x		2.000	200		30%(Hà Nội, Ninh Bình,)	70,0 %		2%(Go, Coopmart)	80,0 %	1%(shope e)	20,0 %	Công ty TNHH Chế biến hải sản Ba Lăng	Nguyễn Văn Tuyên	0966861267	Quý 2/2024		
111	TX.Nghị Sơn	Xã Các Sơn, TX Nghi Sơn	Xã Các Sơn	Đm kim hoàng hậu	VietGap						14	35000-40000		T3,T6,T9	530	260			100,0 %	100,0 %				Hợp tác xã dịch vụ chăn nuôi tổng hợp xã Các Sơn	Lê Thanh Nga	0984935229	Quý 2/2024	Công ty Richfarm (Tho Xuân)	
				Dúi							100 cặp đười/năm	900000-1000000/cặp giống		T4,T8,T12	100	70		10 %	90,0 %				100,0 %						
				Lươn không bùn							2-3 tấn	180000-200000		12 -2	437	170		40 %	60,0 %				100,0 %						

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm						Thông tin thị trường								Thông tin chủ thể			Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết	
					3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)					Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại			Đã điều tra (Thời điểm)
													Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX,... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ						
112	Thọ Xuân	Xuân Thành	Thọ Xuân	Lúa (Thái Xuyên, Bắc Thịnh, Khang dân, TBR225,...)					2.100	7000 - 8400		5; 9	85 triệu/ha/năm	33 triệu/ha/năm			50,0 %					50,0 %	HTX Nông nghiệp Xuân Thành	Lê Đức Minh		Quý 1/2021		
				Ngô bẻ					180	7000 - 8000		12 - 1	1.350	675			50,0 %					50,0 %						
				Cam, bưởi				VietGAP	2.000	35.000		11;12	70.000	7.500														
				Rau màu				VietGAP	200	10000-25000		x		3.500	875													
				Ớt					250	20.000		12	5.000	1.500	100% (Trung Quốc)			50,0 %									Công ty TNHH Tịnh Cẩm	
113	Thọ Xuân	Thọ Diên	Xuân Hoà	Lúa (Thái Xuyên, Bắc Thịnh, Khang dân, TBR225,...)					2.249	6.500 - 7.000		5 - 9	80 triệu/ha/năm	31 triệu/ha/năm			50,0 %					50,0 %	HTX DVNN Thọ Diên	Nguyễn Văn Thảo		Quý 2/2021		
				Ngô					445	7.000 - 8.000		12 - 1	3.341,25	2.004,75			50,0 %					50,0 %						
				Cây gai					21 - 24,5	45		x	945 - 1.102,5	472,5 - 551,25		50 %	50,0 %	50,0 %									Công ty An Phước	
				Cây mía					1400 - 1.500	1.100 - 1.200		12 - 1	1.540 - 1.650	77 - 82,5		50 %	50,0 %	50,0 %									Nhà máy mía đường Lam Sơn	
				Rau màu					125	10000-20000		x		2.500	625			100,0 %										
114	Thọ Xuân	Phú Xuân	Xuân Tín	Lúa (Thái Xuyên, Bắc Thịnh, Khang dân, TBR225,...)					4.225	6.500		5; 9	79 triệu/ha/năm	30 triệu/ha/năm			100,0 %					100,0 %	HTX DVNN Phú Xuân			Quý 2/2021		
				Ngô					220	5500 - 7000		12 - 1	1.375	825			100,0 %					100,0 %						
				Mía					280	1.100 - 1.200		12 - 1	308	77				100,0 %										
				Rau màu								x										100,0 %						
115	Thọ Xuân	Xuân Hồng	Thọ Xuân	Lúa (Thái Xuyên 111, Bắc Thịnh, PC15)					3.406	6.000		5;10	75 triệu/ha/năm	29 triệu/ha/năm			100,0 %					100,0 %	HXT DVNN Xuân Hồng	Trịnh Vinh Hợp	0901713567	Quý 1/2021		
				Rau vụ đông					7.500	10.000		10;11;12	75.000	8.500			100,0 %				50,0 %	50,0 %						
				Cây ăn quả					1.980	10.000		11;12	19.800	2.500			100,0 %					100,0 %						
116	Thọ Xuân	Thọ Xương	Lam Sơn	Lúa					1.564	6000 - 7000		5; 9	78 triệu/ha/năm	30 triệu/ha/năm			100,0 %					100,0 %	HTX Nông nghiệp Thọ Xương	Nguyễn Tây Nguyên		Quý 1/2021		
				Ngô					1292,5	7.000		12 - 1	9047,5	5428,5			100,0 %					100,0 %						
				Lạc					30	15.000		12 - 1	450	270 - 300			100,0 %					100,0 %						
				Mía					336	1.100 - 1.200		12 - 1	370	92			100,0 %	100,0 %									Nhà máy đường Lam Sơn	
117	Thọ Xuân	Xuân Bái	Lam Sơn	Mía					2.100	1.100 - 1.200		12 - 1	2.310	578			100,0 %	100,0 %					HTX DVNN Xuân Bái	Đỗ Xuân Thông		Quý 2/2021	Nhà máy đường Lam Sơn	
118	Thọ Xuân	Quảng Phú	Xuân Tín	Mía					10.500	1.200		12, 1	12.600	3.780			100,0 %	100,0 %					HTX DVNN Quảng Phú	Vũ Văn Vinh	0979 807 006	Quý 2/2021	Công ty mía đường Lam Sơn	
				Lúa (Thái xuyên 111, VT 404, TBR225, Bắc Thịnh,...)					1.760	7.000		5, 10	80 triệu/ha/năm	32 triệu/ha/năm			100,0 %					100,0 %						
				Ngô đông					150	1.400		12, 1, 2	210	105			100,0 %	100,0 %									Công ty Vinamilk Thống Nhất	
				Sắn dây				ATVSTP	200	15.000		1	3.000	1.500			100,0 %			100,0 %								
119	Thọ Xuân	Thọ Lộc	Thọ Long	Lúa (Thái Xuyên 111, Q5, VL20)					2.500	6.000		5;10	75 triệu/ha/năm	28 triệu/ha/năm			100,0 %					100,0 %	HXT DVNN Thọ Lộc	Phạm Ngọc Thơm	0382973000	Quý 1/2021		
120	Thọ Xuân	Xuân Minh	Xuân Lập	Lúa (Thái Xuyên 111, Q5, Nhị ưu 88)					3.600	6.000		5;10	76 triệu/ha/năm	29 triệu/ha/năm			100,0 %					100,0 %	HXT DVNN Xuân Minh	Đỗ Thị Hoa	0986247268	Quý 1/2021		
121	Thọ Xuân	Xuân Lập	Xuân Lập	Lúa (Thái Xuyên 111, Q5, TBR225)					3.500	6.000		5;10	80 triệu/ha/năm	31 triệu/ha/năm			100,0 %					100,0 %	HTX DVNN và PTNT Xuân Lập	Mai Thị Hiền	0393712188	Quý 2/2021		

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm						Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể				Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)					Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)				
														Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX, ... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ					Thương mại điện tử	Thương lái		
122	Thọ Xuân	Nam Giang	Thọ Long	Vịt đẻ	VietGAP						375.000 quả	3.000	x		5.400	250			100,0 %					100,0 %	HTX cây trồng và vật nuôi Đồng Ngưu	Lê Việt Ngọc	0978673283	Quý 1/2021			
123	Thọ Xuân	Phú Yên	Xuân Tín	Hương thơm, bắc thình, khạng dân, BC15							3.500	5.500		5; 9					100,0 %					100,0 %	HTXNN&PTNT Phú Yên	Trịnh Đình Vợt		Quý 4/2022			
124	Thọ Xuân	Xuân Thiện	Thọ Lập	Bắc thình, bắc thình, khạng dân, BC15, thái xuyên111							4.500	7.200		5; 9					100,0 %					100,0 %	HTXDV Xuân Thiện	Mai Xuân Hải		Quý 4/2022			
125	Thọ Xuân	Xuân Tín	Xuân Tín	J02, bắc thình, thái xuyên111								7.500		5; 9					100,0 %					100,0 %	HTXNN&PTNT Xuân Tín	Trịnh Duy Thuận		Quý 4/2022	Cty Tâm Phú Hưng		
126	Thọ Xuân	Xuân Hoà	Xuân Hoà	Bắc thình, thái xuyên111,Thiên ưu, khạng dân							2.400	6.500		5; 9					100,0 %					100,0 %	HTXNN Xuân Hoà	Lê Bá Dũng		Quý 4/2022	Cty Tâm Phú Hưng		
127	Thọ Xuân	Thọ Trường	Xuân Lập	Thái xuyên111, nếp N97,Nu 63							5.000	7.500		5; 9					100,0 %					100,0 %	HTXNDVNN Thọ Trường	Trịnh Văn Thao		Quý 4/2022	Cty Tâm Phú Hưng		
128	Thọ Xuân	Xuân Lai	Xuân Lập	Thái xuyên111,Bắc thình, Đại dương							1.700	7.000		5; 9					100,0 %					100,0 %	HTXNDVNN Xuân Lai	Lê Hữu Chung		Quý 4/2022	Cty Tâm Phú Hưng		
129	Thọ Xuân	Xuân Phú	Sao Vàng	Thái xuyên111,bắc thình, Q5							400	7.000		5; 9					100,0 %					100,0 %	HTXNDVNN Xuân Phú	Trần Quốc Quý		Quý 4/2022	Cty Tâm Phú Hưng		
130	Thọ Xuân	Xuân Yên	Xuân Tín	Kẹo lạc		x			2019		2		x		1.000	300		100 %	40,0 %	60,0 %				40,0 %	Cty TNHH Đức Giang	Dương Văn Giang	0916520567	Quý 4/2022	Cty Tâm Phú Hưng		
131	Thọ Xuân	TT.Lam Sơn	Lam Sơn	Cá thu hộp							2		x		400	50			100,0 %					100,0 %	DNTN thực Huyện Trường Giang	Lê thị Lê Huyền	0914331366	Quý 4/2022			
132	Thọ Xuân	Bắc long	Thọ Long	Cây ăn quả							2			9 -12	300	100			100,0 %					100,0 %	Công ty TNHH sinh thái, sinh vật cảnh	Hoàng Văn Chung		Quý 4/2022			
133	Thọ Xuân	Xuân Hồng	Thọ Xuân	Già ủ muối thảo mộc Trinh Tâm	VietGAP						30	200.000	x		6.000	1.000		60%(Hà Nội,TPHCM	40,0 %			40%(Face book, TikTok		Công ty cổ phần DVNN Happy Farm Việt Nam	Trịnh Tâm	091758363	Quý 2/2023				
134	Thọ Xuân	Thọ Xương	Lam Sơn	Trái cây (bưởi Luân Văn, ổi, cam canh)		x					250	20.000		10; 11; 12	5.000	750		60%(Hà Nội, Nghệ An...)	40,0 %		100,0 %			Công ty TNHH Nông nghiệp hiện đại Lam Sơn Sao Vàng	Nguyễn Thị Hương	0988 681 148	Quý 3/2023				
135	Thọ Xuân	Lam Sơn	Lam Sơn	Dưa vàng, cam							1.000	50.000		4,8;12	50.000	5.500		50% (HN, Hải Phòng, Nam Định)	50,0 %		100,0 %			Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao mùa đường Lam Sơn	Lê Huy Khiêm	0973 449 345	Quý 4/2023				
136	Thọ Xuân	Xã Xuân Minh	Xuân Lập	Già thương Phẩm							1.600	75	x		11	1.000.000.000		70%, Hà Nội, Thái Nguyên, Ninh Bình	30,0 %				100,0 %	Công ty TNHH Tăng Lực	Trịnh Ngọc Tô	0912143956	Quý 1/2024				
137	Thọ Xuân	Xã Bắc Lương	Thọ Long	Bưởi diễn	VietGap	x			2020		250	15.000		10 -12	3.750	1.000.000.000			100,0 %				100,0 %	HTXLấn kết sản xuất cây có múi, KDTH	Nguyễn Văn Tấn	0905277186	Quý 1/2024				
138	Thọ Xuân	Xã Xuân Tân	Xuân Lập	Lúa lai (Thái xuyên111,Bắc thình, Q5)							2	8		5; 9	110 ha/năm	34triệu ha/năm			100,0 %					100,0 %	HTXDVNN Xuân Tân	Nguyễn Văn Nhân	0372288137	Quý 1/2024			
139	Thọ Xuân	Xã Trường Xuân	Xuân Lập	Già thương Phẩm							80	100	x		8.000	1			100,0 %					100,0 %	Trang trại lồng hợp Trịnh Hùng Dũng	Trịnh Hùng Dũng	0984823017	Quý 1/2024			
140	Thọ Xuân	Xã Trường Xuân	Xuân Lập	Già thương Phẩm							80	100	x		8.000	1			100,0 %					100,0 %	Trang trại lồng hợp Trịnh Văn Tuấn	Trịnh Văn Tuấn	0982539080	Quý 1/2024			
141	Thọ Xuân	Xã Xuân Hồng	Thọ Xuân	Sen							6	130	x		780	200			100,0 %					100,0 %	Trang trại lồng hợp Lê Ngọc Mạnh	Lê Ngọc Mạnh	0987115468	Quý 1/2024			
				Cá							15	20.000			300	60			100,0 %			100,0 %									
142	Thọ Xuân	Xã Xuân Hồng	Thọ Xuân	Già thương Phẩm							16	100	x		1.600	200			100,0 %					100,0 %	Trang trại lồng hợp Nguyễn Thế Thoai	Nguyễn Thế Thoai	02378637999	Quý 1/2024			
				Lợn							500con/năm	52.000			2.700	500			100,0 %					100,0 %							
				Hoa cây cảnh							1500 cây/năm	20.000			300	70			100,0 %					100,0 %							
				Cây lưu năm							20	20.000			140	50			100,0 %					100,0 %							
143	Thọ Xuân	Xã Xuân Hồng	Thọ Xuân	Già thương Phẩm							100	100	x		10.000	1			100,0 %					100,0 %	Trang trại chăn nuôi Trịnh Phú Tuấn	Trịnh Phú Tuấn	0911213268	Quý 1/2024			
144	Thọ Xuân	Xã Xuân Trường	Thọ Xuân	Cây công trình							250 cây/năm	10.000.000	x		2.500	500		30% (Hòa Bình, Nam Định, Hà Nội)	70,0 %					100,0 %	Công ty TNHH Cây xanh Lam Sơn	Đỗ Công Chính	0977922188	Quý 2/2024			
145	Thọ Xuân	Thị trấn sao vàng	Sao Vàng	Dưa vàng, dưa lưới	VietGAP						130	30000-48000		5- 11	6.200	1.000		50%(Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng)	50,0 %			20(Sản từ luân tạo sạch, ...)		80,0 %	Công ty TNHH TM-DV Nông nghiệp CNC RICHFARM	Lê Thị Vân	0975892098	Quý 2/2024			
146	Hoàng Hóa	Hoàng Hốp	Hoàng Giang	Lúa							1820 - 1960	7.000		5; 9	12.740 - 13720	5096 - 5488			100,0 %					100,0 %	HTX DVNN Hoàng Hốp			Quý 3/2021			

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/ thị trấn	Tên sản phẩm	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm				Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể			Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết	
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)				Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)			
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX, ... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử							Thương lái
				Lạc						20	13000 - 15000 (lạc tươi)		12-1	260 - 300	100 - 150			100,0 %											
				Rau mầu								x		10.500	6.300			100,0 %											
147	Hoàng Hóa	Hoàng Giang	Hoàng Giang	Ngô sinh khối						200	700	x		140	70			100,0 %	100,0 %						HTX điển nông thôn và dịch vụ nông nghiệp xã Hoàng Giang	Nguyễn văn Mạnh	0984027071	Quý 3/2021	Công ty Vinamilk (Tho Xuân)
				Ngô thương phẩm (B265, B38)						25	6000 - 7000		12-1	150 - 175	90 - 105			100,0 %											
				Rau mầu	Vietgap							x		7.200	3.600			100,0 %											
148	Hoàng Hóa	Phòng NN	Hoàng Hóa	Lúa lai (TBR225, Khang Dân, Thái Xuyên,Q5...)						100.116	550.000		5; 9	90tr/ha/năm	30tr/ha/năm			100,0 %				100,0 %		Phòng NN huyện Hoàng Hóa	Lê Bá Quyết		Quý 3/2021		
149	Hoàng Hóa	Hoàng Thắng	Hoàng Châu	Lúa lai (TBR225, Thái Xuyên111, Q5...)						1.500	550.000		5; 9	90tr/ha/năm	30tr/ha/năm			100,0 %				100,0 %		UBND xã Hoàng Thắng	Hoàng Văn Hiến		Quý 1/2021		
150	Hoàng Hóa	Hoàng Thắng	Hoàng Châu	Dưa vàng Nhung Farm		x			2019	15	30.000		2,5,9,11	450	150			100,0 %				100,0 %		HTX Nông nghiệp xanh CNC Hồng Nhượng	Lê Thị Nhung	0918568595	Quý 1/2021		
151	Hoàng Hóa	Hoàng Thịnh	Hoàng Lộc	Lúa lai (TBR225, Khang Dân, Thái Xuyên111...)						804	550.000		5; 9	90tr/ha/năm	30tr/ha/năm			100,0 %				100,0 %		UBND xã Hoàng Thịnh	Hoàng Ngọc Minh		Quý 1/2021		
152	Hoàng Hóa	Hoàng Phú	Hoàng Phú	Lúa lai (TBR225, Khang Dân, Thái Xuyên111...)						1.500	550.000		5; 9	90tr/ha/năm	30tr/ha/năm			100,0 %				100,0 %		UBND xã Hoàng Phú	Lê Thị Thu Hoàng		Quý 3/2021		
153	Hoàng Hóa	Hoàng Xuân	Hoàng Giang	Lúa lai (TBR225, Khang Dân, Thái Xuyên111...)						1.541	550.000		5; 9	90tr/ha/năm	30tr/ha/năm			100,0 %				100,0 %		UBND xã Hoàng Xuân	Nguyễn Văn Tài		Quý 1/2021		
154	Hoàng Hoá	Hoàng Phú	Hoàng Thanh	Lạc						60	16.000		8	960	144			100,0 %				100,0 %		HTX Dịch vụ nông nghiệp Hoàng Phú	Nguyễn Thanh Bình	0973 736 590	Quý 1/2022		
				Thủy hải sản						800	120.000	x		96.000	9.000	50%(Hà Nội, Ninh Bình...)		50,0 %					100,0 %						
155	Hoàng Hoá	Hoàng Lưu	Hoàng Châu	Lúa (Thái Xuyên 111, BVT 404)						870	6.000		5;10	5.220	500			100,0 %					100,0 %	HTX Dịch vụ nông nghiệp Hoàng Lưu	Trương Ngọc Thảo	0977 860 868	Quý 1/2022		
				Ngô						180	7.000		5;12	1.260	189			100,0 %					100,0 %						
				Thủy hải sản						27.586	50.000	x		1.379	150	50%(Hà Nội, Ninh Bình, Bắc Ninh...)		0,5 %					100,0 %						
156	Hoàng Hoá	Hoàng Trạch	Hoàng Lộc	Lúa (Thái Xuyên 111, BVT 404)						2.892	6.000		5;10	17.352	1.500			100,0 %					100,0 %	HTX Dịch vụ nông nghiệp Hoàng Trạch	Lê Văn Dâu	0382 712 081	Quý 1/2022		
				Ngô						375	7.000		5;12	2.625	383			100,0 %					100,0 %						
				Rau mầu vụ đông						1.250	10.000		11;12	12.500	1.550			100,0 %				100,0 %							
157	Hoàng Hoá	Hoàng Phong	Hoàng Châu	Lúa (Thái Xuyên 111, BVT 404)						1.410	6.000		5;10	8.460	950			100,0 %					100,0 %	HTX Dịch vụ nông nghiệp Hoàng Phong	Lương Quốc Ninh	0966 349 569	Quý 2/2022		
				Ngô						505	7.000		5;12	3.535	530			100,0 %					100,0 %						
				Thuốc láo						63	100.000		5	6.300	945			100,0 %				100,0 %							
158	Hoàng Hoá	Hoàng Tân	Hoàng Lộc	Lúa (Thái Xuyên 111, BVT 404)						750	6.000		5;10	4.500	450			100,0 %					100,0 %	HTX Dịch vụ nông nghiệp Hoàng Tân	Nguyễn Văn Tấn	0838 246 234	Quý 2/2022		
				Thuốc láo						313	100.000		5	31.360	4.704			100,0 %				100,0 %							
				Ngô						230	7.000		10	1.610	241			100,0 %					100,0 %						
159	Hoàng Hoá	Hoàng Lộc	Hoàng Lộc	Bánh gai Huy Thu	x					600000 cái/năm	4000 đ/cái	x		3.000	500			100,0 %				100,0 %		Bánh gai Huy Thu	Lê Văn Huy		Quý 3/2022		
160	Hoàng Hoá	Hoàng Thắng	Hoàng Thắng	Dưa kim hoàng hậu, Dưa kiwi	x					80		x		2.240	240			100%				50%	50%	HTX nông nghiệp xanh công nghệ cao hồng nhuệ	Lê Thị Nhung	0918568595	Quý 3/2022		
161	Hoàng Hoá	Công ty TNHH nông trại Annie	Phường Hạc Thành	Dưa chuột dầm dìm	HACCP					1.950		x		45.000	200	100% Châu Á, Châu Âu								Công ty TNHH Nông trại Annie	Nguyễn Trọng Tấn	093 454 5000	Quý 3/2022		

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm				Thông tin thị trường								Thông tin chủ thể				Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết		
					3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)					Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện			Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)
											Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX,... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử	Thương lái						
162	Hoàng Hóa	Hoàng Thái	Hoàng Lộc	Lúa (Thái Xuyên 111,...)	VietGAP					1.699	6.000-6.500		5; 9	4.010	143	10% (Ninh Bình, Hà Nội,...)	90,0 %	17,5%		82,5%			HTX Sản xuất, kinh doanh, dịch vụ Nông nghiệp Hoàng Thái	Hoàng Văn Hải	0366 182 153	Quý 1/2023	Công ty TNHH giống cây trồng Việt Thành	
				Khoai tây	VietGAP					670	7.000		T3	4.690	1.410	95% (Hà Nội, TP Hồ Chí Minh,...)	5,0 %	100,0 %									Công ty Nông nghiệp An Việt	
163	Hoàng Hóa	Hoàng Thắng	Hoàng Châu	Rau củ quả	VietGAP					60	5000- 15.000	x		600	150		100,0 %		1,0 %	99,0 %			HTX sản xuất rau củ quả an toàn do phụ nữ làm chủ Hoàng Thắng	Trịnh Thị Tinh	0334 027 585	Quý 1/2023	Siêu thị The City Yên Định	
164	Hoàng Hóa	Hoàng Đạo	Hoàng Hòa	Gạo Ngọc Thục	VietGAP					600	11.000		5; 9	500	50	50 % (Hà Nội, Ninh Bình, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh,...)	50,0 %		50,0 %	50,0 %			HTX SX thương mại - nông nghiệp sạch Hoàng Đạo	Lê Thị Quyên	0379 986 518	Quý 1/2023		
165	Hoàng Hóa	Hoàng Yên	Hoàng Tấn	Tôm thẻ chân trắng, tôm sú	VietGAP					900	90.000		T5; T12	8.100	1.000	96% (Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương,...)			2,0 %		98,0 %		HTX DV, Nuôi trồng thủy sản Hoàng Yên	Nguyễn Đình Giáp	0394 132 757	Quý 1/2023		
				Nấm sò + nấm mỡ	VietGAP					70 - 80	80 - 100.000đ/kg nấm sò; 25 - 30.000đ/kg nấm mỡ	x		4.000	200	70% (Hà Nội, chợ Dầu mỗi Thanh Hóa)	30,0 %		80,0 %	20,0 %								
166	Hoàng Hóa	Hoàng Lưu	Hoàng Châu	Khoai tây	VietGAP	x			2022	750	9.000 - 11.000		T3	5.000	2000 - 2.500	99% (Hà Nội, Bắc Ninh, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh,...)	100,0 %	100,0 %					Công ty TNHH Đầu tư và Xây lập Xuân Minh	Chu Anh Quang	0985 907 897	Quý 1/2023	Công ty GVA (Hà Nội), Siêu thị Winmart	
				Cải bắp	VietGAP					875	6.000		T12,1,2	5.250	2.000	100% (Hà Nội, Bắc Ninh, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh,...)		100,0 %										
				Bí đỏ	VietGAP					375	5.000		T7,8	1.875	938	100% (Hà Nội, Bắc Ninh, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh,...)		100,0 %										
167	Hoàng Hóa	Hoàng Đức	Hoàng Hòa	Khoai tây						3.000 - 4.000	7.000 - 10.000đ		T3	120.000	114.000	70%(Hà Nội, TP Hồ Chí Minh,...)	30,0 %						Công ty CP Nông nghiệp quốc tế An Việt	Đỗ Thị Quỳnh Hương	096 115 4139	Quý 1/2023		
				Nấm sò + nấm mỡ	VietGAP					70 - 80	80 - 100.000đ/kg nấm sò; 25 - 30.000đ/kg nấm mỡ	x		4.000	200	70% (Hà Nội, chợ Dầu mỗi Thanh Hóa)	30,0 %		80,0 %	20,0 %								
168	Hoàng Hóa	Hoàng Tấn	Hoàng Tấn	Lúa Thái Xuyên 111, Thiên ưu 308, VNR 20						1	7.500		T9	1.171	117,1trệu/năm		100,0 %				100,0 %		HTX Dịch vụ Nông nghiệp Hoàng Tấn	Đinh Công Lai	0936 088 515	Quý 1/2023		
169	Quảng Xương	Quảng Trạch	Quảng Yên	Lúa						3.680	7.000		T5, 9	25.760	10.304		100,0 %				100,0 %		HTX DVNN Quảng Trạch	Đặng Việt Dũng	0949361452	Quý 1/2021		
				Rau màu						94,5	10.000-15000		T11, 12, 1, 2	2.520	1.260		100,0 %			50,0 %	50,0 %							
170	Quảng Xương	Quảng Hòa	Quảng Yên	Lúa Bắc Thịnh	VietGAP					2.100	6500-7000		6,10	13.650	25trệu đồng/năm		100,0 %	30,0 %		70,0 %			HTX DVNN Quảng Hòa	Lê Văn Phấn	0945071129	Quý 1/2023	Công ty TNHH MTV Bắc Trung Bộ	
171	Quảng Xương	Quảng Văn (HTX DVNN Quảng Văn)	Quảng Ngọc	Lúa Bắc Thịnh	VietGAP					1.200	6500-6900		5,10	8.040	24 triệu đồng/năm		100,0 %	15,0 %		40,0 %	50,0 %		HTX DVNN Quảng Văn	Đỗ Ngọc Quân	0973445536	Quý 1/2023	Công ty TNHH MTV Bắc Trung Bộ	
				Nếp Hương (vụ đầu sx)	VietGAP								5,8				100,0 %	100,0 %									Công ty TNHH DVTM An Toàn Phát	
				Rau	VietGAP					66	12000-20000	x		1.056	40trệu đồng/năm		100,0 %			100,0 %								

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm				Thông tin thị trường								Thông tin chủ thể				Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết		
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)					Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện			Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)
														Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX, ... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ						
172	Quảng Xương	Quảng Văn (HTXNNCNC Hồng Đức)	Quảng Ngọc	Đun vàng kim hoàng hậu	VietGAP					9	25000-30000		5,7,9,11	248	200 triệu/ha/năm			100,0 %		50,0 %	50,0 %			HTXNNCNC Hồng Đức	Đỗ Xuân Thanh	0904328145	Quý 1/2023		
173	Quảng Xương	Quảng Long	Quảng Yên	Lúa Bắc Thịnh	VietGAP					1.400	6.000		4,5,8,9	8.400	21 triệu đồng/ha/năm			100% (Quảng Xương, Nông Công)	20,0 %				80,0 %	HTXDVNN Quảng Long	Lê Ngọc Thành	0974481688	Quý 1/2023	Công ty TNHH MTV Lam Sơn	
174	Quảng Xương	Quảng Định	Lưu Vệ	Lúa (PC-15, Bắc Thịnh)						3.459	11.000		5,10	38.058	2.283			100,0 %					100,0 %	HTX DVNN Quảng Định	Nguyễn Văn Thơm	0975 889 260	Quý 2/2021		
				Ngô ngọt						60	5.000		11	300	50			100,0 %	100,0 %									Công ty Minh Tuấn	
175	Quảng Xương	Quảng Yên	Quảng Yên	Lúa (Nếp hương, Bắc Thịnh)						2.400	6.500		5,10	15.600	1.250			100,0 %	30,0 %				70,0 %	HTX DVNN Quảng Yên	Lê Văn Bền	0949 218 264	Quý 1/2021	Công ty Hồng Quang	
				Rau mủ vụ đông	VietGAP					200	10.000		11;12	2.000	400			100,0 %			100,0 %								
176	Quảng Xương	Quảng Hải	Quảng Ninh	Lúa (Bắc Thơm)						540	8.000		5,10	4.320	356			100,0 %			100,0 %			HTX DVNN Linh Việt Minh	Viên Đình Linh	0964 136 111	Quý 2/2021		
				Cà rốt						700	6.000		9	4.200	560			100,0 %			100,0 %								
177	Quảng Xương	Quảng Đức	Lưu Vệ	Lúa (Thái Xuyên, Bắc Thịnh)						2.100	9.000		5,10	18.900	1.490			100,0 %			100,0 %			HTX DVNN Quảng Đức	Vương Hồng Cầm	0914 958 333	Quý 2/2021		
178	Quảng Xương	Quảng Trạch	Quảng Yên	Lúa						1.768	8.000		T5, 9	14.144	4.644			100,0 %					100,0 %	HTX DVNN Quảng Trạch	Ngô Tiến Sơn		Quý 2/2022		
				Ngô						6	8,5		T12-T1	51	11													Công ty CP mía đường Việt Dải	
				Lạc						2,5	10.000		T12-T1	25	8														
179	Quảng Xương	Quảng Ngọc	Quảng Ngọc	Lúa tẻ (Thái Xuyên, TBR 225)						2.310	8.000		5, 9	18.480	5.980			100,0 %	100,0 %					HTX DVNN Quảng Ngọc	Hoàng Văn Tuyên		Quý 2/2022		
				Ngô						58	10.000		5,9	580	130			100,0 %	100,0 %										
180	Quảng Xương	Quảng Hải	Quảng Ninh	Lúa						504	7.500		5, 9	3.780	1.134			100,0 %						HTX DVNN Linh Việt Minh	Viên Đình Linh	0964 136 111	Quý 2/2022		
				Lạc						40	11.000		T12-T1	440	150														
				Khoai tây						300	10.000		T9-T5	3.000	1.000														
				Rau						90	10.000	x		900	300														
				Cà rốt						550	10.000		T9-T5	5.500	1.750														
181	Quảng Xương	Quảng Văn	Quảng Ngọc	Lúa						4.200	8.000		5, 9	33.600	13.100			100,0 %					100,0 %	HTX DVNN Quảng Văn	Đỗ Văn Quân		Quý 3/2022		
				Ngô						108	9.000		T12-T1	972	322														
182	Quảng Xương	Quảng Lộc	Quảng Bình	Lúa						1.221	8.000		5, 9	9.768	3.238			100,0 %					100,0 %	HTX DVNN Quảng Lộc	Hà Văn Cư		Quý 3/2022		
				Ngô						40	8.000		T12-T1	320	140			100,0 %					100,0 %						
183	Quảng Xương	Tiến Trang	Tiến Trang	Lúa						1.450	8.000		5, 9	11.664	3.964			100,0 %					100,0 %	HTX DVNN Tiến Trang	Nguyễn Thái Khai		Quý 3/2022		
				Ngô						60	9.000		T12-T1	540	190			100,0 %					100,0 %						
				Lạc						60	10.000		T12-T1	600	200			100,0 %					100,0 %						
				Rau						40	10.000	x		400	150			100,0 %					100,0 %						
				Thuốc láo										1.200	300														
184	Quảng Xương	TT. Tân Phong	Lưu Vệ	Óc nhồi nguyên con						60	100.000	x		6.000	600		50%(Hà Nội, Hà Nam, Ninh Bình, Nghệ An)	50% (Hoàng Hoa, Nghi Sơn, Sầm Sơn, TP TH)		90% (Khách sạn Phương Hoàng, Mường Thôn)			5% (facebook)		Công ty TNHH Nông nghiệp hữu cơ Thiên Bảo	Bùi Xuân Bình	090 9590 586	Quý 1/2023	
				Óc nhồi ống nứa						60	180.000	x		10.800	1.080		50%(Hà Nội, Hà Nam, Ninh Bình, Nghệ An)	50,0 %		90% (Khách sạn Phương Hoàng, Mường Thanh, các cửa hàng TP)			5% (facebook)						
185	Quảng Xương	Quảng Nam	Tiến Trang	Ngao						2.000	10.000		T2; T8	20.000	133 triệu đồng/ha/năm		96% (Hà Nội, TP Hồ Chí Minh,...)	4%(hệ thống chợ nhỏ, chợ đầu mối)				4%(chợ đầu mối, chợ huyện,xã)		100,0 %	HTX NTTS Hợp Thành	Nguyễn Thi Thơm	0915 072 909	Quý 1/2023	

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/ thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm				Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể				Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)					Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)		
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX, ... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử	Thương lái						
186	Quảng Xương	Quảng Trường	Quảng Chính	Chiếu còi dệt máy		x					240.000	40000 đ/chiếc	x		9.600	1.500		70% (các quán đoàn trong quân đội)	30,0 %	70,0 %				30,0 %	Công ty TNHH Dũng Châu	Phạm Văn Dũng	0987 996 045	Quý 3/2023	Công ty Thanh Thủy (Ninh Bình), Quân đoàn 2 (Quân đội)
187	Thuông xuân	Xuân Dương	Thuông Xuân	Lúa							1311,52	6000 - 7000		T5, 9	8524,88	3409,95		100,0 %					100,0 %	HTX DVNN Xuân Dương	x		Quý 3/2021		
				Ngô							704,75	6000 - 7000		T12, 1, 5, 10	4228,5	2114,25		100,0 %					100,0 %						
				Mía							324	8.500		T12, 1	2.754	550,8		100,0 %	100,0 %									Nhà máy đường Lam Sơn	
188	Thuông xuân	Tho Thanh	Thuông Xuân	Cây ớt							600	10.000			6.000	4.000		100,0 %	100,0 %					HTX DVNNTH Thanh Xuân	Lê Thị Thủy		Quý 1/2021	Công ty Ớt Hoài An (Tho Xuân)	
				Lúa (VNR 20)							760	6000 - 7000		T5, 9	4.940	2.470		100,0 %	80,0 %				20,0 %					Công ty Giống cây trồng TW Tho Xuân	
				Ngô							440	6000 - 7000		T12-T1		2.400	100 %		100,0 %									Công ty TH NGHỆ AN	
				Sắn											6.800	1.700		100,0 %	100,0 %									Công ty Phúc Thịnh (Ngọc Lặc), Công ty Luân Thành	
				Mía							8.500		T12, 1					100,0 %	100,0 %									Nhà máy đường Lam sơn	
189	Thuông xuân	Yên Nhân	Yên Nhân	Mật ong		x			2021	6000kg	200.000đ/chai	x		900	500		30 %	70,0 %							HTXDVNLN Yên Nhân	Cầm Thị Thuý		Quý 1/2021	
190	Thuông Xuân	Hợp Thành	Thuông Xuân	Lúa							2.090	7 - 9.000		5, 10	16.733	6.693		100,0 %					100,0 %	HTX DVNN Hợp Thành	Tạ Hữu Tuấn	0985 126 454	Quý 4/2022		
				Ngô chân nuôi							128	9.000		3, 8	1.152	460		100,0 %					100,0 %						
				Cây ăn quả (thanh long, bưởi, cam)							300	10 - 20.000	x		6.000	3.000		100,0 %					100,0 %						
191	Thuông Xuân	Tân Thành	Tân Thành	Gà ta	VietGAP						56.000		x		2.800	980		40% (Hà Nội)	100,0 %					100,0 %	HTX Nông trại 36	Hà Văn Phong	0918370013	Quý 4/2023	
192	Thuông Xuân	TT Thuông Xuân	Thuông Xuân	Cá (lồng, trắm cỏ, diêu hồng,...)	VietGAP						160	50000 - 120000	x		16.000	5.600		90%(Hà Nội, Hải Dương, Nghệ An, Hà Tĩnh,...)	10,0 %					100,0 %	HTX DV và NTTS Cửa Đạt	Nguyễn Văn Sinh	0914040002	Quý 4/2023	
193	Thuông Xuân	Xuân Cẩm	Thuông Xuân	Lúa (BC15, TBR225, VN20)							2.477	8000 - 9000		5, 9	22.293	8.917			100,0 %				100,0 %	HTXDVNN Tổng hợp Xuân Cẩm	Lê Chí Thanh	0825511542	Quý 3/2021		
				Ngô chân nuôi							230	8.000		1, 2	2.070	1.242		100,0 %	100,0 %										
				Cây gia vị (ớt, gừng,...)							240	15.000		1, 2	3,6	1,1		100,0 %					100,0 %						
194	Thuông Xuân	Tho Thanh	Thuông Xuân	Cây ăn quả (bưởi, mít, ổi,...)							30	10.000	x		300	150		100,0 %					100,0 %	HTX DVTH Tho Thanh	Lê Văn Thương	0846101074	Quý 4/2023		
				Đưa vàng	VietGAP				2022	200	20.000		4, 8, 12	2	600 - 700			100,0 %					100,0 %						
195	Thuông Xuân	Luân Thành	Luân Thành	Cao tía tó	An toàn VSTP	x			2023	1,5	150.000	x		450	315			100,0 %					100,0 %	HTX DVNN Tổng hợp Luân Thành	Nguyễn Văn Đĩnh	0966396452	Quý 4/2023		
196	Thuông Xuân	Ngọc Phụng	Thuông Xuân	Lúa lai (Thái xuyên 11,Bắc thịnh, Thụy hương)							2	6		4 và 9	100tr/ha/năm	30tr/ha/năm		100,0 %			100,0 %			HTXDVNN Tổng hợp Ngọc Phụng	Lê Việt Tinh	0857345013	Quý 4/2023		
197	Vinh Lặc	Vinh Thịnh	Biện Thượng	Lúa							5.665	6000- 7000		T5, 9	36822,5	14.729		100,0 %					100,0 %	HTX DVNN Vinh Thịnh			Quý 2/2021		
				Ngô							330	5500 - 7000			1.980	1.188		100,0 %					100,0 %						
				Lạc							24	11000 - 15000			312	156		100,0 %					100,0 %						
				Ớt lai							160	10.000			1.600	960 - 1120	100% (Trung Quốc)		100,0 %										
				Rau màu							880	10.000-25000	x		5200 - 6500	2600 - 3250		100,0 %					100,0 %						
198	Vinh Lặc	Ninh Khang	Vinh Lặc	Lúa lai (Q5, thiên Ưu 8, thái xuyên, nhì ưu,...)							6.000		5 và 9					100,0 %					100,0 %	UBND xã Ninh Khang	Đinh Văn Lẻ		Quý 1/2021	Cty TM Lưu SuôngHà Trung)	
199	Vinh Lặc	Phụng NN	Vinh Lặc	Lúa lai (Q5, thiên Ưu 8, thái xuyên, nhì ưu,...)							6.000		5 và 9					100,0 %					100,0 %	Phụng NN huyện Vinh Lặc	Lê Văn Tấn		Quý 1/2021	Cty TM Lưu SuôngHà Trung)	
200	Vinh Lặc	TT Vinh Lặc	Vinh Lặc	Rượu An Tâm		x			2019	15.000 chai	150.000/chai	x		3.000	250		20 %	100,0 %			100,0 %			Cơ sở sản xuất rượu An Tâm	Đỗ Quang Dũng		Quý 2/2021		
201	Vinh Lặc	Ninh Khang	Vinh Lặc	Kẹo lạc		x			2019	20 tấn	100.000	x					30 %	100,0 %			100,0 %			Cơ sở sản xuất kẹo lạc Hà lý	Nguyễn Đức Lý		Quý 2/2021		
202	Vinh Lặc	Vinh Tiến	Tây Đô	Lúa (Thái xuyên 111, J02, C ưu đa hệ, Q5,...)							4.190	7 - 9.000		5, 10	33.516	10.055		100,0 %	5,0 %				95,0 %	HTX DVNN Vinh Tiến	Phạm Thị Phương	0869 998 389	Quý 4/2022	Công ty Tâm phò Hưng	
				Ngô đông							468	8 - 9.000		12, 1	4207,5	1051,9		100,0 %					100,0 %						

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm				Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể				Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)					Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)		
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX, ... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử	Thương lái						
203	Vĩnh Lộc	Vĩnh Thành	Vĩnh Lộc	Lúa (Q5, Nhi Ua 838,Nhi uu 63,...)						1.824	6200 - 7000		5,9	11.856	4742,4			100,0 %				100,0 %	HTXNN và DV Vĩnh Thành	Bach Mai Hiểu	0931 360 672	Quý 3/2023			
				Ngô đông (DK499, DK4300)						540	10.000		12, 1	5.400	3.240			100,0 %				100,0 %							
204	Vĩnh Lộc	Vĩnh Tân	Biện Thượng	Lúa (TNR 20, Q5, Nắp 97)						1587,2	6000 - 7000		5, 9	10326,4	4.126			100,0 %				100,0 %	HTX DVNN Vĩnh Tân	Hoàng Thị Minh	0395506991	Quý 3/2023			
				Ngô ngọt						40	6000 - 9000		12, 1	400	100			100,0 %				100,0 %							
205	Vĩnh Lộc	Vĩnh Long	Tây Đô	Lúa (Q5, TBR 225, Bắc Thịnh, Bắc Thom,...)						10.140	6.500		5,9	65.910	26.364			100,0 %	100,0 %				HTX DVNN Vĩnh Long	Nguyễn Văn Đệp	0385 617 269	Quý 3/2023		Công ty Việt Thành	
				Ngô đông (DK499, DK4300)						962,5	8.000		12,1	7.700	2.800			100,0 %				100,0 %							
				Ngô ngọt						50	6000 - 7000			285	190		100% (Ninh Bình)		100,0 %										
206	Vĩnh Lộc	Vĩnh Ninh	Vĩnh Lộc	Ôt						350	25000 - 30000		11, 5	10.500	7.000			100,0 %	80,0 %			20,0 %	HTX DVNN Vĩnh Ninh	Trịnh Văn Hà	0974831068	Quý 3/2023		Công ty T9 Như Xuân	
				Lúa nếp nương						120	6.500		5, 9	780	390			100,0 %	100,0 %										
				Lúa (Như ưu 63, Q5, Bắc Tân, Thụy Hương, Thái Xuyên,...)						2.340	6200 - 8000		5, 9	16.380	6.552			100,0 %				100,0 %							
207	Thạch Thành	Phong NN	Kim Tân	Lúa lai (Thom 6, Q5, Thái Xuyên)						27	6.000		5 và 9	80tr/ha/năm	28 ha/năm			100,0 %		100,0 %			Phong NN huyện Thạch Thành	Bùi Thanh Hiếu		Quý 3/2021			
				Mía nguyên liệu						256	1.200		12 và 1	120tr/ha/năm	50 ha/năm			100,0 %	100,0 %									Công ty mía đường Việt Đài	
208	Thạch Thành	Thành Hưng	Kim Tân	Mật ong		x			2021	4	150.000 đồng/chai	Quanh năm		400	150						100,0 %		Nguyễn Văn Hương		Quý 3/2021				
209	Thạch Thành	Thạch Bình	Thạch Bình	Lúa lai (TBR225, Q5, Thái Xuyên111, BC15...)						2.307	6.000		5 và 9	80tr/ha/năm	28 ha/năm			100,0 %		100,0 %			UBND xã Thạch Bình	Nguyễn Đình Quang		Quý 3/2021			
				Mía nguyên liệu						20.485	1.200		12 và 1	120tr/ha/năm	50 ha/năm			100,0 %										Công ty mía đường Việt Đài	
210	Thạch Thành	Thành Vinh	Thành Vinh	Tinh dầu sả		x			2021	7.000 lo	70.000	Quanh năm		2.500	300			100,0 %		30,0 %		20,0 %	50,0 %	Cty TNHHSXTM tinh dầu Mạnh Hồng	Nguyễn Hữu Minh		Quý 3/2021		
211	Thạch Thành	Thành Hưng	Kim Tân	Lúa lai (TBR225, Q5, Thái Xuyên111, nhì ưu...)						3.185	6.000		5 và 9	80tr/ha/năm	28 ha/năm			100,0 %			100,0 %		UBND xã Thành Hưng	Vũ Văn Hồng		Quý 3/2021			
212	Thạch Thành	Thạch Đồng	Thạch Bình	Lúa lai (TBR225, Khang Dân, Thái Xuyên111...)						4.680	6.000		5 và 9	80tr/ha/năm	28 ha/năm			100,0 %		100,0 %			UBND xã Thạch Đồng	Nguyễn Văn Lan		Quý 3/2021			
				Mía nguyên liệu						450	1.200		12 và 1	120tr/ha/năm	50 ha/năm			100,0 %										Công ty mía đường Việt Đài	
213	Thạch Thành	Thành Minh	Thành Vinh	Miến dong						15	80.000	x		1.200	150			100,0 %			100,0 %		100,0 %	HTX miến dong Thành Minh	Trương Thị Thuần	0867 532514	Quý 3/2021		
214	Thạch Thành	Thành An	Ngọc Trao	Lúa lai (Thom 6, Q5, Thái Xuyên)						2	6.000		5 và 9					100,0 %			100,0 %		HTX DVKDNN Thành An	Bùi Văn Thuận		Quý 3/2022			
				Mía nguyên liệu							1.200		12 và 1					100,0 %	100,0 %									Công ty mía đường Việt Đài	
215	Thạch Thành	Thành Hưng	Kim Tân	Khang dân, Q5							6.000		5 và 9								100,0 %		HTXDVKDNN Thành Hưng	Lê Minh Nhật		Quý 3/2022			
216	Thạch Thành	Ngọc Trao	Ngọc Trao	Lúa lai (TBR225, Q5, Thái Xuyên111, BC15...)							6.000		5 và 9					100,0 %			100,0 %		HTXKDVNN Tổng hợp Ngọc Tân	Lê Văn Quang		Quý 3/2022			
				Mía nguyên liệu							1.200		12 và 1					100,0 %										Công ty mía đường Việt Đài	
217	Thạch Thành	Thành Tấn	Kim Tân	Lúa lai (TBR225, Khang Dân, Thái Xuyên111...)							6.000		5 và 9					100,0 %			100,0 %		HTX DVKDNN Thành Tấn	Bùi Thị Nhân		Quý 3/2022			
				Mía nguyên liệu							1.200		12 và 1					100,0 %										Công ty mía đường Việt Đài	
218	Thạch Thành	Thành tâm	Ngọc Trao	Cây ăn quả		x				20	20.000	x		300	150			100,0 %	20,0 %			80,0 %	HTX ổi xã Thành tâm	Bùi Anh Kều	0972920958	Quý 3/2022			
219	Thạch Thành	Thành Long	Ngọc Trao	Lúa						1.776	8.000		5, 9	14.208	4.262			100,0 %				100,0 %	HTX DVNN Thành Long	Bùi Hữu Vụ		Quý 3/2022			
				Ngô						1.100	9.000		T12-T1		2.970														
				Mía						9.100	1.000				9.100														
220	Thạch Thành	Vân Du	Vân Du	Cam canh, cam Vinh	VietGAP	x			2021	360	25.000		10:11:12	9.000	1.350		90% (TP.HCM, Hòa Bình, Nghệ An)	10,0 %				100,0 %	Công ty TNHH Hàng Hải Thạch Thành	Trịnh Huy Hùng	0912 122 522	Quý 4/2023			
				Dưa vàng	VietGAP				2022	200	20.000		4, 8, 12	2	600 - 700			100,0 %				100,0 %							
221	Thạch Thành	Thạch Cẩn	Thạch Bình	Lúa lai (Thom 6, Q5, Thái Xuyên)						1.836	8.000		5 và 9	14.688	5.000			100,0 %				100,0 %	HTX DVKDNN Thạch Cẩn	Nguyễn Ngọc Cảnh	0973462423	Quý 2/2023			

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm						Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể				Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết	
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)						Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)				
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX, ... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử	Thương lái									
				Mía nguyên liệu						21.750	1.200		12 và 1	26.100	6.500		100,0 %	100,0 %													Công ty mía đường Việt Đài	
222	Thạch Thành	Thành Công	Văn Du	Lúa lai (TBR225, Khang Dân, Thái Xuyên 11...)						1.375	7.000		5 và 9	9.625	3.500		100,0 %			100,0 %				HTX DVKDNN Thành Công	Quách Ngọc Văn	0943419555	Quý 2/2023					
				Mía nguyên liệu						11.650	1.200		12 và 1	13.950	4.300		100,0 %														Công ty mía đường Việt Đài	
223	Thạch Thành	Thành Vinh	Thành Vinh	Lúa (Thái Xuyên, TBR 225)						400	7.500 - 8.000		T5, 9				100,0 %							HTX Dịch vụ kinh doanh nông nghiệp Thành Vinh	Trịnh Ngọc Khắc	0375 460 269	Quý 2/2023					
				Mía						17.000	1.000		T12	20.100	8.160		100,0 %	100,0 %													Công ty CP mía đường Việt Đài	
224	Thạch Thành	Thạch Bình	Thạch Bình	Lúa nếp hạt cau						850	10.000 - 11.000(lúa tươi)		T10	8.500	4.500		100,0 %	100,0 %						HTX Dịch vụ nông nghiệp Thạch Bình	Lưu Việt Thành	0982 061 233	Quý 2/2023				Công ty CP TM sao Khuê, Công ty TNHH TM Lưu Sướng	
				Lúa tẻ (Thái Xuyên, TBR 225)						4.030	5.500 - 8.000		T5,9	28.210	18.890		100,0 %	100,0 %													Công ty CP TM sao Khuê, Công ty TNHH TM Lưu Sướng	
				Mía						10.200	1.200		T12	12.240	6.120		100,0 %	100,0 %													Công ty CP mía đường Việt Đài	
225	Thạch Thành	Thành Vinh	Thành Vinh	Tinh dầu sả chanh		x			2020	5	500	x		2.500	400	2%, Đài Loan	97%, Hà Nội, TPHCM	50,0 %		50,0 %	50%(Facebook, Lazada)			Công ty TNHH SXTM tỉnh dầu Minh Hồng	Nguyễn Hữu Minh	0988912279	Quý 4/2023					
226	Yên Định	Định Hải	Định Tân	Q5, Bắc Thơm, Thiên ưu 8, J02,....									5 và 9				100,0 %		100,0 %				UBND xã Định Hải			Quý 3/2021						
227	Yên Định	Định Hải	Định Tân	Tương Láng Ái		x			2021	5.000 lít	25.000đồng/lít	x				30 %	70,0 %				100,0 %		Tổ hợp tác Tương Láng Ái	Hoàng Trung Thuận	0987 978 189	Quý 3/2021						
228	Yên Định	TT Quý Lộc	Quý Lộc	Miến gạo Phúc Thịnh		x			2021		25.000	x					100,0 %		100,0 %				Cơ sở sản xuất miến gạo Quý Lộc - Phúc Thịnh	Nguyễn Thị Hoi	0868 097 193	Quý 3/2021						
229	Yên Định	TT Quý Lộc	Quý Lộc	Q5, Bắc Thơm, Thiên ưu 8, J02,....							6.000		5 và 9				100,0 %		100,0 %				UBND TT Quý Lộc			Quý 3/2021						
230	Yên Định	Phông NN	Yên Định	Q5, Bắc Thơm, Thiên ưu 8, J02,....							6.000		5 và 9	2.500	500		100,0 %		100,0 %				Phòng Nông nghiệp huyện Yên Định	Nguyễn Sỹ Ngọc		Quý 3/2021						
231	Yên Định	Định Bình	Xã Định Hòa	Q5, Bắc Thơm, Thiên ưu 8, J02,....						6.325	6.200		5 và 9				100,0 %		100,0 %				HTX DVSXNN Định Bình	Luyện Sỹ Tuấn		Quý 3/2022						
232	Yên Định	Yên Phú	Yên Phú	Linh chi khô		x			2021	2 tấn		x				30 %	70,0 %	30,0 %				40,0 %	Cty TNHHSXTM Năm Ngọc Việt	Trịnh Quang Ngọc	0971100216	Quý 3/2022						
				Đông Trùng		x			2021	3.000 hộp		x					100,0 %					100,0 %										
233	Yên Định	Định Long	Yên Định	Nuôi lợn sinh sản						3.000 con		x		700	300		100,0 %					100,0 %	Cty Cổ phần chăn nuôi và chuyển gạo Yên Định	Lê Thị Hạnh	097892250	Quý 3/2022						
234	Yên Định	Yên Phong	Yên Trường	Tổ yến sơ chế và tinh chế						500 kg		x		14.000	2.000	20%, Đài Loan	60 %	20,0 %	20,0 %				Cty Cổ phần DV Yến sào ViệtNest	Nguyễn Thị Tâm	0337383337	Quý 3/2022						
235	Yên Định	TT Quỳnh Lão	Yên Định	Hươu sao						160 con				2.500	500	40 %	60,0 %				100,0 %		Cty TNHH Chăn nuôi và DVNN	Nguyễn Thị Phương	0964697188	Quý 3/2022						
				Nuôi lợn từ						500 con		x		1.200	200		100,0 %					100,0 %										
236	Yên Định	Định Liên	Yên Định	Lúa						1472,1	6.000		5, 9	8832,6	2649,8	Nhật Bản (2%)	98,0 %	2,0 %				100,0 %	HTX DVNN Định Liên	Lưu Tài Sáng		Quý 4/2022					Công ty Tâm Phú Hưng (Thị trấn Hóa)	
				Ngô						33,4	7.500		T12-T1	250,5	75,15		100,0 %					100,0 %										
				Mía						1.645	1.200			1.974	592,2		100,0 %	100,0 %													Công ty mía đường Lam Sơn	
				Ốt						94,25	45.000			4241,2	1696,45	Trung Quốc (100%)																
237	Yên Định	Yên Phong	Yên Trường	Lúa						1561,95	7.000		5, 9	10933,65	3280,09		Nghệ An, Hà Nội (50%)	50,0 %	50,0 %			100,0 %	HTX DVNN Yên Phong	Nguyễn Công Quang		Quý 4/2022					Công ty Giống Cây trồng TW, Công ty vật tư Nghệ An	
				Ngô						194,67	8.000		T12-T1	1557,36	467,21			50,0 %	50,0 %			100,0 %									Công ty bộ sưu tầm thống nhất, Công ty bộ sưu tầm Lam sơn	
				Ốt						1.200	40.000			48.000	14.400	Trung Quốc (100%)																
238	Yên Định	Yên Trường	Yên Trường	Lúa						900	7.500		5,9	6.750	2.025			100,0 %				100,0 %	HTX DVNN Yên Trường	Đàm Quang Máy		Quý 4/2022						
				Ngô lai F1						90	11.000			990	495		Hà Nội (100%)		100,0 %													Công ty Giống cây trồng TW
				Ngô ngọt						90	9.000		T12-T1	810	324		Hà Nội, Ninh Bình,....		100,0 %													Công ty Đồng Giao Ninh Bình

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm				Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể				Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết		
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)				Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)					
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX, ... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử					Thương lái				
				Ớt						17,6	40.000			704	352	Trung Quốc (100%)														Công ty Tinh Cầm	
239	Yên Định	Định Tường	Yên Định	Lúa						1.311	7.500		5,9	9832,5	2949,75		Hà Nội		100,0 %						HTX NN Định Tường	Lê Văn Chức		Quý 4/2022		Công ty Giống cây trồng TW, Cty Giống NN Việt Nam, Công ty Tân Tiến Thanh Hóa	
				Ngô giống						164,88	14.000			2308,39	923.356		Hà Nội (100%)		100,0 %											Viện nghiên cứu Ngô Hà Nội	
				Bầu lấy hạt						1,4	700.000			980	490		TP Hồ Chí Minh		100,0 %											Công ty Tân Lộc Phát	
240	Yên Định	Yên Trung	Yên Trường	Dưa lưới	VietGAP					30	65.000		4,5,8,13	1.950	400		30%(Hà Nội, Nghệ An)	70,0 %			70,0 %	30,0 %	CtyTNHHNNCNC&DV	Nguyễn Bá Chí	0335377199	Quý 1/2023					
241	Yên Định	Định Long	Yên Định	Lúa lai (TBR225, J02, Q5)						2	8		5 và 9	96 ha/năm	32 triệu ha/năm			100,0 %			100,0 %			HTX DVKDDN Định Long	Phạm Ngọc Lợi	0916508435	Quý 4/2023				
242	Yên Định	Định Tiến	Định Tân	Lúa lai (J02, Q5, Bắc thơm...)						3.380	8		5 và 9	100 ha/năm	30 triệu ha/năm			100,0 %			100,0 %			HTX DVNN và Điện năng xã Định Tân	Nguyễn Văn Quý	0961887115	Quý 4/2023				
243	Yên Định	Định Tân	Định Tân	Lúa (TBR225, Bắc Thịnh, Bắc Thơm)						7.258	7.500		T5,T10	16.330	2.449		30% (Hà Nội)	70,0 %	10,0 %			90,0 %		HTX DVSX Nông nghiệp Định Tân	Trịnh Văn Hữu	0973177308	Quý 2/2025		Công ty An Thành Phong, Công ty TNHH Tân Tiến		
244	Yên Định	Định Công	Xã Định Hòa	Lúa Thương phẩm (J02, lúa nếp cổ Tiến, Q5,...)	VietGAP	x			2024	2.992	8.000		T5,T10	22.440	6.732		5% (Nam Định, Thái Bình)	95,0 %	5,0 %				95,0 %	HTX DVSX Nông nghiệp Định Công	Bùi Văn Cường	0961894556	Quý 2/2025		Công ty TNHH Tâm Phú Hưng		
245	Yên Định	Định Hưng	Định Tân	Lúa (Q5, TBR 225)	VietGAP					5.896	8.000		T5,T10	33.017	5.943			100,0 %			100,0 %			HTX DVSX Nông nghiệp Định Hưng	Bùi Văn Ngự	0835210789	Quý 2/2025				
246	Yên Định	TT. Quý Lộc	Quý Lộc	Lúa (J02, Q5, Vết Lai 20, Nếp 97, Nếp 98, Nếp Hơm Vàng)	VietGAP					7.294	7.800		T5,T10	56.893	11.378			100,0 %			100,0 %			HTX Dịch vụ sản xuất nông nghiệp Quý Lộc	Ngô Văn Thủy	0888290789	Quý 2/2025				
247	Yên Định	Yên Thái	Yên Trường	Lúa (Bắc Thịnh, Thái Xuyên)						470	8.000		T5,T10	3.760	564			100,0 %			100,0 %			HTX Dịch vụ nông nghiệp Yên Thái	Nguyễn Xuân Thôn	0978840482	Quý 2/2025				
248	Tp Thanh Hóa	Thiệu Khánh	Phường Đồng Tiến	Lúa (Thái xuyên, VT404, Nếp hương, Q5)						2.125	7.500		5; 10	15.937	6.375			100,0 %	10,0 %				90,0 %	HTX DVNN Thiệu Khánh	Dương Văn Cường	096 565 8620	Quý 1/2021		Công ty CP TM Sao Khuê		
				Rau màu							5 -15.000	x		2.400	1.200			100,0 %													
				Ngô						120	7.000		5,10	840	336			100,0 %					100,0 %								
249	Tp Thanh Hóa	Thiệu Văn	Phường Đồng Tiến	Lúa (Thái Xuyên, Bắc Thịnh, Q%, TBR225,...)						2.562	7.500		5, 10	19.215	7.686			100,0 %	10,0 %				90,0 %	HTX DVNN Thiệu Văn	Nguyễn Công Khang	097 572 1659	Quý 1/2021		Công ty An Thành Phong		
				Cây ăn quả (ổi, dưa, mít)							10 - 20.000	x		112.500	67.500			100,0 %			100,0 %										
250	Tp Thanh Hóa	P.Phú Sơn	Phường Hạc Thành	Sâm bào						1.000 lít		x		700	200		100 %	50,0 %					50,0 %	CtyTNHH tư vấn vàPTNNVinaco	Nguyễn Thị Vân	0888551010	Quý 1/2022				
251	Tp Thanh Hóa	P.Lam Sơn	Phường Hạc Thành	Rượu từ dương						500 chai		x		250	50			100,0 %					100,0 %	DN tư nhân hàng thuốc chế tạo	Hoàng Văn Hùng		Quý 1/2022				
252	Tp Thanh Hóa	Hoàng Long	Phường Nguyệt Viên	Thịt lợn						700 tấn		x		49.000	700		20 %	80,0 %					80,0 %	Ctycp chế biến sức sản Xk thanh hoá	Phạm Xuân Thanh		Quý 2/2022				
253	Tp Thanh Hóa	P.Phú Sơn	Phường Hạc Thành	Gà thả						70 tấn		x			250			100,0 %					100,0 %	Cty TNHHMTM Minh Đạo Đông	Lê Văn Minh	0977968966	Quý 2/2022				
254	Tp Thanh Hóa	P.Hàm Rồng	P.Hàm Rồng	Tương ớt						7.000 chai				1.800	300		40 %	60,0 %					60,0 %	Cty TNHH SicyCountry	Lê Minh Cường	094779348	Quý 2/2022				
255	Tp Thanh Hóa	P. Quảng Hưng	Phường Quảng Phú	Thịt lợn						469 tấn		x		24.000	1.500		20 %	80,0 %					80,0 %	Cty CP thực phẩm Phú Gia	Bùi Thị Thu Hương	0949845111	Quý 4/2022				
256	Tp Thanh Hóa	P.Đồng Hương	Phường Hạc Thành	Măng tây						20	35.000		9, 10	70	40		Hà Nội (50%)	50,0 %	50,0 %				50,0 %	Công ty TNHH SX và TM Hải Nhuận	Tổng Thị Hiền		Quý 3/2022				
				Bí xanh						30	20.000	x		15	10																
				Rau ăn lá						35	15.000	x		20	12																
257	Tp Thanh Hóa	P. Trường Thi	Phường Hạc Thành	Hương quế gió Trường Thi				2021		500.000 bó/năm	25.000 đ/bó 50 nén - 45.000 đ/bó 100 nén	x		17.500	500		50% (Hà Nội, Nghệ An, Nam Định,...)	50,0 %	50,0 %				50,0 %	HTX Hương truyền thống Quên Gió – Trường Thi	Cao Văn Tuấn	0919701759	Quý 3/2022				
258	Tp Thanh Hóa	KCN Tây Bắc Ga	Phường Hạc Thành	Gạo ST, Nếp cái hoa vàng, Nếp cau, Bắc Thịnh,	VietGAP					6.000	20.000-25.000	x		50.000	800			100,0 %			100,0 %			Công ty TNHH Nông sản An Thành Phong	Nguyễn Văn Tấn	0972179235	Quý 2/2023		Các HTX DVNN tại Thiệu Dương (Thiệu Hóa); Tân Lộc-Thuận Lộc (Hải Lộc);		
259	Tp Thanh Hóa	KCN Tây Bắc Ga	Phường Hạc Thành	Dứa khomah đóng hộp	HACCP	x		2022		10.000	50.000 - 100.000 tùy quy cách, trọng lượng sản phẩm	x		105.000	500		Châu Âu (Anh, Đức, Latvia, Israel, Séc,...)							Công ty TNHH Tư Thành	Đông Thị Tuyết Anh	0934 545 000	Quý 2/2023				
260	TP. Thanh Hóa	Quảng Thành	Phường Quảng Phú	Gà tiến vua						6	240.000	x		1.500	225		60% (Hà Nội, Nghệ An, Bắc Ninh,...)	40,0 %			100,0 %	5%(facebook)		Công ty TNHH Nghiên cứu - phát triển giống đặc sản KING FOODS	Trương Tiến Hải	093 4432 111	Quý 1/2023				
				Vịt Cổ Lũng						3	150.000	x		450	70		60%(Hà Nội, Nghệ An, Bắc Ninh,...)	40,0 %			100,0 %	5%(facebook)									

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm				Thông tin thị trường								Thông tin chủ thể			Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết			
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)					Tên chủ thể (HTX/DN)			Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX, ... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử	Thương lái						
261	TP. Thanh Hóa	TP Thanh Hóa	Phường Hạc Thánh	Phân bón hữu cơ Tre xanh						2.000	4.000	x		15.000	1.000		85% (Hà Nội, Hà Nam, Bắc Lắc,...)	15,0 %			15,0 %			Công ty TNHH Phân bón Tre xanh	Lê Thị Quyên	0379 986 518	Quý 1/2023		
				Chè phẩm EM Hoàng Đạo						100.000 lít	260.000/can	x		5.000	500		85% (Hà Nội, Hà Nam, Bắc Lắc,...)	15,0 %			15,0 %								
262	TP. Thanh Hóa	Đông Tân	Phường Đông Sơn	Lúa giống (Bắc thơm, thái xuyên)						400	35.000 - 180.000		5,11,12	40.000	500			100% (Thiệu Hóa, Yên Định, Thọ Xuân)	50,0 %		50,0 %			Công ty cổ phần giống cây trồng Tư Xuyên	Ngô Ngọc Định	0971852341	Quý 2/2023	Các HTX NN tại Thiệu Hóa, Yên Định, Thọ Xuân	
263	TP. Thanh Hóa	KCN Tây Bắc Ga	Phường Hạc Thánh	Lúa giống Bắc Thịnh						1.500	32.000	x		48.000	1.440		Các tỉnh từ Hà Tĩnh trở ra (70%)	30,0 %	30,0 %		70,0 %			Công ty TNHH Giống cây trồng Bắc Trung Bộ	Lương Phi Hùng	0902212213	Quý 2/2023	Các HTX DVNN tại Quảng Lăng, Quảng Trường, Quảng Ngạc, Quảng Hóa - huyện	
				Gạo Xuân Đền								x																	
264	TP. Thanh Hóa	Phường Đông Cương	P.Hàm Rồng	Trà hoàng thảo mộc		x			2019	55	75 - 150.000	x		6.050	1.815		100%(Hà Nội, Đà Lạt, Long Xuyên, Cà Mau, Trà Vinh,...)			90,0 %		10,0 %		Công ty TNHH Hoàng Thảo Mộc	Hoàng Văn Nam	0964 122 258	Quý 2/2023		
265	TP. Thanh Hóa	Phường Đông Cương	P.Hàm Rồng	Hoa							6000 - 80000	x		52000 - 60000	32000 - 48000		90%(Ninh Bình, Nghệ An, Quảng Bình,...)	10,0 %				100,0 %	HTX DVNN Đông Cương	Nguyễn Đức Hậu	0975489345	Quý 3/2023			
				Cây ăn quả (mít, ổi, táo, bưởi)							20000 - 40000	x		10500 - 14000	9500 - 12600			100,0 %				1,0 %							
266	TP. Thanh Hóa	Quảng Thăng	Phường Đông Quang	Lúa (Thái Xuyên, PC 15, nếp thơm)						576	7.000		5; 10	4.032	550			100,0 %			100,0 %			HTX Dịch vụ nông nghiệp phường Quảng Thăng	Nguyễn Xuân Châu	0387 366 774	Quý 3/2023		
				Rau củ các loại						720	25.000	x		15.000	1.000			100,0 %			100,0 %								
267	TP. Thanh Hóa	Quảng Đông	Phường Quảng Phú	Lúa (Thái Xuyên, BTR 225)						68.4	8.000		6; 9	547	109			100,0 %				100,0 %		HTX Dịch vụ nông nghiệp Quảng Đông	Nguyễn Duy Luyện	0973 380 318	Quý 3/2023		
				Cà nước ngọt (trần, chếp,...)						2	55.000		6; 12	110	55			100,0 %			100,0 %								
				Dừa Xiêm lùn						120000 quả	6000 đ/quả		4; 5	720	220			100,0 %				100,0 %							
268	TP. Thanh Hóa	Tây Bắc Ga	Phường Hạc Thánh	Lúa giống TBR 225	VietGap					1.800	28000-40000		T4,5,6; T11,12	120.000	5.000		35%(Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng	65,0 %		100,0 %				Công ty Cổ phần tập đoàn TháiBinh-SEED- chủ nhânh Bắc Trung Bộ	Bùi Quang Tuấn	0919515858	Quý 1/2024		
269	Hà Trung	Hà Lâm	Tổng Sơn	Lúa (Thái xuyên 11, VT404, Nếp 97,...)						2.400	7.500		5,10	18.000	7.200			100,0 %				100,0 %		HTX DVNN Hà Lâm	Vũ Thị Thanh	098 774 2016	Quý 3/2021		
				Ngô chân muối						230	7.000	x		1.610	644			100,0 %				100,0 %							
270	Hà Trung	Yên Dương	Hoạt Giang	Lúa (Thái xuyên 111, Thiên ưu 8, Nếp thơm, N97,...)						2.520	7.500		5, 10	18.900	7.560			100,0 %	10,0 %				90,0 %	HTX DVNN Hà Yên	Lê Văn Lam	0389 313 567	Quý 1/2021	Công ty Nam Hằng, Công ty Lưu Suồng	
271	Hà Trung	Hà Lĩnh	Tổng Sơn	Lúa (Thái Xuyên 111, ST24, ...)						1.680	7.500		5	12.600	5.040			100,0 %	24,0 %				76,0 %	HTX DVNN Hà Lĩnh 1	Hoàng Đình Tâm	0372 285 580	Quý 3/2021	Công ty Lưu Suồng	
				Nếp hạt cau						450	10.500		10	4.725	1.890			100,0 %	45,0 %				55,0 %						
				Rau màu các loại (dưa chuột, ngô, lạc)							5 - 18.000			60 - 250	30 - 125			100,0 %				100,0 %							
272	Hà Trung	Hà Lĩnh	Tổng Sơn	Lúa (ST24, 25, Thái Xuyên 986, C ưu da hồ,...)						1.105	7.000		5, 10	7.735	3.094			100,0 %	13,0 %				87,0 %	HTX DVNN Hà Lĩnh 2	Hoàng Văn Tuấn	0394 628 891	Quý 3/2021	Công ty Lưu Suồng	
				Khoai tây						212,5	8.000		12,1	1.700	680			100,0 %					100,0 %						
				Ngô chân muối						75	8 - 9.000		12, 1, 2	675	270			100,0 %					100,0 %						
273	Hà Trung	Hà Tân	Tổng Sơn	Lúa (Thái Xuyên, Thiên Ưu, Bắc Thơm,...)						2604,6	7 - 7.500		5, 10	19.534	7.813			100,0 %					100,0 %	HTX DVNN Hà Tân	Nguyễn Văn Sơn	0364 090 768	Quý 1/2021		
				Ngô chân muối						315	8 - 9.000		5, 8, 12	2.835	1.134			100,0 %					100,0 %						
274	Hà Trung	Yên Sơn	Hà Trung	Lúa (Thái Xuyên, Thiên Ưu, N97,...)						776	7.000		5, 10	2.696	1.078			100,0 %	38,0 %				62,0 %	HTX DVNN Hà Ninh	Lê Văn Thanh	0392107508	Quý 1/2021	Công ty Nam Hằng (Hà Trung)	
275	Hà Trung	Hà Tân	Tổng Sơn	Lúa (Thái Xuyên 111, TBR 225, Nếp cái hoa S108,...)						3.690	7.500		5, 10	17.200	6.880			100,0 %	15,0 %				85,0 %	HTX DVNN Hà Tân	Nguyễn Duy Thụy	094 852 7210	Quý 1/2021	Công ty Lưu Suồng	
276	Hà Trung	Yên Dương	Hoạt Giang	Lúa (Thái xuyên 111, Q5, DT25,...)						2.308	9.000		5, 10	20.772	8.309			100,0 %	8,0 %				92,0 %	HTX DVNN Hà Dương	Trịnh Văn Đông	097 958 9537	Quý 1/2021	Công Ty Nam Hằng	
277	Hà Trung	Hà Ngọc	Hà Trung	Lúa (Thái Xuyên 111, Nếp 97, Dư Hương 8, Xi 23,...)						1.620	8.000		5, 10	12.960	3.888			100,0 %	22,0 %				78,0 %	HTX DVNN Hà Ngọc	Hoàng Văn Lược	0858 404 566	Quý 3/2021	Công ty Lưu Suồng	
278	Hà Trung	Hà Long	Hà Long	Ới lè	VietGAP					8.075	10 - 15.000	x		80.750	36.100		30% (Hà Nội, Ninh Bình, Nam Định,...)	70,0 %					70,0 %	HTX DVTM Quý Hương, Hà Long	Nguyễn Văn Phong	0986627233	Quý 1/2021		

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật và xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm				Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể			Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết		
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)						Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện			Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX, ... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử	Thương lái							
279	Hà Trung	Hà Sơn	Tổng Sơn	Lúa (Thái Xuyên 111, ST25, Dư Hương,...)					1.610	7.000		5, 10	11.270	4.508			100,0 %	8,0 %				92,0 %	HTX DVNN Lân Hợp Hà Sơn	Nguyễn Mạnh Hùng	0969 914 009	Quý 1/2021	Công ty Lưu Suông			
				Ngô chân nuôi					75	8.000		4, 8, 12	600	240			100,0 %					100,0 %								
280	Hà Trung	Hà Long	Hà Long	Lúa (Nếp cái hoa vàng, Bắc Thành)		x			800	12.000		5;10	9.600	1.150			100,0 %	100,0 %					HTX DVNN Hà Long	Trần Văn Phong	0945 137 345	Quý 3/2021	Công ty Lưu Suông			
281	Hà Trung	Hà Long	Hà Long	Lúa lai (nếp cái hoa vàng, Khang Dân,...)						8.000		5 và 9					100,0 %					100,0 %	HTXDVNN Hà Long	Lê Minh Công		Quý 4/2022	Cty TM Lưu Suông(Hà Trung)			
282	Hà Trung	Hà Ngọc	Hà Trung	Thái xuyên111,Bắc thom,X23						75.000		5 và 9					100,0 %					100,0 %	HTXDVNN Hà Ngọc	Hoàng Văn Lược		Quý 4/2022	Cty TM Lưu Suông(Hà Trung)			
283	Hà Trung	Hà Bắc	Hà Long	Rau má					800 tấn		x		5.000	2.000	5%	80 %	15,0 %	5,0 %				15,0 %	Công ty CP tập đoàn Ngọc Xanh xứ Thanh	Hoàng Thị Lan Hương	0387358679	Quý 4/2022				
284	Hà Trung	Yên Sơn	Hà Trung	Giế tre, dụng cụ nhà bếp		x			1500 sp		x		30.000	6.400	50%	30 %	20,0 %	50,0 %				20,0 %	Cty TNHHSX&TM BoobooVina	Nguyễn Mạnh Cường	0984428438	Quý 4/2022				
285	Hà Trung	Hà Long	Hà Long	Ới lê Quý Hương		x			2	15.000	x					50 %	50,0 %					50,0 %	HTXDVTM Quý Hương	Nguyễn Văn Phong		Quý 4/2022				
286	Hà Trung	TT Hà Trung		Lúa nếp hạt cau, hoa vàng, ST24		x			500 Tấn		x		17.600	1.600		20 %	80,0 %					80,0 %	Công ty TNHH TM Lưu Suông	Nguyễn Hữu Long		Quý 4/2022	liên kết các xã: Hà Lĩnh, Hà Long,...			
287	Hà Trung	Hà Đông	Hà Trung	Lúa lai (khang dân, Nếp N97, Thái Xuyên)					1	7.000đồng/kg		5 và 9	7	2			100,0 %				100,0 %		HTX DVKDNN Hà Đông	Nguyễn Văn An	0369187287	Quý 3/2023				
288	Hà Trung	Hà Lĩnh	Tổng Sơn	Lúa lai (Nhị Ưu 838, Nghi Hương, Thái Xuyên111,...)					1.300	7.000 đồng/Kg		5 và 9	9	3			100,0 %				100,0 %		HTX DVKDNN Hà Lĩnh	Trịnh Xuân Lược	0966858569	Quý 3/2023				
289	Đông Sơn	Đông Khê	Phường Đông Sơn	Lúa (Thái Xuyên, Bắc Thành)					1.440	8.700		5;10	12.528	1.136			100,0 %				100,0 %		HTX DVNN Đông Khê	Lê Thế Dân	0988 303 602	Quý 2/2021				
				Ớt xuất khẩu					90	20.000		12	1.800	250			100,0 %	100,0 %									Công ty Yên Định			
290	Đông Sơn	Đông Nam	Phường Đông Quang	Lúa (Khang Dân, Bắc Thơm)					1.575	9.500		5;10	14.960	1.552			100,0 %				100,0 %		HTX DVNN Đông Nam	Trần Văn Hạnh	0393 195 103	Quý 2/2021				
				Dê thịt					150	150.000	x		22.500	2.650			100,0 %				100,0 %									
291	Đông Sơn	Đông Ninh	Phường Đông Sơn	Thái xuyên, Q5, Lúa PC					2.500	7.500		5 và 9					100,0 %					100,0 %	HTXDVNN Đông Ninh	Nguyễn Diễm		Quý 3/2022				
292	Đông Sơn	Đông Hoàng	Phường Đông Sơn	Thái xuyên, Q5, TBR225					1.700	7.500		5 và 9					100,0 %					100,0 %	HTXDVNN Đông Hoàng	Lê Bá Phấn		Quý 4/2022				
293	Đông Sơn	TT. Rừng Thông	Phường Đông Sơn	Dưa kim hoàng hầu	VietGAP				95	45.000	x		3.800	1.900	90%(Hà Nội, Hải Phòng, Ninh Bình, Nam Định, ...)	10,0 %		80,0 %			20,0 %	Công ty TNHH MTV DVTM CNC Thiên Trường 36	Phạm Thị Chuyển	0968 346 989	Quý 4/2022					
				Dưa chuột baby	VietGAP				35	25.000	x	402,835443	2.200	1.100			10,0 %		80,0 %											
294	Đông Sơn	Đông Văn	Phường Đông Quang	Lúa (Bắc Thơm)					442	7.200		5;10	90triệu/ha/năm	40 triệu/ha/năm			100,0 %	100,0 %					HTX DVNN Đông Văn	Nguyễn Văn Văn	0387 354 021	Quý 4/2023	Công ty Sao Khuê			
295	Đông Sơn	Đông Minh	Phường Đông Sơn	Lúa (Thái Xuyên, Bắc Thơm, PC)					1.020	9.000		5;10	84 triệu/ha/năm	32 triệu/ha/năm			100,0 %	20,0 %			80,0 %		HTX DVNN Đông Minh	Lê Huy Long	0975 526 639	Quý 4/2023	Công ty Sao Khuê			
296	Đông Sơn	Đông Phú	Phường Đông Quang	Lúa (TBR225, Bắc Thơm, Thiên Ưu 8)					1.800	8.000		5;10	48	30 triệu/ha/năm		30% (Thái Bình)	70,0 %	30,0 %			70,0 %		HTX DVNN Đông Phú	Lê Duy Tuấn	0977 243 107	Quý 4/2023	Công ty xây xát Khang Long			
297	Đông Sơn	Đông Yên	Phường Đông Quang	Dưa kim hoàng hầu					20	30.000		4,8	600	120	40%(HN, Ninh Bình, Nghệ An)	60,0 %				100,0 %			HTX DVNN Công nghệ cao Lâm Anh	Nguyễn Tuấn Anh	0986 265 131	Quý 4/2023				
298	Đông Sơn	Đông Tiến	Phường Đông Tiến	Lúa (Khang Dân, BTR 99, Bắc Thành)					1.710	6.000		5;10	10.260	956			100,0 %	25,0 %			75,0 %		HTX DVNN Đông Tiến	Nguyễn Văn Sơn		Quý 2/2021	HTX DV Cơ giới hoá nông nghiệp Nguyễn Xuân Thuận			
				Rau vụ đông					300	10.000		10;11;12	3.000	350			100,0 %	25,0 %			75,0 %						Cty Hiền Nhuận			
299	Đông Sơn	Rừng Thông	Phường Đông Sơn	Lúa (Khang Dân, BTR 99, Bắc Thành)					1.092	6.000		5;10	6.552	550			100,0 %				100,0 %		HTX DVNN Rừng Thông	Lê Xuân Nam	0904699357	Quý 2/2021				

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm				Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể			Thời điểm điều tra		Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)						Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)	
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX,... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử	Thương lái						
				Rau vụ đông						450	10.000		10;11;12	4.500	500			100,0 %			100,0 %								
300	Triệu Sơn	Dân Lý	Triệu Sơn	Lúa (Thái Xuyên 111, BVT 404, Q5)						6.320	6.000		5;10	84 triệu/ha/năm	32 triệu/ha/năm			100,0 %	100,0 %					HTX DVNN Dân Lý	Tô Quang Đình	0364794005	Quý 1/2022	Cty Tâm Phú Hưng và Cty Thuận Đông	
301	Triệu Sơn	Dân Quyền	Triệu Sơn	Lúa (Thái Xuyên 111, BBR225, Q5)						7.105	6.000		5;10	80 triệu/ha/năm	30 triệu/ha/năm			100,0 %				100,0 %		HTX DVNN Dân Quyền	Khương Sỹ Chung	0975821663	Quý 4/2021		
302	Triệu Sơn	Đồng Lợi	Đồng Tiến	Lúa (Thái Xuyên 111, BTR 99, Bắc Thịnh)						1.578	6.000		5;10	86 triệu/ha/năm	35 triệu/ha/năm			100,0 %	20,0 %			80,0 %		HTX Dịch vụ nông nghiệp Đồng Lợi	Vũ Đình Thắng	0388 727 772	Quý 1/2022	Công ty Sao Khuê	
				Rau màu vụ đông						500	10.000		10;11;12	5.000	950			100,0 %			100,0 %								
303	Triệu Sơn	Đồng Tiến	Đồng Tiến	Lúa (Khang Dân, Bắc Thịnh)						2.600	6.500		5;10	16.900	1.450			100,0 %	10,0 %		90,0 %			HTX Dịch vụ nông nghiệp Đồng Tiến	Nông Bá Đình	0374 517 542	Quý 1/2022	Công ty Tâm Phú Hưng	
				Rau màu vụ đông						1.100	10.000		10;11;12	11.000	1.280			100,0 %			100,0 %								
304	Triệu Sơn	Dân Lý	Triệu Sơn	Lúa (Thái Xuyên111, BVT 404)						2.567	6.000		5;10	15.405	1.260			100,0 %	20,0 %			80,0 %		HTX Dịch vụ nông nghiệp Dân Lý	Bùi Văn Long		Quý 4/2021	Công ty Tuấn Dũng	
				Khoai tây						300	8.000		12	2.400	270			100,0 %			100,0 %								
				Rau màu vụ đông						975	10.000		11;12	9.750	1.462			100,0 %			100,0 %								
305	Triệu Sơn	An Nông	An Nông	Lúa Bắc Thịnh, Thái xuyên 111						4	6.500		4,5,8,14	86 triệu/ha/năm	35 triệu/ha/năm			100,0 %	60,0 %			40,0 %		HTXDVNN An Nông	Hoàng văn Hùng	0906285919	Quý 1/2023	Cty An Thành Phong, Bắc Gx, TPTH	
306	Triệu Sơn	Hợp Thành	Hợp Tiến	Lúa Bắc Thịnh, Khang dân						3	6.500		4,5,8,15	80 triệu/ha/năm	30 triệu/ha/năm			100,0 %				100,0 %		HTXDVNN Hợp Thành	Hoàng văn Đông	0983661899	Quý 1/2023		
307	Triệu Sơn	Hợp Tiến	Hợp Tiến	Lúa Bắc Thịnh, Khang dân						3	6.500		4,5,8,9	80 triệu/ha/năm	30 triệu/ha/năm			100,0 %				100,0 %		HTXDVNN Hợp Tiến	Vũ Duy Hà	0369608824	Quý 1/2023		
				Cây quýt cảnh						25.000 cây	80.000đ/cây		12,1	2.000	600		30%(Nghề an, Hà Nội)	70,0 %				100,0 %							
308	Triệu Sơn	Hợp Lý	Hợp Tiến	Lúa Bắc Thịnh, VRN 20						2	6.500		4,5,8,9	15.632	5.200			100,0 %				100,0 %		HTXDVNN Hợp Lý	Trịnh Hữu Tiến	0984436577	Quý 1/2023		
				Cây đào cảnh						3.000 cây	1.000đ/cây		12,1	2.000	1.000		30%(Nghề an, Hà Nội)	70,0 %				100,0 %							
309	Triệu Sơn	Tho Thái	Tho Phú	Lúa (Khang Dân, Bắc Thịnh)						1.938	6.000		5;10	80 triệu/ha/năm	30 triệu/ha/năm			100,0 %	10,0 %		90,0 %			HTX Dịch vụ nông nghiệp Tho Thái	Nguyễn Văn Tú		Quý 1/2022	Công ty Tâm Phú Hưng	
310	Thiệu Hoá	Thiệu Long	Thiệu Hóa	Lúa giống Q5, TS24, Thái xuyên						300 tấn	7.000		4,5,10	2.100	200			100,0 %				100,0 %		Cty TNHH giống cây trồng Trường Thành	Lê Văn Dũng		Quý 2/2022		
311	Thiệu Hoá	Thiệu Trung	Thiệu Trung	Trồng đồng, các đồ thờ						400chức		x		2.000	400		100 %	50,0 %				50,0 %		Cty TNHH Dịch vụ truyền thống Đạo Thủy	Lê Minh Đạo		Quý 2/2022		
312	Thiệu Hoá	T.T. Thiệu Hoá	Thiệu Hóa	Q5, Bắc Thom, Thiên ưu 8, J02,...						400 tấn			4,5,12	80 triệu/ha/năm	30 triệu/ha/năm			100,0 %				100,0 %		Cty CPĐTM Đại Nam	Trịnh Đức Tu		Quý 2/2022		
313	Thiệu Hoá	Thiệu Long	Thiệu Hóa	Lúa (Bắc Thịnh, Thái Xuyên)						3.150	6.500	x	T5, T9	86triệu/ha/năm	35 triệu/ha/năm			100,0 %	10,0 %			100,0 %		HTX DVNN Thiệu Long	Trịnh Văn Thành		Quý 2/2022		
				Ngô						180	9.000			2															
				Khoai tây						150	7.000			1															
314	Thiệu Hoá	Thiệu Văn	Thiệu Trung	Lúa (Thái Xuyên, Long Hương, Q5)						1	6.500 - 7.500	x	T5, T9	85 triệu/ha/năm	32 triệu/ha/năm			100,0 %				100,0 %		HTX DVNN Thiệu Văn	Nguyễn Thị Quế		Quý 2/2022		
315	Thiệu Hoá	Thiệu Vũ	Thiệu Tiến	Lúa (ai Trung Quốc)						21	7.000		T5,T9	85 triệu/ha/năm	31 triệu/ha/năm			100,0 %				100,0 %		HTX DVNN Thiệu Vũ	Nguyễn Quốc Việt		Quý 3/2022		
				Ngô						300	10.000			3															

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm						Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể				Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)						Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)			
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX,... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử	Thương lái								
				Lạc						24	30.000			720																	
				Khoai tây						450	8.000		T9-T5	3.600	720																
316	Thiệu Hoá	Thiệu Viên	Thiệu Trung	Lúa						1.484	7.500		5, 9	11.335	3.462			100,0 %					100,0 %	HTX DVNN Thiệu Viên	Lê Bá Dũng			Quý 4/2022			
				Ngô						40	9.000			315	125																
317	Thiệu Hoá	Thiệu Hưng	Thiệu Quang	Dưa kim hoàng hậu						246	30.000 - 32.000	x		7.626	1.907			100,0 %	50,0 %				50,0 %	HTX DVNN Thiệu Hưng	Lê Văn Tinh			Quý 4/2022		Công ty Công nghệ cao Lam Sơn	
318	Thiệu Hoá	Thiệu Chinh	Thiệu Toán	Lúa (Thái Xuyên 111, BVT 404,Q5)						3.500	6.500		5;10	80 triệu/ha/năm	28 triệu/ha/năm			100,0 %			100,0 %			HTX DVNN Thiệu Chinh	Nguyễn Văn Minh	0384 704 368	Quý 4/2021				
319	Thiệu Hoá	Thiệu Phúc	Thiệu Hóa	Lúa (Thái Xuyên 111, vD0,Q5)						3.700	6.500		5;10	80 triệu/ha/năm	28 triệu/ha/năm			100,0 %			100,0 %			HTX DVNN Thiệu Phúc	Nguyễn Văn Tinh	0979456245	Quý 4/2021				
320	Thiệu Hóa	TT. Thiệu Hoá	Thiệu Hóa	Gạo trắng thương phẩm	VietGAP					5	15	x		75.000	11.000	50%, Mỹ	50%, Hà Nội, Huế, Hưng Yên		100,0 %					Công ty TNHH thực phẩm Tâm Phú Hưng	Nguyễn Duy Cường	0917315838	Quý 3/2023			Liên kết với các huyện như: Thiệu hoá, Yên Định, Nông Cống, Triệu Sơn và Sản Xuất lúa	
321	Thiệu Hóa	Tân Châu	Phường Đồng Tiến	Lúa lai (VT404, Thái Xuyên)						2.500	6.500		4 và 10	16.250	12 triệu đồng/ha/năm			100,0 %			100,0 %			HTX Dịch vụ nông nghiệp Thiệu Châu	Lê Duy Thanh	091 9867 106	Quý 1/2023				
322	Thiệu Hóa	TT.Thiệu Hóa	Thiệu Hóa	Dưa vàng Vạn Hà			x		2021	130 - 150	32.000		5,6,7,8,9,10	4.480	200 triệu đồng/ha/năm		50% (HN, Ninh Bình, Bắc Ninh...)	50,0 %			30,0 %			HTX Dịch vụ nông nghiệp Thiệu Hưng	Nguyễn Văn Dương	098 9940 626	Quý 1/2023				
				Dưa chuột baby Vạn Hà			x		2022	50	20.000	x		1.000	150 triệu đồng/ha/năm			100,0 %			100,0 %										
323	Thiệu Hóa	Thiệu Tiến	Thiệu Tấn	Lúa lai (Thiên Ưu 8, Thái Xuyên...)						1.192	6.800		1,9	8.106	18,5 triệu đồng/ha/năm			100,0 %			100,0 %			HTX Dịch vụ nông nghiệp Phúc Lộc	Trần văn Tri	039 4975 5741	Quý 1/2023				
324	Thiệu Hóa	Thiệu Trung	Thiệu Trung	Bưởi Diễn						20	10.000		12 và 1	200	100 triệu đồng/ha/năm			100,0 %			100,0 %			HTX Nông nghiệp hữu cơ Thiệu Trung	Tương Trọng Tinh	098 4610 913	Quý 1/2023				
				Ôi ề Dải Loan						15	10.000		4,5,6,7, 8	150	50 triệu/ha/năm			100,0 %			100,0 %										
325	Thiệu Hóa	Minh Tâm	Thiệu Toán	Kén tâm						2,6	75.000	x		195	1.096			100,0 %			100,0 %			HTX Trồng đầu muối tôm xã Thiệu Minh	Lê Thị Giang	0977 176 479	Quý 4/2023				
326	Thiệu Hóa	Thiệu Ngọc	Thiệu Tấn	Ngô cốc bầu Lạc Lạc						3.000 hộp	299.000 đ/hộp	x		9.000	2.500		50%, Hà Nội, TP HCM, Cần Thơ	50,0 %		2%, TheCity	3,0 %	95%(Face book, TikTok, 1 z, zalo,		Công ty TNHH SX TM&DV Secret Life	Thiều Thị Văn Anh	0973845002	Quý 3/2023				
327	Thiệu Hoá	Thiệu Công	Thiệu Hóa	Gạo trắng thương phẩm						2	13	x		26	300	50%, Mỹ	50%, Hà Nội, Huế, Hưng Yên				100,0 %			Công ty cổ phần TMDV Lạc Phát	Lê Huy Công	0376175920	Quý 4/2023				
328	Thiệu Hóa	Thiệu Công	Thiệu Hóa	Lúa						4.000	7.500		T5,T10	120 triệu đồng/ha/năm	35 triệu đồng/ha/năm			100,0 %			100,0 %			HTX DVNN Thiệu Công	Trần Thị Tú	0914524232	Quý 2/2025				
329	Thiệu Hóa	Thiệu Lý	Thiệu Trung	Lúa (Q5,Khang Dân, Nhi Ưu 986)						2.500	8.500		T5, T9	110 triệu đồng/ha/năm	35 triệu đồng/ha/năm			100,0 %			100,0 %			HTX DVNN Thiệu Lý	Nguyễn Ngọc Quyết	0975376516	Quý 2/2025				
330	Thiệu Hóa	Thiệu Tâm	Thiệu Quang	Lúa (Thái Xuyên, VT404, Q5)						2.000	8.000		T5, T9	115 triệu đồng/ha/năm	40 triệu đồng/ha/năm			100,0 %			100,0 %			HTX DVNN Thiệu Tâm	Nguyễn Ngọc Vũ	0393765615	Quý 2/2025				
331	Thiệu Hóa	Thiệu Hóa	Thiệu Toán	Lúa (TBR 225, Q5, Thái Xuyên, Khang dân)						4.000	8.000		T5, T9	115 triệu đồng/ha/năm	40 triệu đồng/ha/năm			100,0 %			100,0 %			HTX DVNN Thiệu Hóa	Nguyễn Trọng Kỳ	0962868216	Quý 2/2025				

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm						Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể				Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)							Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)		
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX,... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử	Thương lái								
332	Bà Thuộc	Điện Lư	Điện Lư	Rau củ các loại	VietGAP						90	10.000	x		900	90			100,0 %			100,0 %				HTX rau an toàn Điện Lư	Lê Chí Dũng	0975 369 250	Quý 3/2023		
333	Bà Thuộc	Điện Trung	Điện Lư	Đu đủ thủ công						10000 đống/năm	6.000	x		60	30	50% (Hà Nội, Ninh Bình, Hưng Yên...)	50,0 %			100,0 %					HTX Dịch vụ nông nghiệp Điện Trung	Phạm Bá Tiến	0345 911 641	Quý 3/2023			
334	Bà Thuộc	Điện Lư	Điện Lư	Cây giống (keo, đàn hương)						50000 cây/năm	10.000	x		500	125			100,0 %			100,0 %				HTX Nông nghiệp, xây dựng và DVTM Hải Nga	Nguyễn Văn Hải	0978 234 414	Quý 3/2023			
335	Bìn Sơn	Quang Trung	Quang Trung	Lúa						1.600	7.500		5, 10	12.000	4.800			100,0 %				100,0 %			HTX DVTH xã Quang trung	Đình Nguyễn Hân	097 537 5120	Quý 4/2021			
				Cà (chép, trôm,...)							50.000		10, 11, 12	10.000	50.000			100,0 %				100,0 %									
336	Bìn Sơn	Phù Sơn	Quang Trung	Gạo	VietGAP					360	6000 - 80000	x		3.960	1.190			100,0 %			100,0 %				Công ty TNHH Vật tư NN Nam Hưng	Tổng Vải Nam	0395350561	Quý 4/2023			
337	Bìn Sơn	Quang Trung	Quang Trung	Lúa						922,25	7.000		T5, T9	5.994	30 triệu/ha/năm			100,0 %	100,0 %				100,0 %		HTX DV Tổng Hợp Quang Trung	Đình Nguyễn Hân	097 537 5120	Quý 2/2022			
				Cà (trám, chép, rô phi)						316	31000-60000	x		14.220	2.133																
338	Mường Lát	Quang Châu	Quang Châu	Nếp cay nội	VietGAP	x			2021	200	14.000		10	2.800	560			100,0 %				100,0 %			HTX Nông lâm Chung Thành	Lương Thị Nông	038319 3348	Quý 4/2021			
339	Lạng Chánh	TT Lạng Chánh	Linh Sơn	Ông mật						3000lit	250.000đ/lit	x		750	225			100,0 %				100,0 %			HTX nuôi ong Lạng Chánh	Lê Văn Đạt		Quý 2/2022			
340	TP Sầm Sơn	Quảng Minh	Nam Sầm Sơn	Lúa (Thái Xuyên, Bắc Thịnh,...)						1.313	7.500		5, 10	9.844	3.937			100,0 %				100,0 %			HTX DVNN Quảng Minh	Phạm Văn Sơn	0987016686	Quý 2/2021			
				Ngô						240	8.000	x		1.920	960			100,0 %				100,0 %									
				Rau màu						100	10.000	x		7.200	3.000			100,0 %				100,0 %									
				Ngô						24	6000 - 7000			720	432			100,0 %				100,0 %									
				Lạc dậu tương						2	13000 - 17000/kg tươi			26 - 34	13 - 17			100,0 %				100,0 %									
				Rau màu										80 - 120	60 - 72			100,0 %				100,0 %									
341	Cẩm Thủy	Cẩm Phong	Cẩm Thủy	Rau (Rau ăn lá, dưa chuột, ớt)	VietGAP					70	15000-25000	x		1.050	250			100,0 %			90,0 %	10% (ớt)			HTX DVTH Cẩm Phong	Phạm Quang Hải	0332706109	Quý 2/2023			
				Dưa hấu	VietGAP					6	55.000	Vụ đông	Từ tháng 1 đến tháng 4	330	70			100,0 %			100,0 %										
				Đậu tằm	VietGAP					0	180.000	Vụ đông	Từ tháng 1 đến tháng 4	32	20			100,0 %			100,0 %										
				Rau màu	VietGAP					90	15000-35000	x		2.295	300		100,0 %	100,0 %	30% (Ngô Sơn)			70,0 %								Công ty chế biến khoai tây Nga Sơn	
342	Cẩm Thủy	Cẩm Long	Cẩm Tân	Lúa lai Thái Xuyên, nếp, lúa thuần PC15						2.100	6.500		T5 và 9	13.650	16 triệu đồng/ha/năm			100,0 %				100,0 %			HTX Dịch vụ tổng hợp Hợp Long	Bùi Anh Tuấn	0963918169	Quý 2/2023			
				Cây gai						120	42.000		4 vụ/năm	4.680	35 triệu/ha/năm			100,0 %	100,0 %											Công ty An Phước	
343	Cẩm Thủy	Cẩm Văn	Cẩm Văn	Lúa thuần (Q5, TPR225); lúa lai (Thái Xuyên 111) giống bản địa PHP 71						5.100	7.000		5 và 9	33.150	30 triệu/ha/năm			100,0 %				100,0 %			HTX KDTH Nông Nghiệp Cẩm Văn	Ninh Minh Tuấn	0365400810	Quý 2/2023			

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm						Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể				Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)						Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)			
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX, ... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử	Thương lái								
344	Cẩm Thủy	Cẩm Tâm	Cẩm Văn	Gai Xanh						96	42.000		4 vụ/năm	4.032	39 triệu đồng/ha/năm			100,0 %						HTX DVNN Cẩm Tâm	Quách Văn Nột	0974830983	Quý 2/2023		Công ty An Phước		
345	Cẩm Thủy	Cẩm Giang	Cẩm Tú	Lúa (TBR225, N97, N98, Thái Xuyên,...)						2.400	9.000		T5,T9	20.400	6.120			100,0 %			100,0 %			HTX DV Cẩm Giang	Phạm Tuấn Anh	0375361599	Quý 2/2025				
				Ngô (NK 4300,NK66,...)						720	950000đ/tấn	x		6.840	2.052		50% (Nghệ An, Sơn La)	50,0 %	50,0 %			50,0 %						Công ty bỏ sửa Nghệ An, Công ty Sơn La,...			
346	Cẩm Thủy	Cẩm Lương	Cẩm Tú	Lúa Thương phẩm (Thiên Ưu, Bắc Thịnh,...)						1.262	8.000		T5,T9	10.093	3.028			100,0 %			100,0 %			HTX Dịch vụ tổng hợp Nông nghiệp Cẩm Lương	Bùi Văn Thúc	0988303685	Quý 2/2025				
347	Cẩm Thủy	Cẩm Tú	Cẩm Tú	Lúa (TBR225, Q5, Lúa nếp BK6, TBR97)	VietGAP					3.666	8.500		T5,T9	27.495	8.249			100,0 %			100,0 %			HTX Dịch vụ tổng hợp xã Cẩm Tú	Phạm Giang Nam	0986402329	Quý 2/2025				
348	Hải Lộc	Mình Lộc	Vạn Lộc	Ngô Ngọt						300	8.500	x		2.550	750		70% (Ninh Bình)	30,0 %	100,0 %					HTX Nông nghiệp Minh Lộc	Vũ Đức Anh	0965197456	Quý 1/2024		Công ty XNK Á Châu (Ninh Bình); Công ty Long Phương Nam (Hải Lộc)		
				Dưa hấu						91	6.000		T5,T7	546	150			100,0 %			100,0 %										
349	Hải Lộc	Hưng Lộc	Vạn Lộc	Ngô Ngọt						486	8.000	x		3.888	972		100% Ninh Bình		100,0 %					HTX Nông nghiệp Hưng Lộc	Trần Văn Hưu	0394875896	Quý 1/2024		Công ty XNK Á Châu (Ninh Bình);		
				Gà cầm						360	50.000	x		18.000	2.700			100,0 %				100,0 %									
350	Hải Lộc	Đa Lộc	Triệu Lộc	Đồng trùng hạ thảo sấy khô						138kg/năm	400000bóp/16g	x		3.500	1.050		60%(Hà Nội, Hải Phòng)	40,0 %			100,0 %			Công ty TNHH Nông nghiệp CNC Thiên Thao Việt	Trần Văn Biên	0979156656	Quý 1/2024				
351	Hải Lộc	Liên Lộc	Hoa Lộc	Đồng trùng hạ thảo sấy khô		x			2022	720kg/năm	650000bóp/25g	x		5.000	2.500		90% (Bắc Giang, Hà Nội)	10,0 %			20 (NPP, Đại lý)	80(Sendo, Zalo,Fb)		Công ty Cổ phần dược liệu SUKHA Việt Nam	Nguyễn Hoài Châu	0948238989	Quý 1/2024				
352	Hải Lộc	Đa Lộc	Triệu Lộc	Gà thịt						30000con/năm	60.000	x		3.600	264		100,0 %		100,0 %					Trang trại chăn nuôi gà thịt Vũ Văn Thắng	Vũ Văn Thắng	0964991726	Quý 1/2024		Công ty CP cung cấp giống, thức ăn, thuốc thú y, kỹ thuật và thu mua sản phẩm		
353	Hải Lộc	Đa Lộc	Triệu Lộc	Gà Thịt						28500con/năm	60.000	x		3.420	251		100,0 %		100,0 %					Trang trại chăn nuôi gà thịt Hoàng Minh Đông	Hoàng Minh Đông	0392930531	Quý 1/2024		Công ty TNHH JAPFA VIỆT NAM cung cấp giống, thức ăn, thuốc thú y		
354	Hải Lộc	Đa Lộc	Triệu Lộc	Lợn thịt						1700con/năm	60.000	x		9.180	612		100,0 %		100,0 %					Trang trại chăn nuôi Lợn thịt Nguyễn Ngọc Quý	Nguyễn Ngọc Quý	0393191345	Quý 1/2024		Công ty CP cung cấp giống, thức ăn, thuốc thú y, kỹ thuật và thu mua sản phẩm		
355	Hải Lộc	Hưng Lộc	Vạn Lộc	Gà thịt						28000con/năm	60.000	x		3.360	246		100,0 %		100,0 %					Trang trại chăn nuôi gà thịt Lê Văn Quyền	Lê Văn Quyền	0962065805	Quý 1/2024		Công ty TNHH JAPFA VIỆT NAM cung cấp giống, thức ăn, thuốc thú y		
356	Hải Lộc	Phong Lộc	Đồng Thành	Lúa thương phẩm (Thiên Ưu, Thái Xuyên)						2.250	10.000		T5,T9	22.500	40 triệu đồng/ha/năm			100,0 %				100,0 %		Hợp tác xã nông nghiệp Phong Lộc	Lê Văn Minh	0383195219	Quý 4/2024				
357	Hải Lộc	TT Hải Lộc	Hải Lộc	Lúa thương phẩm (Thiên Ưu, TBR 225, Bắc Thom, Nếp, Thái Xuyên)	Truyền thống					2.928	12.000		T5,T9	32.028	42 triệu đồng/ha/năm			100,0 %				100,0 %		HTX Nông nghiệp Lộc Tấn	Trịnh Thanh Sơn	0985415475	Quý 4/2024				
358	Hải Lộc	Hải Lộc	Vạn Lộc	Muối						4.000	2.300	x		9.200	2.400			100,0 %			100,0 %			HTX Dịch vụ tổng hợp Hải Lộc	Đỗ Văn Thường	0982934822	Quý 4/2024				
359	Hải Lộc	Quang Lộc	Hoa Lộc	Lúa (Thái Xuyên, Thụy Hương 308)						520	12.000		T5,T9	6.240	44 triệu/ha/năm			100,0 %			100,0 %			HTX Nông nghiệp Quang Lộc	Mai Văn Thiện	0333675403	Quý 4/2024				
360	Hải Lộc	TT Hải Lộc	Hải Lộc	Lúa Thiên Ưu, Bắc Thịnh						100	7.000		T5,T9	700	40 triệu/ha/năm			100,0 %			100,0 %			HTX Nông nghiệp Thị trấn Hải Lộc	Lê Văn Trung	0932376038	Quý 4/2024				
361	Hải Lộc	Hòa Lộc	Hoa Lộc	Muối						1.500	2.500	x		3.750	1.100			100,0 %			100,0 %			HTX Muối Tam Hòa	Lê Văn Kiến	0988442977	Quý 4/2024				

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/ thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm					Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể			Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)					Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)		
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX,... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử	Thương lái						
362	Như Xuân	TT Yên Cát (xã Yên Lễ)	Như Xuân	Nguyên liệu giấy						60.000	140usd/tấn			100.000	5.000	Trung Quốc, Singapore							100,0 %	Công ty TNHH Ngô Huy Đăng	Ngô Huy Đăng	' 0974206218	Quý 1/2024		
				Ván bóc						15000m2	2 triệu đồng/m3	x		30.000	1.500														
363	Như Xuân	Xuân Hòa	Xuân Bình	Cà thương phẩm						8	31000-65000đ/kg		T3,T10	300	25-30			100,0 %			100,0 %		HTX Đại ốc	Lê Duy Ly	0914090747	Quý 3/2024			
364	Như Xuân	Xuân Hòa	Xuân Bình	Gà thịt						20.000 con	65.000		T6,T12	3.250	650			100,0 %	100,0 %				Trang trại chăn nuôi gà thịt Xuân Hòa	Lê Ngọc Tân	0974220157	Quý 3/2024		Công ty CP dịch vụ nông nghiệp Happy Farm	
				Bưởi						1	15.000		T11,T12	15	10			100,0 %	100,0 %				100,0 %						
				Xoài (chưa thu hoạch)																									
365	Như Xuân	Hòa Quý	Hoài Quý	Gà thịt		x				50	140.000	x		7.000	2.100		70%(Hà Nội, Hưng Yên, Thái Bình)	30,0 %			30,0 %	20%(Zalo, FB)	50,0 %	Công ty Cổ phần nông nghiệp sạch Như Xuân	Hoàng Ngọc Năm	0974566320	Quý 3/2024		
366	Như Xuân	TT Yên Cát	Như Xuân	Rượu rau má MaLand &Rượu nếp		x		2023	12000 lít/năm	60000đ/lít	x		720	220			100,0 %			100,0 %			HTX Nông nghiệp CNC MaLand	Mai Trung Thành	0977303525	Quý 3/2024			
367	Như Xuân	Hòa Quý	Hoài Quý	Đưa vàng	Đưa nhà mông					14	35000-40000		T3,T6,T9,T12	525	360		70%(Hưng Yên, Hải Dương)	30,0 %			70,0 %		30,0 %	HTX Thôn Liên Hiệp xã Hòa Quý	Lê Nhân Hậu	'0948020485	Quý 3/2024		
				Bưởi da xanh						65	25.000		T11,T12	1.625	1.300		70%(Hưng Yên, Hải Dương)	30,0 %			30,0 %		70,0 %						
368	Như Xuân	Bãi Trành	Xuân Bình	Ôi lê	VietGAP	x		2021	100	15.000		T7,T8-T11,T12	1.500	1.050		10%(Hà Nội)	100,0 %		100,0 %	90,0 %			HTX Vĩnh Thịnh Bãi Trành	Nguyễn Duy Vành	0339818095	Quý 3/2024			
369	TP Thanh Hóa	Quảng Hưng, TP Thanh Hóa	Phường Quảng Phú	Gạo nếp hạt cau						40	11.000		T11	400	10		100%(Nghệ An)				100,0 %			Công ty TNHH lương thực Tân Tiến	Nguyễn Văn Thanh	0968139950	Quý 4/2024		
370	Hoàng Hóa	Xã Hoàng Hải	Hoàng Tiến	Lợn thịt						4000con/năm				22.880	2.290			100,0 %	100,0 %					Trang trại chăn nuôi Đăng Xuân Cự	Đăng Xuân Cự	0984728616	Quý 1/2024		Công ty GreenFeed (Long An)
				Cá						20	20.000			400	80			100,0 %					100,0 %						
371	Hoàng Hóa	Xã Hoàng Phu	Hoàng Thanh	Nước mắm cốt		x		2021	75000lít/năm	200000đ/xách (2 chai)	x		15.000	5.000		50%(Các tỉnh phía Bắc, Đà Nẵng)	100,0 %			100,0 %	5(facebook, website, posmart)			Công ty TNHH Khuê Các	Nguyễn Thị Phương Thủy	0972013579	Quý 1/2024		
				Mắm tôm		x		2021	20000lít/năm	35000-50000đ/chai	x		2.000	1.000		50%(Các tỉnh phía Bắc, Đà Nẵng)	100,0 %			100,0 %	5(facebook, website, posmart)								
372	Hoàng Hóa	Xã Hoàng Ngọc		Tôm						36	200.000		T4-T5 và T7-T8	7.200	1.000			100,0 %			100,0 %			Trang trại NTTS Chu Đình Giáp	Nguyễn Thị Thu	0369303338	Quý 1/2024		
373	Hoàng Hóa	Xã Hoàng Hải	Hoàng Tiến	Lợn thịt						2000 con/năm	59.000			11.400	1.104		50% (bề thống GreenFeed)	100,0 %	50,0 %		50,0 %			Trang trại NTTS Đăng Xuân Hùng	Đăng Xuân Hùng	0984981744	Quý 1/2024		Công ty GreenFeed (Long An) liên kết cung cấp thức ăn chăn nuôi& lợn thịt
				Cá						2	20.000			40	10					100,0 %									
374	Hoàng Hóa	Xã Hoàng Ngọc	Hoàng Thanh	Lợn thịt						500 con/năm	58.000			2.970	150			100,0 %				100,0 %		Trang trại Chăn nuôi Lê Nhật Thành	Lê Nhật Thành	0917762274	Quý 1/2024		Công ty CP Việt Nam liên kết thức ăn chăn nuôi
375	Hoàng Hóa	Xã Hoàng Trường	Hoàng Tiến	Mọi sảy khô	Chứng nhận VSATTP	x		2023	200	50.000		T9-T12	10.000	2.000		100%(Hà Nội, HCM)				100,0 %				Công ty TNHH Thương mại thủy sản Long Dương	Lê Văn Lý	0983469776	Quý 2/2024		
				Lợn						500con/năm	52.000			2.700	500			100,0 %				100,0 %							
				Hoa cây cảnh						1500 cây/năm	20.000			300	70			100,0 %			100,0 %								
				Cây lâu năm						20	20.000			140	50			100,0 %			100,0 %								

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/ thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm				Thông tin thị trường								Thông tin chủ thể			Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết		
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)					Tên chủ thể (HTX/DN)			Người đại diện	Số điện thoại
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX, ... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử	Thương lái					
376	Yên Định	TT Quán Láo	Yên Định	Ngô giống						20	100	x		2.000	200		70%(Nghệ An, Ninh Bình, Hà Tĩnh...)	30,0 %			100,0 %		Công ty TNHH giống cây trồng Việt Trung	Lê Minh Đức	0982892268	Quý 1/2024		
377	Yên Định	Xã Định Tăng	Yên Định	Lợn thịt						285	58.000	x		16.530	1.730			100,0 %				100,0 %	Trang trại chăn nuôi Lưu Văn Viên	Lưu Văn Viên	0976966211	Quý 2/2024		
378	Yên Định	Xã Định Hải	Định Tân	Lợn thịt						190	60.000	x		11.780	2.356			100,0 %	100,0 %				Trang trại tổng hợp Nguyễn Duy Hùng	Nguyễn Duy Hùng	0982023826	Quý 2/2024	Công ty CP Việt Nam liên kết đầu vào và bao tiêu sản phẩm	
379	Yên Định	Xã Định Hưng	Định Tân	Lúa Q5, Thiên Ưu 8, BTR 225						5.104	8.000		T5,T9	40.832	35 triệu đồng/ha/năm			100,0 %				100,0 %	HTX Dịch vụ sản xuất nông nghiệp Định Hưng	Bùi Văn Ngộ	0835210789	Quý 2/2024		
380	Yên Định	Xã Định Hòa	Xã Định Hòa	Lúa						6.844	8.000		T5,T9	54.752	35 triệu đồng/ha/năm			100,0 %				100,0 %	HTX Dịch vụ sản xuất nông nghiệp xã Định Hòa	Lê Văn Hòa	0916017679	Quý 2/2024		
				Ớt quả						70	15.000		T12-T4	1.050	100 triệu/ha/năm			100,0 %				100,0 %						
381	Yên Định	Xã Yên Lạc	Yên Ninh	Lợn thịt						1500con/năm	500000đồng/con (công nuôi thuần)		T5	750	750			100,0 %	100,0 %				Trang trại chăn nuôi Trịnh Duy Hòa	Trịnh Duy Hòa	0868718868	Quý 2/2024	Liên kết với Công ty CP Việt Nam nuôi thịt cho công ty	
				Gà thịt						36000con/năm	4000 đồng/con (công nuôi thuần)		T4,T8,T12	150	150			100,0 %	100,0 %									
382	Yên Định	Xã Yên Lạc	Yên Ninh	Hạt giống bí đỏ						1	725		T5,T12	725	450		100%(Tp Hồ Chí Minh)		100,0 %				HTX Dịch vụ sản xuất nông nghiệp xã Yên Lạc	Lê Văn Quý	0868096473	Quý 2/2024	Công ty TNHH Hạt giống Tân Lộc Phát	
383	Yên Định	Xã Yên Minh	Yên Ninh	Lúa Thuần (Q5, Bắc Thịnh)						3.584	9.000		T5,T10	32.256	17,3 triệu đồng/ha/năm			100,0 %				100,0 %	HTX Dịch vụ Nông nghiệp và xây dựng Yên Ninh	Trịnh Quốc Huy	0976966501	Quý 2/2024		
384	Yên Định	Xã Yên Ninh	Yên Ninh	Bưởi diêm	VietGAP	x				400	15.000		T11,T12	6.000	1.000		60%(Ninh Bình, Hà Nam)	40%(Yên Định, TP Thanh Hóa)			100,0 %		Công ty TNHH DVTM và phát triển nông nghiệp Việt Thịnh	Trịnh Đình Quốc Việt	0978610136	Quý 2/2024		
385	Yên Định	Xã Yên Ninh	Yên Ninh	Cây có múi	VietGAP					34	17.000		T11,T12	578	173								Trang trại Tổng hợp Trịnh Đình Tư	Trịnh Đình Tư	0931773818	Quý 2/2024		
				Lợn thịt						20	50.000		T11	1.100	200													
				Gà thịt						2	58.000		T6,T12	125	33													
				Cá						5	25.000		T1,T2	125	50			100,0 %			100,0 %							
386	Thạch Thành	Thị Trấn Văn Du	Văn Du	Đường tỉnh huyện	HACCP					32.000	20000-21000	x		312.617	31.761	Đài Loan	Cà mước		100,0 %				Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan	Huan, Mिंग -Te	0979119012	Quý 2/2024	Công ty sữa, bánh kẹo, các nhà phân phối, hệ thống siêu thị,...	
387	Thạch Thành	Xã Thịnh Hưng	Kim Tân	Lợn thịt	Tiêu chuẩn cơ sở					57	63.000		T6,T7 và T12,T1	3.591	1.111			100,0 %				100,0 %	Trang trại chăn nuôi lợn thịt	Bùi Văn Quân	0916632312	Quý 2/2024		
388	Thạch Thành	Thị Trấn Văn Du	Văn Du	Cam canh	Global GAP					76	37.000		T11	2.812	562						20,0 %		80,0 %	Trang trại cam	Nguyễn Văn Chung	0972233333	Quý 2/2024	Liên kết lấy giống cây trồng từ Viện Nông nghiệp Hà Nội; Liên kết với công ty TNHH Lưu Suông và Công ty TNHH đường mía và dịch vụ Xoan Tiến về phân bón;
				Cam vịnh	Tươi nhỏ gọn, sử dụng phân hữu cơ, ông được CNC					450	16.000		T10-T12	7.200	1.440													
389	Thạch Thành	Xã Thịnh Tho	Kim Tân	Mía nguyên liệu						3.000	12.800		T2-T3	38.400	31 triệu/ha/năm			100,0 %	65,0 %			35,0 %	HTX Dịch vụ kinh doanh Nông nghiệp Thành Tho	Bùi Trí Thuận	0986215977	Quý 2/2024	Công ty TNHH Đường Mía Việt Nam-Đài Loan	
390	Thạch Thành	Xã Thạch Tượng	Thạch Quảng	Lợn thịt	TC công ty					7.000	55.000	x		385.000	57.000		80%(Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên)	20,0 %				20,0 %	Công ty Dabaco Thanh Hóa	Trần Văn Hòa	0979584154	Quý 2/2024		
				Lợn nái, lợn con						13000con/năm	1000000đ/con	x		13.000	2.000		80%(Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên)	20,0 %				20,0 %						
391	Thạch Thành	Xã Thạch Tượng	Thạch Quảng	Lúa BC15, TRB 225, Q5						1.200	8.000		T12,T5	10.300	30 triệu/ha/năm			100,0 %				100,0 %	HTX Dịch vụ kinh doanh Nông lâm nghiệp Thạch Tượng	Nguyễn Văn Tấn	0398459678	Quý 2/2024		
				Mía nguyên liệu						10.500	12.500		T12,T1	13.050	30 triệu/ha/năm			100,0 %	100,0 %								Công ty TNHH Đường Mía Việt Nam-Đài Loan	

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/ thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm				Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể			Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết			
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)						Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện			Số điện thoại		
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX, ... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử	Thương lái								
392	Thạch Thành	Xã Thành Trục	Kim Tân	Lúa Thái Xuyên, Nhì Úu, Thụy Hương						2.035	8.000		T5,T9-T10	16.280	30 triệu/ha/năm			100,0 %					100,0 %	HTX Dịch vụ kinh doanh nông nghiệp Thành Trục	Đình Thế Đạt	0338554278	Quý 2/2024				
				Mía nguyên liệu (KK3,F156)						12.800	12.500		T12,T1	160.000	31 triệu/ha/năm			100,0 %	100,0 %											Công ty TNHH Đường Mía Việt Nam - Hải Loan	
393	Thạch Thành	Xã Thạch Sơn	Thạch Bình	Lúa (Thái Xuyên, VN20, TBR225)						2.166	7.000		T5,T9-T11	15.162	30 triệu/ha/năm			100,0 %					100,0 %	HTX Dịch vụ kinh doanh nông nghiệp Thạch Sơn	Bùi Văn Tuyên	0365291210	Quý 2/2024				
				Mía nguyên liệu (KK3,F156)						20.800	12.500		T12,T1	260.000	30 triệu/ha/năm			100,0 %	100,0 %											Công ty TNHH Đường Mía Việt Nam - Hải Loan	
394	Thạch Thành	Xã Thạch Quảng	Thạch Quảng	Lúa (Q5, BC15, TBR225)						1.140	8.000		T5,T9	9.120	30 triệu/ha/năm			100,0 %					100,0 %	HTX Dịch vụ kinh doanh nông nghiệp Thạch Quảng	Nguyễn Đình Quà	062395707	Quý 2/2024				
				Mía nguyên liệu (P156, GB 19-67, K8 4200)						16.000	12.500		T12,T1	200.000	31 triệu/ha/năm			100,0 %	100,0 %											Công ty TNHH Đường Mía Việt Nam - Hải Loan	
395	Thạch Thành	Thị trấn Văn Du	Văn Du	Cam canh						95	37.000		T11	3.515	703			100,0 %					100,0 %	Trang trại trồng trọt Hà Đồng Giang	Hà Đồng Giang	0987066466	Quý 2/2024			Liên kết gang tay trồng cam canh	
				Mắc - ca						20	35.000		T8-T9	700	175			100,0 %					100,0 %								
396	Thạch Thành	Xã Thịnh Hưng		Ốt chi thiên						1.400	17000-25000		T5,T11,T12	25.000	8.250	Trung Quốc (70%)	Hà Nội (30%)		100,0 %						Công ty có phần xuất nhập khẩu Hiệp Thành Nam	Quách Thành Nam	0857322322	Quý 3/2024			Công ty Trung Quốc, Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hùng Việt
397	Thạch Thành	TT Văn Du	Văn Du	Macca	VietGAP					20	35000-750.000 (tươi, hạt, nhân)		T9	1.150	350		Hà Nội, Tp Long Xuyên An Giang (30%)	70,0 %	30,0 %				70,0 %	Công ty TNHH Mắc Ca Hồ Dung - Green Fram	Nguyễn Thị Dung	0328555001	Quý 3/2024			Công ty TNHH MTV Công nghệ sau thu hoạch Dương Xuân Quà (Thu mua macca tươi)	
				Thanh Long						65			T11	1.105	300		Hà Nội (30%)	70,0 %					100,0 %								
				Ới						170		x		1.045	250		Hà Nội (30%)	70,0 %					100,0 %								
398	Thạch Thành	Xã Thạch Sơn	Thạch Bình	Ván Bóc						10000m3/năm	2400000đ/m3	x		24.000	200				100,0 %						Công ty chế biến lâm sản Anh Kiến	Lê Duy Hưng	0985915865	Quý 3/2024			Công ty có phần Minh Anh, Hà Nội
				Đám gỗ keo						36.000	2.800	x		100.000	300		100 % (Hà Nội, Ninh Bình)		100,0 %											Công ty có phần lâm sản Thăng Long, Hà Nội	
399	Thạch Thành	Thành Vinh	Thành Vinh	Tinh dầu						3620 chai	55.000	x		199	20		90 % (Hà Nội, Đà Nẵng)	10,0 %	90,0 %			10,0 %			Công ty có phần phát triển nông nghiệp và dược liệu Việt Nam	Nguyễn Hữu Minh	0988912579	Quý 4/2024			Công ty FUWA, công ty Sao Thái dương Hà Nam
				Cao gỏi thảo mộc						1020 chai	295.000	x		301	31																
				Xì côn trùng						2500 chai	80.000	x		200	20																
				nguyên liệu thô (xà tươi)						2600 tấn	2.500	x		6.500	650																
400	Như Thanh	Xã Xuân Du	Xuân Du	Gà thả						40000con/năm	100.000	x		8.000	1.000			100,0 %					100,0 %	Trang trại chăn nuôi Lê Sỹ Quyền	Lê Sỹ Quyền	0969685999	Quý 2/2024				
401	Như Thanh	Xã Xuân Du	Xuân Du	Nho tím	VietGAP					5	200.000		T4,T5, T10, T11	1.000	600		50%(Hà Nội, Hà Nam)	50,0 %							HTX Dịch vụ nông nghiệp hữu cơ công nghệ cao Tuấn Hà Xuân Du Farm	Hoàng Văn Tuấn	0914113475	Quý 2/2024			
				Gừng						30	20.000		T11,T12	600	300		50% (Hà Nội)	50,0 %					100,0 %								
402	Như Thanh	Xã Xuân Du	Xuân Du	Lúa (Bắc Thịnh, BC15, Q5)						3.773	9.000		T5,T9	33.961	32 triệu đồng/ha/năm			100,0 %					100,0 %	HTX Nông nghiệp và dịch vụ Xuân Du	Bùi Văn Thiệp	0977248514	Quý 2/2024				
				Đào cảnh						500000 cây	900.000		T2,T3	45.000	23.000		30%(Nghệ An, Ninh Bình)	70,0 %					100,0 %								
				Thanh Long						900	20.000		T6-T11	18.000	40 triệu đồng/ha/năm			100,0 %					100,0 %								
403	Vĩnh Lộc	Xã Vĩnh Hòa	Vĩnh Lộc	Lúa thương phẩm (Q5,TBR 225, Nếp 97, Ưu đa hệ)						7.150	7.000		T5,T10	46.475	32 triệu đồng/ha/năm			100,0 %					100,0 %	HTX Dịch vụ nông nghiệp Vĩnh Hòa	Đỗ Văn Công	0399248857	Quý 3/2024				

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm				Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể			Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)				Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại			
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX,... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử				Thương lái		
404	Vĩnh Lộc	Xã Vĩnh Hưng	Vĩnh Lộc	Lúa thương phẩm (Q5,TBR 225, Ưu số 1, Bắc Thịnh)						6.838	6.600		T5,T10	45.131	31 triệu đồng/ha/năm			100,0 %	20,0 %				80,0 %	HTX Dịch vụ nông nghiệp Vĩnh Hưng	Trịnh Thế Đa	0976025011	Quý 3/2024	Công ty Tâm Phú Hưng
405	Vĩnh Lộc	Xã Vĩnh Khang	Vĩnh Lộc	Lúa thương phẩm (TBR 225, Q5)						1.278	8.000		T5,T11	10.224	33 triệu đồng/ha/năm			100,0 %					100,0 %	HTX Dịch vụ nông nghiệp Vĩnh Khang	Phạm Văn Tuấn	0352976969	Quý 3/2024	
406	Vĩnh Lộc	Xã Minh Tân	Biện Thượng	Lúa thương phẩm (TBP 225, Dâu Thơm, ST25)						250	10.000		T5,T9	110 triệu đồng/ha/năm	40 triệu đồng/ha/năm			100,0 %			100,0 %			HTX Dịch vụ nông nghiệp Vĩnh Tân	Hoàng Thị Minh	0395506991	Quý 3/2024	
407	Vĩnh Lộc	Xã Vĩnh Hùng	Biện Thượng	Lúa thương phẩm (Thái Xuyên 111, Dâu Thơm, Q5)						500	10.000		T5,T9	110 triệu đồng/ha/năm	40 triệu đồng/ha/năm			100,0 %			100,0 %			HTX DVNN xã Vĩnh Hùng	Hoàng Đại Lý	0362140276	Quý 3/2024	
408	Vĩnh Lộc	Xã Vĩnh Hòa	Vĩnh Lộc	Mía						140	1.200		T11,T12	168	80			100,0 %	100,0 %					Trang trại chăn nuôi Vĩnh Hòa	Trần Văn Lai	0977289621	Quý 4/2024	
				Lon						2.000	65.000		T6,T12	13.000	2.000			100,0 %					100,0 %					
409	Vĩnh Lộc	Xã Vĩnh Hòa	Vĩnh Lộc	Lon						3.000	65.000		T6,T12	19.500	2.500			100,0 %					100,0 %	Trang trại chăn nuôi Vũ Thị Nhu	Vũ Thị Nhu	0931379655	Quý 4/2024	Công ty cổ phần CP cung cấp thức ăn
410	Vĩnh Lộc	Xã Vĩnh Phúc	Vĩnh Lộc	Nước rửa bát						4800 chai	60.000	x		288	48	30%(Hà Nội)	70,0 %					70,0 %		HTX DVNN Núi Vắn	Lê Thị Thu		Quý 4/2024	
				Dầu gội						4800 chai	250.000	x		1.200	240	30%(Hà Nội)	70,0 %					70,0 %						
				Tinh Dầu						6000 chai	100.000	x		600	120	30%(Hà Nội)	70,0 %					70,0 %						
411	Vĩnh Lộc	Xã Vĩnh Thành	Vĩnh Lộc	Rau						24	20.000		T6,T10	480	160			100,0 %			100,0 %			HTX DV và sản xuất rau an toàn Hàng Cường	Lê Thị Vân	0949015498	Quý 4/2024	
				Dưa vàng						11	15.000		T12	169	100													
412	Vĩnh Lộc	Xã Vĩnh Thành	Biện Thượng	Dưa vàng	VietGAP					35	20.000		T5,T6,T10	700	245			100,0 %			100,0 %			HTX Tùng Anh	Hà Thị Duy	0969485111	Quý 4/2024	
				Cà chua						9	15.000		T12,T1-2	135	49													
				Rau màu						10	15.000		T12,T1-2	150	56													
413	Quan Hóa	TT Hải Xuân	Hải Xuân	Măng Khô	ATVSTP	x			2021	7-8 tấn	300.000	x		2.400	960	50%(Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng, Tp HCM, Đà Nẵng)	50,0 %				100,0 %			Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Mường CADA	Phạm Thị Nhung	0986124008	Quý 3/2024	
414	Lang Chánh	Xã Tri Nang	Linh Sơn	Mật ong rừng Chi Linh Sơn		x			2023	40000lít	200.000	x		8.000	1.500	50 (Hà Nội, Hải Phòng)	50,0 %				100,0 %			Công ty cổ phần dầu từ và phát triển MAHAO	Vũ Trung Kiên	0983443569	Quý 3/2024	
415	Lang Chánh	Xã Yên Thắng	Xã Yên Thắng	Đầu tre vót thủ công						6000 hộp	60.000	x		360	210		100,0 %				70,0 %	30%(zalo, tiktok, fb)		HTX du lịch và phát triển Nông lâm nghiệp Mường Đeng	Hà Thị Xem	0964159012	Quý 3/2024	
416	Lang Chánh	Thị trấn Lang Chánh	Linh Sơn	Kẹo nhãn	ATVSTP	x			2022	4	90.000	x		360	144		100,0 %				100,0 %			HTX kẹo nhãn Lang Chánh	Mai Thị Hoa	0368851066	Quý 3/2024	
417	Lang Chánh	Xã Yên Thắng	Xã Yên Thắng	Muối Mắc Khén	ATVSTP	x			2023	4000 hộp	60.000	x		240	144		100,0 %				100,0 %			HTX Dịch vụ nông nghiệp Yên Thắng	Lô Văn Thái	0339744060	Quý 3/2024	
418	Lang Chánh	Xã Đồng Lương	Đồng Lương	Dưa bao tử						900	10.000		T2,3,10	600	60	100 %(Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang)			100,0 %					HTX NN An Toàn và hữu cơ Lang Chánh	Lương Thị Niệm	0989353238	Quý 3/2024	Công ty XNK Nông sản VOC Bắc Giang
				Ốt chỉ thiên						400	7.000		T11,T12	280	80	100% (Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang)			100,0 %									Công ty XNK Nông sản VOC Bắc Giang
419	Lang Chánh	Xã Tân Phúc	Đồng Lương	Lúa Thái Xuyên, Nhì Ưu, Thiến ưu 8						40	10.000		T5-6,T9-10	120 triệu đồng/ha/năm	40 triệu đồng/ha/năm			100,0 %					100,0 %	HTX DVNN Tân Phúc	Lê Văn Học	0973736336	Quý 3/2024	

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm						Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể				Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết	
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)							Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)			
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX, ... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử	Thương lái									
420	Lang Chánh	Xã Đồng Lương	Đồng Lương	Lúa Q5, Thái Xuyên, Khang Dân						50	10.000		T5-6;T9-10	120 triệu đồng/ha/năm	40 triệu đồng/ha/năm			100,0 %					100,0 %		HTX DVNN Đồng Lương	Nguyễn Bá Ngắn	0972118385	Quý 3/2024				
				Mía nguyên liệu						2.450	12.500		T3-4; T11-12	87 triệu đồng/ha/năm	37 triệu đồng/ha/năm			100,0 %	100,0 %												Công ty CP mía đường Lam Sơn	
421	Lang Chánh	TT Lang Chánh	Linh Sơn	Keo						10.000	900.000	x		9.000	200			100,0 %	100,0 %						Công ty Lâm nghiệp Lang Chánh	Lê Việt Sưa	0973856375	Quý 3/2024			Công ty cổ phần lâm sản lang chính, công ty cổ phần xây dựng và TM Đức Phúc	
422	Lang Chánh	Giao An	Giao An	Trứng gà	VietGAP	x			2024	300000 quả	2500 đ/quả	x		750	150			100,0 %							HTX Châu mới và dịch vụ Phương Thảo	Lê Thị Chinh	0944017622	Quý 2/2025				
423	Lang Chánh	Yên Khương	Yên Khương	Lúa						200 tấn/năm	9.000		T5,T6,T9,T 10	110 triệu đồng/ha/năm	40 triệu đồng/ha/năm			100,0 %							HTX DVNN Yên Khương	Là Văn Thuận	0973569418	Quý 2/2025				
424	Lang Chánh	Tam Văn	Vân Phú	Lúa						100 tấn/năm	9.000		T5,T6,T9,T 10	110 triệu đồng/ha/năm	40 triệu đồng/ha/năm			100,0 %							HTX DVNN Tam Văn	Lữ Văn Thương	0357692788	Quý 2/2025				
425	Lang Chánh	Tri Nang	Linh Sơn	Cá Tầm gai						2,2 tấn	250.000	x		550	150			100,0 %							HTX DVTH Chi Linh	Luong Thi Hieu	0975519479	Quý 2/2025				
426	Lang Chánh	Tri Nang	Linh Sơn	Lúa						200,0	9.000		T5,T9	110 triệu đồng/ha/năm	40 triệu đồng/ha/năm			100,0 %							HTX DVNN Tri Nang	Hà Thị Quyên	0972514585	Quý 2/2025				
427	Lang Chánh	Giao An	Giao An	Lúa						150,0	9.000		T5,T9	110 triệu đồng/ha/năm	40 triệu đồng/ha/năm			100,0 %							HTX DVNN Giao An	Phạm Văn Dân	0367280114	Quý 2/2025				
428	Thường Xuân	Xã Lương Sơn		Lúa Q5, Thái Xuyên, Nhiêu						50	10.000		T4, T9-10	120 triệu đồng/ha/năm	40 triệu đồng/ha/năm			100					100		HTX DVNN TH Lương Sơn	Đỗ Văn Trường	0968953854	Quý 3/2024				
429	Thường Xuân	Xã Ngọc Phụng		Buổi diễn, Buổi dã xanh	VietGAP					170	12000-20000		T10-T11	2.550	1.500			100				30		70	Trang trại trồng trọt Ngọc Phụng	Lê Xuân Hoàng	0912352882	Quý 3/2024				
430	Thường Xuân	Xã Lương Sơn		Mía nguyên liệu						19.800	12.500		T3-4; T11-12	87 triệu đồng/ha/năm	37 triệu đồng/ha/năm			100	100						HTX NN Hưng Thịnh	Nguyễn Chí Chính	0962688078	Quý 3/2024			Công ty CP mía đường Lam Sơn	
431	Thường Xuân	Xã Thọ Thanh		Gà thịt						5.850	29.300	x		171.405	1.500		100 (Hà Nam)		100						Trang trại ECO	Lê Trương Yên	0975366038	Quý 3/2024			Nhà máy Meandeli Hà Nam, Công ty CP 3F Việt liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm; Công ty TNHH Đồng Phương (thuộc chủ yếu); Công ty TNHH Việtphap Quốc tế (Vipharvet); công ty Japla VN (cầm)	
432	Thường Xuân	Xã Thọ Thanh		Dưa vàng	VietGAP, trồng nhà lưới tưới nhỏ giọt					75	24.000	x		1.800	360			100	100						Trang trại trồng trọt Lê Đình Quang	Lê Đình Quang	0828827008	Quý 3/2024			Liên kết với HTX Dịch vụ tổng hợp Thọ Thanh để tiêu thụ sản phẩm	
433	Thường Xuân	Xã Vạn Xuân	Vạn Xuân	Mãng khố Xuân Liên		x			2023	633000 túi(250g/túi)	100000 đồng/túi	x		633	57		20% (Hà Nội)	80,0 %			20,0 %	80,0 %			Hợp tác xã nông nghiệp và dịch vụ du lịch Xuân Liên	Nguyễn Văn Bình	0333962755	Quý 3/2024				
434	Ngọc Lặc	Xã Kiến Thọ	Kiến Thọ	Cam	Sử dụng mùn hữu cơ, tưới nước nhỏ giọt					50	25.000		T12	1.250	375			100,0 %					100,0 %		Trang trại trồng cây lâu năm, cây lâm nghiệp	Hà Huy Phương	0344024720	Quý 4/2024			Liên kết bán mủ cao su cho Nông trường Sông Âm Ngọc Lặc	
				Cây keo						550	1000.000đ/tấn	x		550	200			100,0 %					100,0 %									
				Cao su						28	18.000		T3-4;T10	500	300			100,0 %	100,0 %													
435	Ngọc Lặc	xã Ngọc Liên	Ngọc Liên	Măng tây	VietGAP					32	60.000	x		1.920	576			100,0 %					100,0 %		Trang trại trồng trọt Phạm Phú Phúc	Phạm Phú Phúc	0906142558	Quý 4/2024			Liên kết mua phân bón của công ty Thuận nông Thanh Hóa	
				Ớt						20	15.000		T11-T3	300	90																	
				Dứa						20	6.000		T6,T7	120	36																	
436	Ngọc Lặc	xã Lam Sơn	Minh Sơn	Dứa	VietGAP					202	9.000		T6,T7	1.822	528			100,0 %	100,0 %						HTX Nông nghiệp xây dựng và môi trường Lam Sơn	Bùi Minh Toàn	0394731492	Quý 4/2024			Liên kết với công ty Vũ Khánh Toàn, xã Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc	
				Mật ong						3000lít/năm	180.000	x		540	170			100,0 %						100,0 %								

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm				Thông tin thị trường								Thông tin chủ thể			Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết		
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)		Thời điểm có sản phẩm		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)					Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện			Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)
													Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX, ... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ						
437	Ngọc Lặc	xã Ngọc Liên	Ngọc Liên	Miến dong	ATVSTP	x			2021	16	150.000	x		2.400	350		30%(Hà Nội, Bắc Giang, TP Hà Chí Minh)	70,0 %				70,0 %	HTX Dịch vụ nông nghiệp Ngọc Tân	Lê Bá Toàn	0865100378	Quý 4/2024	Liên kết bán mía cho công ty mía đường Lam Sơn	
438	Ngọc Lặc	xã Ngọc Sơn	Ngọc Liên	Lúa (Thái Xuyên 111, BC 15, Q5)						100	11.000		T5,9,10	130 triệu đồng/ha/năm	40 triệu đồng/ha/năm			100,0 %			100,0 %		HTX Ngọc Sơn	Phạm Văn Trường	0968830841	Quý 4/2024		
				Mía nguyên liệu						6.300	1.250		T1,T2	86 triệu đồng/ha/năm	50 triệu đồng/ha/năm			100,0 %	100,0 %									
439	Ngọc Lặc	xã Cao Thịnh	Ngọc Liên	Lúa thương phẩm						1.650	9.000		T5,T10	125 triệu đồng/ha/năm	41 triệu đồng/ha/năm			100,0 %			100,0 %		HTX dịch vụ nông nghiệp và xây dựng Cao Thịnh	Lê Thị Loan	0374545441	Quý 4/2024		
				Dứa gai						17.184	9.000	x		137.427	68.736		50%Hà Nội	50,0 %	50,0 %			50,0 %					Công ty TNHH Đồng Gạo Ninh Bình; Công ty Nông sản Hà Nội	
				Ngô sinh khối						529	1.200	x		635	254			100,0 %	100,0 %								Công ty bỏ sữa thông nhút	
440	Ngọc Lặc	Kiến Thọ	Kiến Thọ	Bưởi	Tuổi nhỏ giọt, sủi dọng phần vì sinh					40	25.000		T10	1.000	200			100,0 %			100,0 %		Trang trại trồng bưởi Nguyễn Hồng Hải	Nguyễn Hồng Hải	0944382126	Quý 4/2024	Liên kết tẩy giống cây trồng từ học viện Nông nghiệp Việt Nam	
				Ới						10	12.000	x		120	35													
				Cherry						mới trồng																		
441	Cẩm Thủy	xã Cẩm Bình	Cẩm Thạch	Đầm gỗ keo						12.000	2.700	x		32.400	500			100,0 %	100,0 %				Công ty TNHH Dịch vụ vận tải và thương mại Minh Quang	Nguyễn Hồng Phong	09476945333	Quý 4/2024	Công ty Đức Trọng, công ty Văn Lang, Nghi Sơn thu mua	
442	Hà Trung	Hà Lai	Linh Toại	Lúa dài thơm, tám thơm	VietGAP					140	7.500		T5,T6 T10,T11	1.050	200			100,0 %	100,0 %				HTX Dịch vụ nông nghiệp Hà Lai	Nguyễn Thị Lý	0915900421	Quý 4/2024	Công ty TNHH TM Lư Sướng	
443	Hà Trung	Hà Bình	Hoạt Giang	Lúa Thái Xuyên, Thiên Ưu8	VietGAP					1.792	7.000		T5,T10	98 triệu đồng/ha/năm	25 triệu đồng/ha/năm			100,0 %	10,0 %		90,0 %		HTX Dịch vụ nông nghiệp Hà Bình	Lê Văn Tân	0889335159	Quý 4/2024	Công ty TNHH TM Lư Sướng	
444	Hà Trung	Hà Lĩnh	Tổng Sơn	Cây có múi						15	30.000		T12	450	180			100,0 %			100,0 %		Trang trại trồng bưởi Trịnh Thị Ứng	Trịnh Thị Ứng	0972125143	Quý 4/2024	Liên kết mua giống cây trồng tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam	
				Trám (chưa thu hoạch)																								
445	Hà Trung	Hà Châu	Linh Toại	Gà đẻ trứng						790000 quả	2000đ/quả	x		1.580	980			100,0 %			10,0 %	90,0 %	Trang trại chăn nuôi Trịnh Phương Bắc	Trịnh Phương Bắc	0965818246	Quý 4/2024	Liên kết đầu vào với công ty thức ăn chăn nuôi Green Feed-CN Hà Nam	
				Gà thả loại						3	55.000		T12	165	165						10,0 %	90,0 %						
446	Hà Trung	Hà Châu	Linh Toại	Lúa (Thái Xuyên 111, Thụy Hương 8, Hà Phát, Thiên Ưu, Bắc Thịnh)						4.427	9.000		T5,T10	112 triệu đồng/ha/năm	30 triệu đồng/ha/năm			100,0 %				100,0 %	HTX DVNN Hà Châu	Hoàng Hữu Hương	0945250665	Quý 4/2024		
447	Hà Trung	Hà Toại	Linh Toại	Lúa (ST25, Dải Thơm, Nếp)	VietGAP (30ha)					3.250	10.000		T5,T10	29.250	50 triệu đồng/ha/năm			100,0 %			100,0 %		HTX DVNN Hà Toại	Mai Văn Trường	0858365375	Quý 4/2024	Công ty TNHH TM Lư Sướng (đãi thơm); Công ty Sao Khuê (ST25)	
448	Hà Trung	Hà Hải	Linh Toại	Lúa Thái Xuyên, VT404, Nếp N97)	VietGAP (10ha)					2.200	10.000		T5,T10	22.000	48 triệu đồng/ha/năm			100,0 %				100,0 %	HTX DVNN Hà Hải	Mai Văn Tuấn	0399747716	Quý 4/2024		
449	TP Sầm Sơn	Quảng Tiến	Sầm Sơn	Thủy hải sản	ATVSTP					20	400.000		T9-T12	5.200	1.700	100%(Nhật Bản, Hàn Quốc)							Công ty TNHH Phước Thành	Nguyễn Thị Trang	0987821825	Quý 4/2024		
450	Tp.Sầm Sơn	Tp.Sầm Sơn	Sầm Sơn	Nước mắm bóng sen	ATVTP	x			2024	15000l	200.000	x		2.000	300		Hải Phòng, Hà Nội (60%)	Sầm Sơn, TP Thanh Hóa (40%)					Công ty TNHH Phương Cường Phúc	Nguyễn Hữu Phương	0986384345	Quý 1/2025		
451	Hoàng Hóa	Hoàng Thái	Hoàng Lộc	Lợn thịt	Truyền thống					500 con	60.000		Tháng 11	3.000	600			100,0 %			10,0 %	90,0 %	Trang trại tổng hợp	Nguyễn Văn Khánh	0913269318	Quý 1/2025		
				Gà thịt	Truyền thống					3000 con	70.000		Tháng 6, tháng 12	420	70						15,0 %	85,0 %						
				Cá	Thăm canh					2	20.000			40	25						30,0 %	70,0 %						
				Chuối tiêu hồng	Truyền thống					28	7.000		tháng 4	196	100						100,0 %	0,0 %						

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/ thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm						Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể				Thời điểm đưa ra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết	
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)					Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)					
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX, ... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử	Thương lái									
452	Hoàng Hóa	Hoàng Thành	Hoàng Lộc	Gà thịt	Truyền thống					15000 con	70.000		Tháng 5, tháng 11	2.100	650			100,0 %									100,0 %	Trang trại chăn nuôi gia cầm	Lê Bá Vinh	0913115869	Quý 1/2025	
453	Hoàng Hóa	Hoàng Kim	Hoàng Phú	Gà đẻ trứng	Truyền thống					7,56 triệu quả	1200 đ/quả	x		9.072	154			100,0 %							100,0 %			Trang trại chăn nuôi gà đẻ trứng	Nguyễn Xuân Đức	0336416861	Quý 1/2025	Liên kết cung cấp thức ăn chăn nuôi: Công ty CP, công ty CP AF; vaccine: do công ty Tấn Thành cung cấp
454	Hoàng Hóa	Hoàng Trinh	Hoàng Sơn	Gà đẻ trứng	Truyền thống					166.200 quả	1300 đ/quả	x		216	66			100,0 %						20,0 %		80,0 %	Trang trại chăn nuôi	Nguyễn Thế Hoàng	097449035	Quý 1/2025	Liên kết cung cấp thức ăn chăn nuôi: Công ty Green Feed, công ty TNHH CJ Vina Agri; vaccine: do công ty Tấn Thành cung cấp	
				Gà thịt	Truyền thống					600 con/năm (~1,8 tấn)	70.000		T5,T12	126	38			100,0 %						20,0 %		80,0 %						
				Chăn bò câu	Truyền thống					16.800	70000 đồng/con	x		1.176	588			100,0 %						30,0 %		70,0 %						
455	TP Thanh Hóa	An Hưng	Phường Hạc Thành	Thực phẩm đông lạnh (thịt lợn, thịt bò, thịt gà, cá thu, cá basa phi lê)						5-7 tấn/năm	115000-130000 (thịt lợn CP)	x		1,6 - 1,7 tỷ	340			100,0 %	100,0 %									Công ty cổ phần XNK và chế biến thực phẩm sạch Đức Minh	Lê Văn Phương	0915783993	Quý 1/2025	Trường tiểu học Đồng Vệ, Minh Khai, trường THPT chuyên Lam Sơn, mần non Quảng Xương, KS Lam Khai, Đai Việt (TP TH); trường Nữ Bà Sỹ, Lê Tả Đức (Hoàng Châu, Hoàng Hóa);
456	Hậu Lộc	xã Triệu Lộc	Triệu Lộc	Lúa giống (lúa lứt, thái xuân, Phú Ưu 978,...)						5	150.000(Thái Xuân); 45.000(TPR225)	x		500	100			100,0 %						100,0 %				Công ty TNHH giống cây trồng Bà Triệu	Nguyễn Thị Huệ	0975740019	Quý 1/2025	Liên kết lấy giống từ Công ty cổ phần tập đoàn Thái Bình Seed; Công ty tập đoàn giống cây trồng Việt Nam VinaSeed; Công ty TNHH giống cây trồng Hà Xuân;
				Cung ứng giống cây (leo, dưa, cây ăn quả, hoa cây cảnh)						10.000 cây	2.000-5.000(leo giống); 40.000-50.000 (dưa giống); 30.000-60.000-70.000(quả loại)	x		900	100			100,0 %						100,0 %								Liên kết lấy giống từ giống cây trồng Bến Tre, công ty giống cây trồng lâm nghiệp, Học Viện Nông nghiệp Việt Nam, Trung tâm giống cây trồng nông nghiệp;
457	Triệu Sơn	Hợp Lý	Hợp Tiến	Đào cảnh						15.000 cây	3.000.000 đ/cây		T12, T1	6.000	2.000		30 (Nghệ An, Hà Tĩnh)	70,0 %						100,0 %				HTX Sản xuất và dịch vụ cây hoa đào, cây cảnh, cây bóng mát Đồng Thành	Trần Sỹ Toàn	0989158909	Quý 1/2025	
				Tùng La Hán Đại Thành		x			2024	1.000 cây	2.000.000 đ/cây	x	T1, T2	2.000	1.000		50 %	50,0 %						100,0 %								
458	Triệu Sơn	Hợp Thắng	Hợp Tiến	Lươn thương phẩm						40	110.000-120.000	x		4.800	1.200		60 (Nghệ An, Hà Nội, Quảng Ninh,...)	40,0 %						40,0 %	60,0 %	HTX Dịch vụ nuôi lươn không bùn Hợp Thắng	Lê Văn Anh	0987255595	Quý 1/2025			
459	Triệu Sơn	Tiến Nông	An Nông	Ma khay						20000 khay/năm	30.000 đ/khay		T1,T2,T5,T 6	600	180			100,0 %						100,0 %				Công ty TNHH Quảng Hông	Lê Văn Quảng	0867651216	Quý 1/2025	
460	Triệu Sơn	Hợp Thành	Hợp Tiến	Son Mộc trà lá ổi non		x			2024	100.000 hộp/năm	45.000 đ/hộp	x		450	80		75 (Hà Nội, Cần Thơ, HCM, Đà Nẵng,...)	25,0 %						100,0 %				Công ty cổ phần kinh doanh thương mại và sản xuất Anh Khôi	Lê Tam Sơn	0966247123	Quý 1/2025	
				Son Mộc trà gừng - tía tô		x			2024	10.000 hộp/năm	45.000 đ/hộp	x		45	15		75 (Hà Nội, Cần Thơ, HCM, Đà Nẵng,...)	25,0 %						100,0 %								
461	Triệu Sơn	Tiến Nông	An Nông	Lúa (Q5, kháng dãn, TBR225)						400	7.000		T5,9,10	2.800	40 triệu/ha/năm			100,0 %	50,0 %						50,0 %			HTX sản xuất và tiêu thụ nông sản an toàn Tiến Nông	Lê Văn Quảng	0867651216	Quý 1/2025	Liên kết với công ty Sao Khuê tiêu thụ sản phẩm
				Cà chua						100	10.000		T2, T5,T8, T11, T12	110	60			100,0 %						100,0 %								
462	Triệu Sơn	Thọ Sơn	Thọ Bình	Gà thương phẩm						300	50.000	x		15.000	1.000			100,0 %						20,0 %		80,0 %	HTX dịch vụ chăn nuôi gà tu Thanh Hóa	Lê Xuân Thịnh	0987031387	Quý 1/2025		

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/thị trấn	Tên xã/phường (sau sáp nhập)	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm				Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể			Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết			
						3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)				Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)					
												Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX, ... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử							Thương lái		
489	Thường Xuân	Luận Thành	Luận Thành	Nho hạ đen	VietGAP					1,5-2 tấn/năm	130.000-150.000 đ/kg		T7,T12,T1	300	120		30% (Bắc Ninh, Hà Nội)	70,0 %				5,0 %	95,0 %	HTX Phát triển nông nghiệp xanh Huy Sơn	Hà Việt Huy	0394887705	Quý 3/2025				
481	Thường Xuân	Luận Thành	Luận Thành	Lúa thương phẩm+ Lúa giống (VNR20), Thuy Hương 306, Thái Xuyên 111, BC 15						58.888	8.000		T5,T9	110 triệu đồng/ha/năm	35 triệu đồng/ha/năm		10% (Thái Bình, Hà Nội)	90,0 %	10,0 %			90,0 %			HTX Nông nghiệp dịch vụ tổng hợp Xuân Cao	Lê Thế Nghĩa	0978050326	Quý 3/2025		Công ty CP tập đoàn Thái Bình Seed, Công ty cổ phần tập đoàn giống cây trồng Việt Nam	
482	Thường Xuân	Luận Thành	Luận Thành	Cà Sẫm					chưa thu hoạch dự kiến năng suất khoảng 15tấn/ha	theo giá thị trường hiện tại khoảng 80.000-120.000đ/kg tươi		Năm 2028				đạt 100% cung cấp cho các đơn vị sản xuất được hiệu và trả lãi từ									HTX Lâm nghiệp dược liệu Thường Xuân	Lê Xuân Long	0913720222	Quý 3/2025			
483	Thường Xuân	Thường Xuân	Thường Xuân	Đm vàng Kim hoàng hậu						20 tấn/năm	25.000 - 30.000		T6,T9,T12	600	200		70% (Hà Nội, Hưng Yên)	30,0 %				100,0 %				HTX dịch vụ nông nghiệp Thanh Đảo	Lê Văn Thanh	0384888845	Quý 3/2025		
484	Thường Xuân	Thường Xuân	Thường Xuân	Ván bóc						8.000- 10.000m3	2,2 triệu đồng/m3	x		2.200	300		50% (Hà Nội, Hải Phòng)	50,0 %					100,0 %	Công ty TNHH chế biến gỗ Hoàng Tuấn	Nguyễn Văn Vũ	0916169239	Quý 3/2025				
485	Bá Thuộc	Bá Thuộc	Bá Thuộc	Cà giồng						60.000-80.000 con	2.000-3.000	x		240	150			100,0 %				100,0 %				HTX dịch vụ nông nghiệp Chiềng Lan	Vì Văn Loan	0334846378	Quý 3/2025		
486	Bá Thuộc	Bá Thuộc	Bá Thuộc	Gạo nếp		x			2023	100	50.000		T10,T11	5.000	1.000		50% (Hà Nội)	50,0 %								HTX Nông nghiệp Du lịch Ban Công	Lương Văn Nào	0974688900	Quý 3/2025		
487	Bá Thuộc	Điền Quang	Điền Quang	Mật mía						100000 lít	25.000 lít	x		2.500	400		70% (Nghệ An, Hà Tĩnh)	30,0 %					100,0 %			HTX tư vấn và dịch vụ nông nghiệp Điền Quang	Ngô Thi Hương	0812136308	Quý 3/2025		
488	Bá Thuộc	Điền Quang	Điền Quang	Bưởi diêm						40	10.000		T11,T12	400	150			100,0 %				100,0 %				Trang trại tổng hợp Lương Quốc Tuấn	Lương Quốc Tuấn	0889426605	Quý 3/2025		
489	Bá Thuộc	Bá Thuộc	Bá Thuộc	Mía						6.240	12.000.000đ/tấn		T11,T12	7.488	1.800			100,0 %	100,0 %							HTX DVNN Tân Thành	Hoàng Xuân Hùng	0336459173	Quý 3/2025		Công ty mía đường Lam Sơn
490	Bá Thuộc	Điền Lư	Điền Lư	Cây xương khô						300	30.000-40.000	x		12.000	4.000		70% (Ninh Bình, Hòa Bình, Hưng Yên)	30,0 %					100,0 %			HTX Dịch vụ nông được Bá Thuộc	Nguyễn Đình Hải	0974531807	Quý 3/2025		
491	Bá Thuộc	Điền Lư	Điền Lư	Lúa (Thái Xuyên 111, 838, Nhị úm)						100	7.500		T4,T9	90 triệu đồng/ha/năm	40 triệu đồng/ha/năm			100,0 %				100,0 %				HTX Dịch vụ nông nghiệp Điền Lư	Đào Xuân Tinh	0388459369	Quý 3/2025		
492	Quảng Xương	Quảng Chính	Quảng Chính	Tôm nõn		x			2023	5 tấn	500.000	x		2.000	400			100,0 %				100,0 %				HTX Dịch vụ và Nuôi trồng thủy sản xã Quảng Chính	Phạm Bá Thảo	0987483168	Quý 3/2025		
493	Quảng Xương	Quảng Hợp	Quảng Hợp	Lúa	VietGAP					150	8.900		T5,T10	120 triệu đồng/ha/năm	50 triệu đồng/ha/năm			100,0 %	30,0 %			70,0 %				HTX Dịch vụ nông nghiệp xã Quảng Hợp	Nguyễn Xuân Văn	0346288502	Quý 3/2025		Công ty Bắc Trung Bộ
494	Quảng Xương	Quảng Phúc	Quảng Ngọc	Mắm Cáy		x			2021	3000 lít/năm	200.000 đ/lít	x		600	250		20% (Hà Nội)	80,0 %				100,0 %				HTX Sản xuất, kinh doanh và dịch vụ nông nghiệp Quảng Phúc	Lê Văn Bằng	0973781818	Quý 3/2025		
495	Nông Công	Trường Giang	Trường Văn	Trứng vịt lộn							50000/quả	x					100,0 %				100,0 %					Trang trại chăn nuôi Nguyễn Nho Lý	Nguyễn Nho Lý		Quý 3/2025		
496	Nông Công	Tế Thắng	Thắng Lợi	Dứa đóng lon						800kg dứa hộp	1.600	x		1.250	250			100,0 %	100,0 %							HTX Sản xuất, chế biến nông sản Tế Thắng	Trần Thị Xuân	0385493168	Quý 3/2025		Công ty TNHH Tư Thành
497	Nông Công	Trường Giang	Trường Văn	Nón Lá						1080.000 cái	35.000 đ/cái	x		37.800	3.500		70% (Huế, Hà Nội, TP HCM)	30,0 %	50,0 %	10,0 %	20,0 %	20,0 %				Hấp hái sản xuất nón lá Trường Giang	Lê Mạnh Hùng	0972798133	Quý 3/2025		Làng Chuông Hà Nội
498	Nông Công	Trung Chính	Trung Chính	Vịt thương phẩm						9000 con	45.000	x		1.012	152			100,0 %					100,0 %			Trang trại chăn nuôi Nguyễn Đình Đê	Nguyễn Đình Đê	0974078368 (0971092778)	Quý 3/2025		
499	Nông Công	Trung Chính	Trung Chính	Vịt thương phẩm						10000 con	45.000		T5, T11	900	90			100,0 %					100,0 %			Trang trại Nguyễn Văn Sỹ	Nguyễn Văn Sỹ	0987371708	Quý 3/2025		
500	Nông Công	Trường Giang	Trường Văn	Vịt thương phẩm						3000 con	45.000		T5, T11	270	70			100,0 %								Trang trại Ngô Khắc Tạo	Ngô Khắc Tạo	0392148515	Quý 3/2025		

STT	Tên huyện	Tên xã/phường/ thị trấn	Tên sản phẩm	Quy trình kỹ thuật sản xuất đang áp dụng	Xếp hạng OCOP				Thông tin sản phẩm				Thông tin thị trường										Thông tin chủ thể				Thời điểm điều tra	Tên doanh nghiệp liên doanh liên kết
					3 sao	4 sao	5 sao	Xếp hạng năm	Sản lượng (tấn)	Giá bán tham khảo (đ/kg)	Thời điểm có sản phẩm		Hiệu quả kinh tế		Thị trường tiêu thụ (% sản lượng)			Kênh phân phối (% sản lượng)					Tên chủ thể (HTX/DN)	Người đại diện	Số điện thoại	Đã điều tra (Thời điểm)		
											Quanh năm	Tháng	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	Xuất khẩu (thị trường nào?)	Trong nước (tỉnh nào ?)	Trong tỉnh	Liên kết doanh nghiệp, HTX, ... tiêu thụ	Hệ thống siêu thị	Hệ thống chợ, cửa hàng nhỏ	Thương mại điện tử	Thương lái						
501	Nông Công	Trưởng Giang	Trưởng Văn	Bò thịt					90 con	70.000-72.000	x		1.290	240			100,0 %					100,0 %	Trang trại Ngõ Xuân Thanh	Ngõ Xuân Thanh	0972758885	Quý 3/2025		
502	Bà Thuộc	Bà Thuộc	Bà Thuộc	Gà thịt					12000 con	120.000	x		2.160	660			100,0 %					100,0 %	Trang trại Lò Văn Thành	Lò Văn Thành	0346575284	Quý 4/2025		
			Luồng						6000 cây/năm	5.000		T6,T12	30	20			100,0 %			100,0 %								
503	Bà Thuộc	Bà Thuộc	Bà Thuộc	Gà cầm (Gà, vịt)					60000 con	100.000	x		12.000	2.000			100,0 %			100,0 %			Công ty TNHH giống và phát triển chăn nuôi Vịt Cổ Lũng	Hoàng Văn Thắng	0989655648	Quý 4/2025		
504	Quan Sơn	T.T.Sơn Lư	Quan Sơn	Măng bóp Duy Lĩnh	x			2024	2	300.000	x		600	200		30%(Vinh Long, Trà Vinh, Tp.HCM)	70,0 %			80,0 %	20,0 %		HTX Nông nghiệp xanh Duy Lĩnh	Phạm Bá Duy	0961126412	Quý 4/2025		
505	Quan Sơn	Tam Lư	Tam Lư	Luồng, vầu					1872000 cây	5000đ/cây	x		9.360	6.550			100,0 %			100,0 %			HTX Dịch vụ nông lâm nghiệp Tam Lư	Hà Văn Tủa	0962166315	Quý 4/2025		
506	Quan Sơn	Tam Lư	Tam Lư	Vịt Bầu	x			2023	15000 con	300000 đ/con	x		4.500	1.350		50%(Ninh Bình)	50,0 %			100,0 %			HTX Dịch vụ chăn nuôi Vịt Sơn Hà	Lò Thị Liên	0378384198	Quý 4/2025		
507	Cẩm Thủy	Cẩm Thạch	Cẩm Thạch	Dong Rừng					2.400	2.000.000 đ/tấn		T11,T12	120 triệu đồng/ha/năm	60 triệu đồng/ha/năm			100,0 %			100,0 %			HTX Dịch vụ và sản xuất mận đông Dồi Áo	Đỗ Thị Huyền	0383313566	Quý 4/2025		
508	Cẩm Thủy	Cẩm Thạch	Cẩm Thạch	Lúa					200	8.000		T5,T6,T9,T 10	110 triệu đồng/ha/năm	38 triệu đồng/ha/na			100,0 %			100,0 %			HTX DVTH NN Cẩm Thạch	Phùng Bá Thắng	0818913789	Quý 4/2025		
509	Cẩm Thủy	Cẩm Bình	Cẩm Thạch	Lúa Thái Xuyên 111, BC 15, Khang Dân, Q5					500	8.000		T5,T6,T9,T 10	110 triệu đồng/ha/năm	38 triệu đồng/ha/na			100,0 %			100,0 %			HTX DV tổng hợp Hạc Sơn	Phạm Ngọc Tuấn	0911252779	Quý 4/2025		
			Mía nguyên liệu						14.035	12.000		T4, T11, T12	84 triệu đồng/ha/năm	35 triệu đồng/ha/năm			100,0 %	100,0 %										Công ty mía đường Lam Sơn
510	Cẩm Thủy	Cẩm Thành	Cẩm Thạch	Lúa (Thái Xuyên 111, BC15, TBR 225)					100	8.000		T5,T6,T9,T 11	110 triệu đồng/ha/năm	38 triệu đồng/ha/năm			100,0 %			100,0 %			HTX DVTH Cẩm Thành	Lương Văn Bình	0979367598	Quý 4/2025		
511	Cẩm Thủy	Cẩm Bình	Cẩm Thạch	Trà Xa đen, Cà gai leo	x			2024	2000 hộp	100000 đ/hộp	x		200	100		50% (Hà Nội, Ninh Bình)	50,0 %			100,0 %			HTX Nông dược sống Hạnh Phúc	Phạm Thị Hậu	0976461769	Quý 4/2025		
512	Quan Hóa	Phú Nghiêm	Hải Xuân	Giấy, vàng mã					5.500	10.000-11.000	x		57.750	5.775		70% (Hải Phòng, Hà Nội, Quảng Ninh)	30,0 %	100,0 %					HTX Hợp Phát	Nguyễn Duy Chính	0981470625	Quý 4/2025		Công ty TNHH Duyệt Cường (Thanh Hóa); Công ty TNHH Sản xuất Đông Chấn (Hà Nội); Công ty TNHH Hợp Thuận (Hải Phòng);
513	Quan Hóa	Phú Thanh	Phú Lệ	Lúa BC 15, nếp năng tiến					125	8.000		T5,T6; T9-T10	85 triệu đồng/ha/năm	35 triệu đồng/ha/năm			100,0 %			100,0 %			HTX DVTN xã Phú Thanh	Hà Thị Phương	0362751265	Quý 4/2025		
514	Quan Hóa	Phú Lệ	Phú Lệ	Lúa BC 15, TBR 225, nếp 97					421	8.000		T5,T6; T9-T10	85 triệu đồng/ha/năm	35 triệu đồng/ha/năm			100,0 %			100,0 %			HTX DVTN xã Phú Lệ	Hà Văn Nhất	0981748688	Quý 4/2025		
515	Quan Hóa	Phú Xuân	Phú Xuân	Lúa thương phẩm (BC15, Thái Xuyên, Nếp 997)					736	8.000		T5,T10	85 triệu đồng/ha/năm	35 triệu đồng/ha/năm			100,0 %			100,0 %			HTX DVTN xã Phú Xuân	Cao Thị Văn	0325277785	Quý 4/2025		
516	Quan Hóa	Hải Xuân	Hải Xuân	Giấy để					3.000	10.500	x		40.000	18.000	100%(Dải Loan)								HTX Chế biến lâm sản Quan Hóa	Nguyễn Bình Dương	0936475016	Quý 4/2025		
517	Quan Hóa	Phú Sơn	Phú Lệ	Lúa thương phẩm (BC 15, TBR 225)					414	8.000		T5,T110	85 triệu đồng/ha/năm	35 triệu đồng/ha/năm			100,0 %			100,0 %			HTX DVTN xã Phú Sơn	Hà Văn Hào	0339832363	Quý 4/2025		
518	Ngọc Lặc	Minh Sơn	Minh Sơn	Măng Lục Trúc	VietGAP				70	40.000		T3				10% (Bắc Ninh, Hà Nội)	90,0 %			100,0 %			HTX DVNN Măng Lục Trúc Xuân Hành	Định Thị Lệ	0352032702	Quý 4/2025		
519	Thạch Thành	Thạch Lập	Thạch Lập	Mít thái, mít ta					250	7.000		T2-T8	1.750	525		50% (Ninh Bình,Hà Nội)	50,0 %			100,0 %			HTX DVNLN Quang Trung	Nguyễn Vinh Thanh	0983378318	Quý 4/2025		